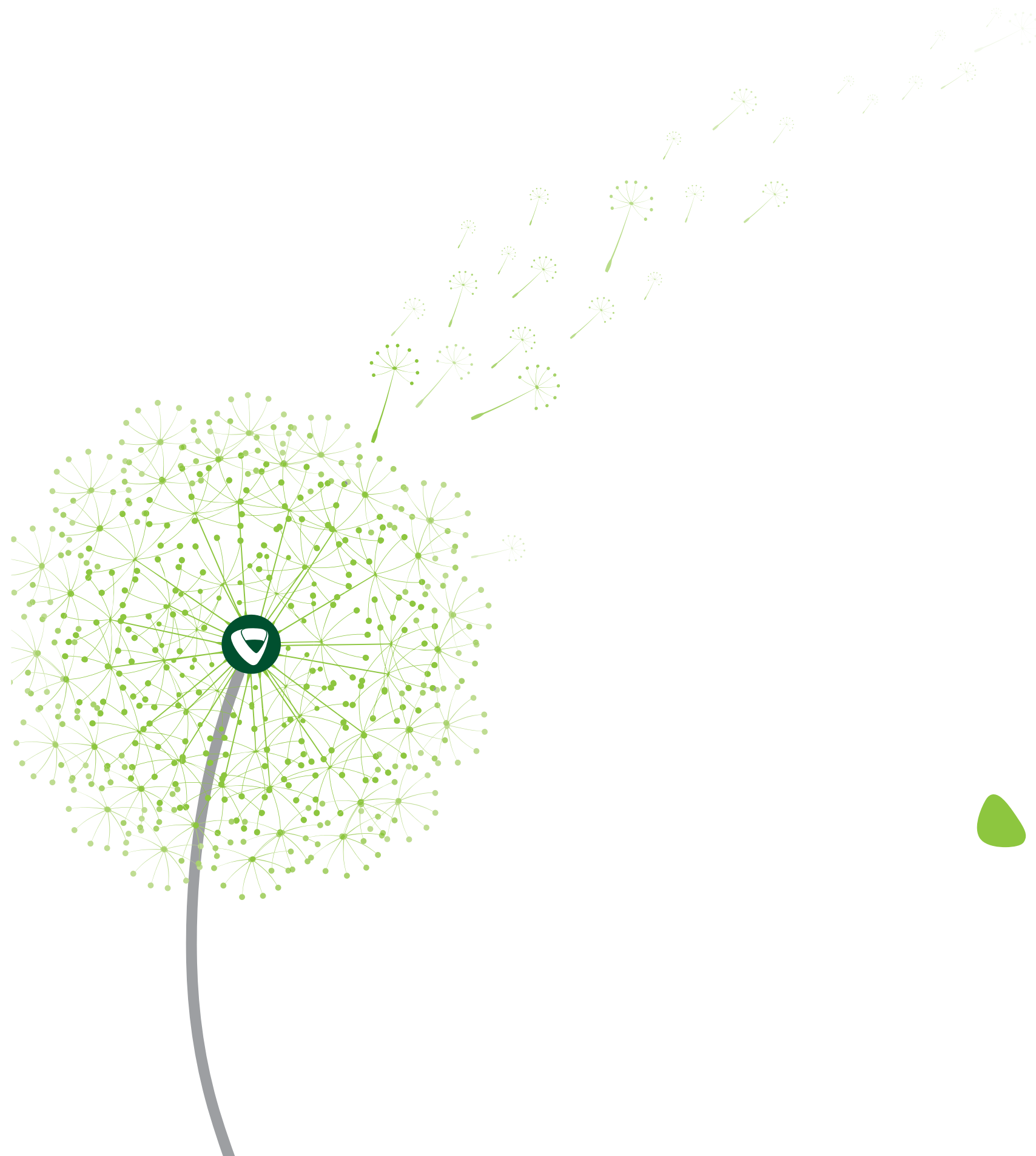




Chắp cánh bay xa
TRÊN HÀNH TRÌNH MỚI



NỘI DUNG

04 GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD
- 08 Thông tin chung Vietcombank
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 10 Quá trình hình thành và phát triển
- 14 10 sự kiện tiêu biểu Vietcombank năm 2015
- 18 Thông tin về Mô hình quản trị & Cơ cấu bộ máy quản lý
- 20 Chỉ số tài chính cơ bản 2010 - 2015
- 22 Định hướng phát triển.
- 22 Danh hiệu và giải thưởng

30 BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

- 32 Tình hình tài chính
- 33 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 35 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 40 Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành
- 54 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank

62 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 64 Tổ chức và Nhân sự
- 66 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 68 Giới thiệu Ban Điều hành
- 71 Giới thiệu Ban Kiểm soát

72 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 74 Quản trị Công ty
- 82 Quản trị rủi ro
- 84 Mạng lưới hoạt động

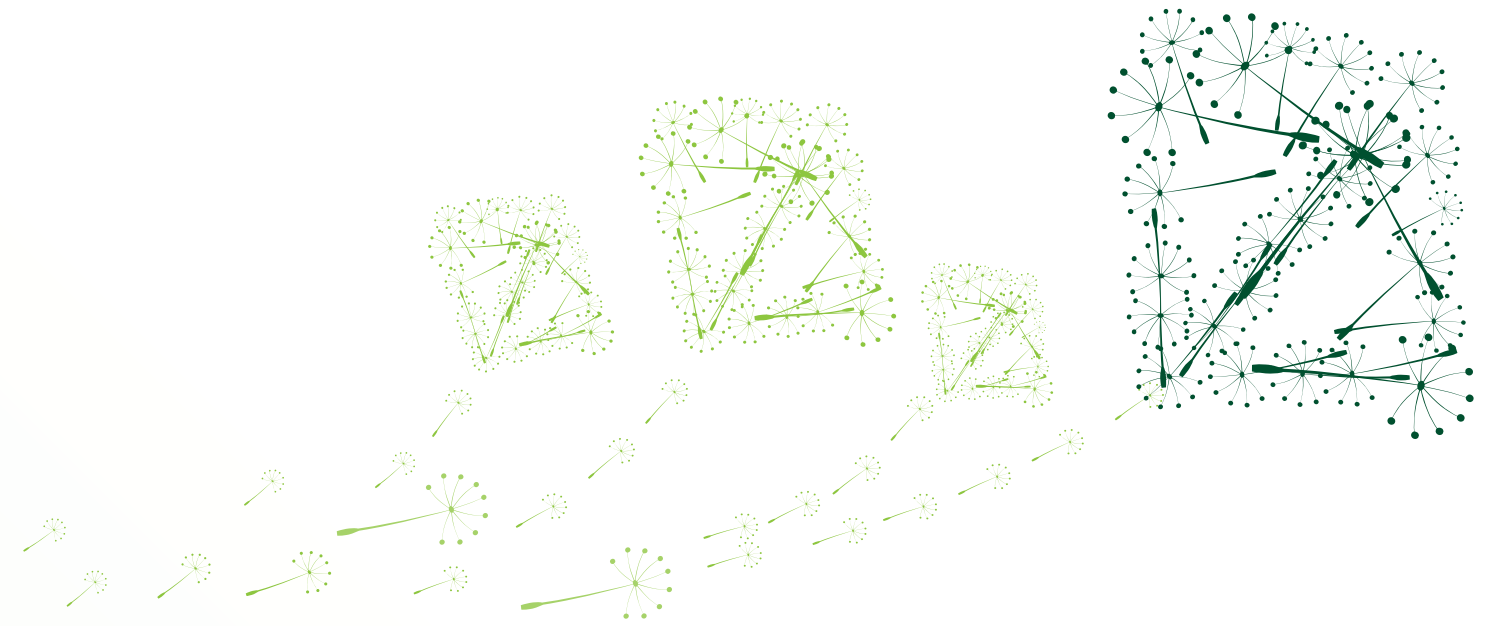
86 CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

- 88 Hoạt động an sinh xã hội Vietcombank 2015

98 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 101 Thông tin về Ngân hàng
- 103 Báo cáo của Ban Điều hành
- 104 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 106 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 109 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 111 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 113 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

LẤY **UY TÍN**
BỒI ĐÁP THÊM **THƯƠNG HIỆU**



Giới thiệu Vietcombank

- ↳ Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD
- ↳ Thông tin chung Vietcombank
- ↳ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ↳ Quá trình hình thành và phát triển
- ↳ 10 sự kiện tiêu biểu Vietcombank năm 2015
- ↳ Thông tin về Mô hình quản trị & Cơ cấu bộ máy quản lý
- ↳ Chỉ số tài chính cơ bản 2010 - 2015
- ↳ Định hướng phát triển
- ↳ Danh hiệu và giải thưởng



Tổng tài sản tăng trưởng 17%, huy động vốn tăng trưởng 19%, sử dụng vốn tăng trưởng trên 30%. Lợi nhuận tăng trưởng cao nhất trong 5 năm trở lại đây và liên tục là đơn vị niêm yết có mức vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán,...

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám đốc

Năm 2015, thế giới đã trải qua nhiều biến động địa chính trị, kinh tế tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng. Kinh tế trong nước chịu nhiều ảnh hưởng nhưng đã có khởi sắc, tăng trưởng GDP đạt 6,68% cao hơn mức dự kiến, lạm phát ở mức thấp nhất trong 12 năm trở lại đây. Thanh khoản của các TCTD không ngừng được cải thiện; điều hành lãi suất chủ động và bám sát tình hình kinh tế vĩ mô; lãi suất cho vay tiếp tục giảm sâu; thị trường ngoại hối, tỷ giá được điều hành linh hoạt trong bối cảnh sức ép gia tăng từ các nền kinh tế khác. Kỳ cương trong hoạt động ngân hàng ngày càng được củng cố; các TCTD

yếu kém từng bước được củng cố, tái cơ cấu; tỷ lệ nợ xấu của toàn ngành giảm mạnh, chỉ còn ở mức 2,7%.

Khép lại năm qua, với việc nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường trên cơ sở định hướng chiến lược của Vietcombank, với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo, kết nối chặt chẽ giữa Trụ sở chính và các chi nhánh, với sự nỗ lực quyết tâm của toàn hệ thống, Vietcombank đã đạt được những kết quả ấn tượng trong việc thực hiện các chỉ tiêu trọng yếu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra: Tổng tài sản tăng trưởng 17%,

huy động vốn tăng trưởng 19%, sử dụng vốn tăng trưởng trên 30%. Lợi nhuận tăng trưởng cao nhất trong 5 năm trở lại đây và liên tục là đơn vị niêm yết có mức vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán,...

Cùng với sự tăng trưởng bền vững và ấn tượng trên các mặt hoạt động kinh doanh, Vietcombank đã triển khai có hiệu quả nhiều dự án nâng cao năng lực hoạt động, hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách quản trị nội bộ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo cơ sở vững chắc cho việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất. Với việc chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, Vietcombank luôn có một nguồn nhân lực chất lượng cao, đầy đủ năng lực đáp ứng với yêu cầu của hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, với vai trò là ngân hàng chủ đạo, chủ lực của nhà nước, năm vừa qua Vietcombank đã có đóng góp quan trọng trong việc triển khai đề án tái cơ cấu các TCTD, góp phần vào thành công chung của ngành ngân hàng. Vietcombank cũng luôn tích cực chung tay chia sẻ với cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội, xóa đói, giảm nghèo thông qua các chương trình từ thiện, an sinh xã hội trên cả nước, qua đó uy tín thương hiệu được cộng đồng ghi nhận và đánh giá cao.

Bước sang năm 2016, nền kinh tế đã có những tín hiệu tích cực, nhưng thách thức vẫn còn nhiều. Bối cảnh đó đòi hỏi Vietcombank phải tiếp tục nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất để hiện thực hóa những mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, tiếp tục có những bước đột phá, ghi thêm những dấu ấn mới. Tất cả nhằm tạo ra những tiến bộ vững chắc để đưa Vietcombank vững bước trên con đường trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam và có vị thế trong khu vực, được quản trị theo các thông lệ tốt nhất, xứng đáng với niềm tin của các cơ quan quản lý nhà nước, niềm tin và kỳ vọng của các nhà đầu tư, của hàng triệu khách hàng.

Vietcombank đề ra phương châm cho năm 2016 là "Tăng tốc - Hiệu quả - Bền vững" và quan điểm chỉ đạo điều hành là "Đổi mới - Kỳ cương - Trách nhiệm". Định hướng chủ đạo là tiếp tục bám sát Chiến lược 2011 - 2020 nhằm đưa Vietcombank phát triển nhanh quy mô, có chiều sâu, đi đôi với chất lượng và hiệu quả làm trọng tâm, triển khai áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị. Các mục tiêu

chính của năm 2016 là: (i) Đổi mới mạnh mẽ công tác khách hàng làm nền tảng thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh; (ii) Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm tra kiểm soát nội bộ và tập trung thu hồi nợ xấu nội và ngoại bảng; (iii) Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và tài trợ thương mại; (iv) Củng cố hoạt động của các công ty con, hiệu quả đầu tư; (v) Tập trung triển khai đúng lộ trình các dự án nâng cao năng lực quản trị đặc biệt là năng lực quản trị rủi ro tín dụng, triển khai sáng kiến trọng yếu; (vi) Tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực tài chính; (vii) Phát triển mạng lưới trong nước và nghiên cứu thành lập ở nước ngoài.

Phát huy truyền thống lịch sử hơn 50 năm và những giá trị cốt lõi của văn hóa Vietcombank cùng với thể và lực tạo được trong những năm gần đây, với sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, đối tác, quý vị cổ đông; sự sáng tạo, kết nối, trách nhiệm của gần 15.000 CBNV trên toàn hệ thống, Vietcombank sẽ nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, nắm bắt cơ hội, tiếp tục phát triển nhanh và bền vững.

**Chủ tịch HĐQT
NGHIÊM XUÂN THÀNH**

**Tổng Giám đốc
PHẠM QUANG DŨNG**

Thông tin chung Vietcombank

Tên giao dịch

Tên công ty bằng tiếng Việt:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.

Tên công ty bằng tiếng Anh:

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM.

Tên giao dịch: VIETCOMBANK

Tên viết tắt: VIETCOMBANK

Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN
do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp: 0100112437

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/6/2008 (đăng ký lần đầu).

Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 07/11/2014

Vốn điều lệ (Vốn đầu tư của chủ sở hữu): 26.650.203.340.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi tỷ hai trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng.

Mã cổ phiếu: VCB

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

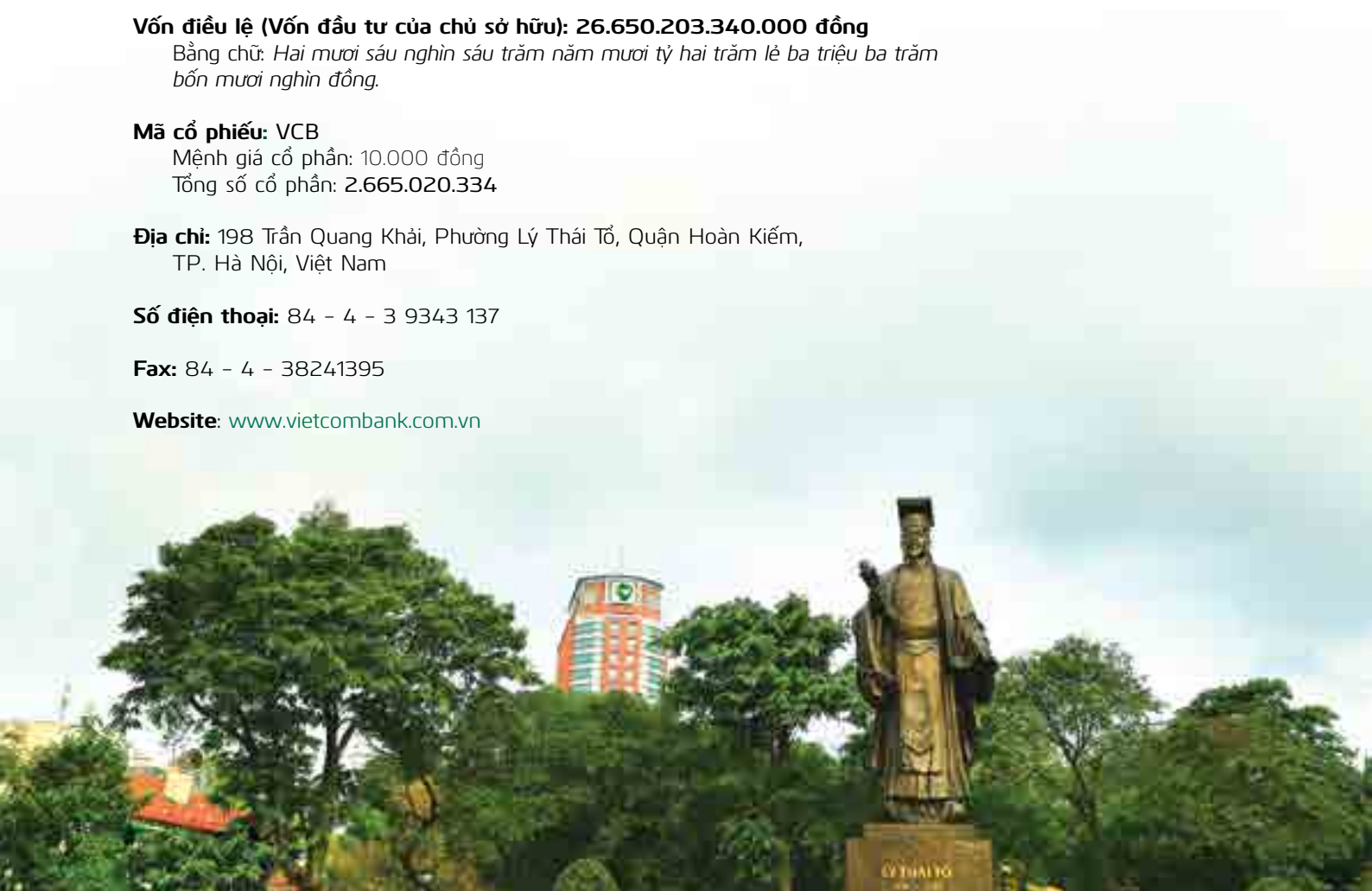
Tổng số cổ phần: 2.665.020.334

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 84 - 4 - 3 9343 137

Fax: 84 - 4 - 38241395

Website: www.vietcombank.com.vn



Ngành nghề và ĐỊA BÀN KINH DOANH

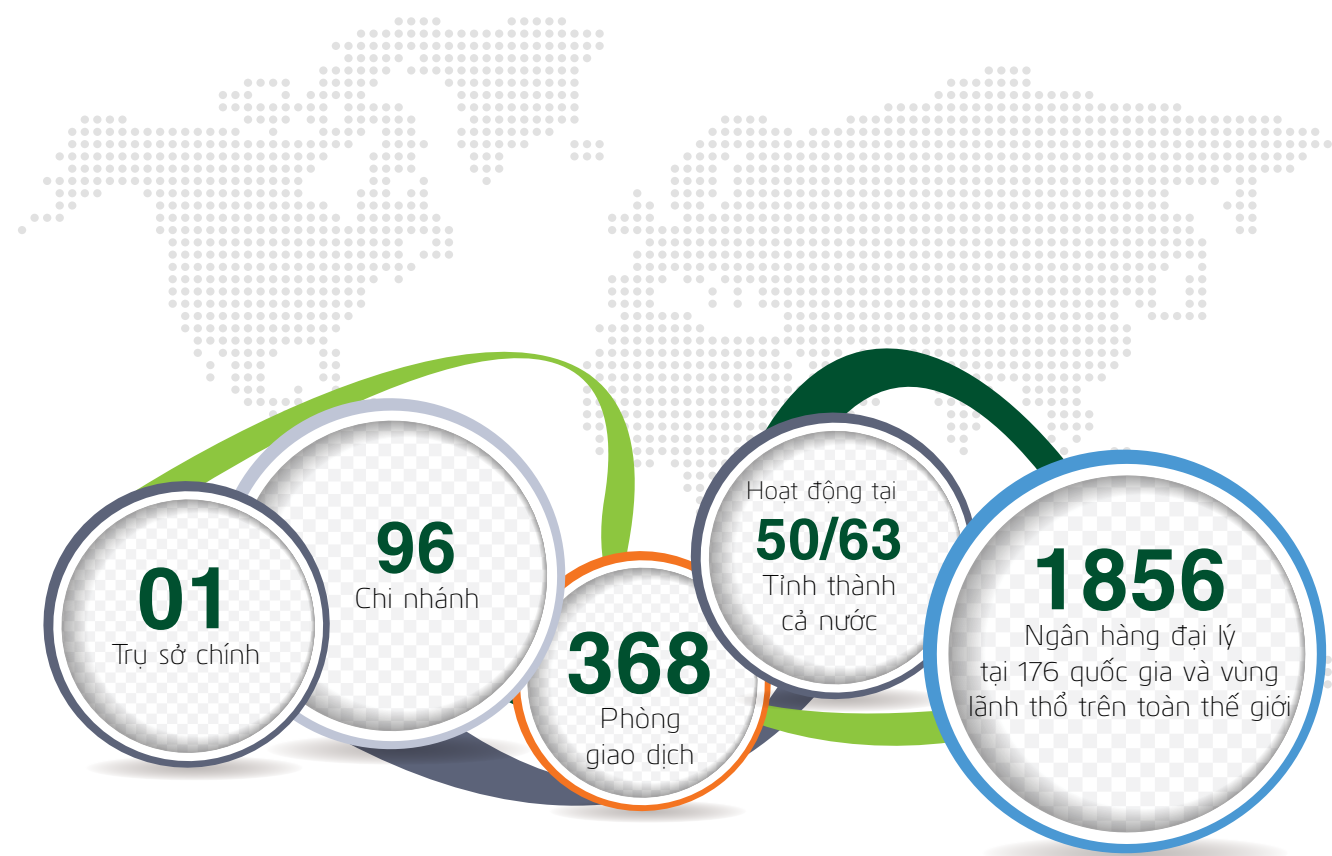
Ngành nghề kinh doanh

- * Dịch vụ tài khoản
- * Dịch vụ huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu)
- * Dịch vụ cho vay (ngắn, trung, dài hạn)
- * Dịch vụ bảo lãnh
- * Dịch vụ chiết khấu chứng từ
- * Dịch vụ thanh toán quốc tế
- * Dịch vụ chuyển tiền
- * Dịch vụ thẻ
- * Dịch vụ thờ thu
- * Dịch vụ mua bán ngoại tệ
- * Dịch vụ ngân hàng đại lý
- * Dịch vụ bao thanh toán
- * Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Tính đến hết năm 2015, bên cạnh trụ sở chính, Vietcombank hiện có 96 chi nhánh với 368 phòng giao dịch hoạt động tại 50/63 tỉnh thành phố trong cả nước. Mạng lưới hoạt động phân bố: Bắc Trung bộ 8,3%, Đông bắc bộ 7,3%, Đông bằng sông Hồng 10,4%, Khu vực Hà Nội 15,6%, Đông bằng sông Cửu Long 14,6%, Đông Nam Bộ 11,5%, Hồ Chí Minh 17,7%, Nam Trung bộ 10,4%, Tây Nguyên 4,2%.

Vietcombank còn có 1856 ngân hàng đại lý tại 176 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.



Quá trình hình thành và phát triển



Quá trình hình thành và các tổ chức tiền thân

Ngày 06/05/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 15/SL thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Sau khi hòa bình được lập lại ở miền Bắc, việc thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ thương mại... với các nước được đặt ra. Vì vậy, Sở Quản lý Ngoại hối thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 443/TTg ngày 20/01/1955 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tham mưu cho chính phủ về công tác quản lý ngoại tệ, vàng bạc, thực hiện thanh toán mậu dịch, phí mậu dịch giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Tiếp đó, ngày 26/10/1961 Chính phủ ra Nghị định số 171/CP đổi tên Ngân hàng Quốc gia Việt Nam thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó có Cục Ngoại

hối, thay cho Sở Quản lý Ngoại hối trước đây. Đây là bước phát triển, tạo tiền đề thành lập ngân hàng chuyên doanh và nghiệp vụ ngân hàng đối ngoại sau này.

Để phù hợp với tập quán quốc tế về hoạt động ngân hàng đối ngoại, ngày 30/10/1962, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 115/CP thành lập Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với nhiệm vụ kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế, tín dụng quốc tế, cho vay ngoại thương; tham gia quản lý ngoại hối, góp phần bảo vệ tiền tệ và tài sản nhà nước, tăng cường mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị và giao lưu văn hóa với nước ngoài. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 01/4/1963, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chính thức đi vào hoạt động, và cũng kể từ đó thương hiệu Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chính thức ra đời.

Nhiệm vụ cao cả với Tổ quốc và những mốc son chói lọi

Thời kỳ đầu từ 1963 - 1977, Vietcombank với vai trò độc quyền về hoạt động ngân hàng đối ngoại đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Chính phủ, ngành Ngân hàng giao phó, vừa đáp ứng nhu cầu ngoại tệ cho nền kinh tế của hậu phương miền Bắc, vừa làm tròn nhiệm vụ cung ứng ngoại tệ cho chiến trường miền Nam, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước mà tiêu biểu là hoạt động của B29.

Cùng với các giải pháp hết sức táo bạo của chiến tranh nhân dân do Đảng ta mà trực tiếp là Ban Kinh tế Trung ương Cục miền Nam tổ chức và chỉ đạo, giải pháp thanh toán đặc biệt do B29 thực hiện đã có ý nghĩa lớn giúp cho việc cung cấp cho chiến trường miền Nam một số vật tư kỹ thuật, kể cả vũ khí, đạn dược ngay tại chỗ. Kết quả trong các năm cuối của cuộc chiến tranh, B29 đã thực hiện việc thanh toán đặc biệt an toàn cho hàng trăm chuyến hàng trị giá hàng trăm triệu USD. Đây là một chiến công thầm lặng trong cuộc chiến



tranh giải phóng dân tộc mà Cục Ngoại hối, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có vinh dự được tham gia.

Ngoài ra, trong quá trình tiếp nhận vốn ngoại tệ từ nước ngoài về đến khi đưa ngoại tệ chi viện vào miền Nam, B29 đã vận dụng linh hoạt các nghiệp vụ, chuyển đổi ngoại tệ này sang ngoại tệ khác, tranh thủ điều chuyển vốn từ ngân hàng không trả lãi sang ngân hàng trả lãi, ngân hàng trả lãi thấp sang ngân hàng trả lãi cao đã thu được khoản lãi gần 21 triệu USD, tăng thêm nguồn viện trợ cho chiến trường.

Sau ngày miền Nam giải phóng, bằng nhiều biện pháp tích cực, có hiệu quả, Ngân hàng Ngoại thương đã nhanh chóng tiếp quản hệ thống ngân hàng của chế độ cũ, thu về cho quốc gia một khối lượng tài sản, vốn lớn đang nằm ở nước ngoài, đấu tranh với các ngân hàng nước ngoài trong việc chuyển các tài khoản đứng tên ngân hàng quốc gia nguy quyền Sài Gòn vào tài khoản đứng tên NHNN Việt Nam ở nước ngoài để sau khi bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, đã thu về hàng trăm triệu USD, góp phần vào công cuộc khắc phục hậu quả sau chiến tranh, phát triển kinh tế xã hội đất nước.



Khẳng định vị thế ngân hàng chủ đạo trong giai đoạn đổi mới

Bước vào thời kỳ đổi mới, từ những năm 90, cùng với việc ra đời các Pháp lệnh về ngân hàng, sau này là 2 bộ luật ngân hàng, Vietcombank đã đi tiên phong trong việc xây dựng và thực hiện Đề án tái cơ cấu nhằm đổi mới toàn diện tổ chức, hoạt động Vietcombank. Danh mục đầu tư của Vietcombank được chuyển đổi theo hướng tập trung và phục vụ cho các dự án lớn và trọng điểm, hỗ trợ tích cực cho các thành phần kinh tế đầy mạnh sản xuất kinh doanh góp phần không nhỏ cho tăng trưởng kinh tế đất nước thời bấy giờ.

Quán triệt tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX là "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế", Vietcombank đã từng bước thoát khỏi tư duy bao cấp, vượt qua những rào cản cơ chế để tiếp cận, hội nhập với thị trường tài chính - tiền tệ thế giới; đi đầu trong việc thực hiện vai trò hỗ trợ xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong nước, gương mẫu trong thực thi chính sách của NHNN, góp phần ổn định tiền tệ, kiềm chế lạm phát, điều hành tỷ giá và tăng cường dự trữ ngoại tệ quốc gia. Vào đầu những năm 90, Vietcombank đã chính thức tham gia vào thị trường tiền tệ thế giới, gia nhập tổ chức SWIFT; là thành viên của Hiệp hội Ngân hàng Châu Á, Tổ chức thẻ quốc tế và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành các loại thẻ tín dụng quốc tế như Master Card, Visa. Bên cạnh đó, Vietcombank đã tăng cường đầu tư, hiện đại hóa, nâng cao trình độ công

Quá trình hình thành và phát triển (tiếp theo)

nghệ, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác bằng việc thành lập các công ty liên doanh, các công ty trực thuộc. Với lợi thế về nguồn vốn, đặc biệt là vốn ngoại tệ, Vietcombank đã tham gia tài trợ vốn cho hàng loạt dự án thuộc các lĩnh vực then chốt phục vụ các dự án trọng điểm phát triển của quốc gia như điện lực, dầu khí, hàng không, viễn thông.

Không chỉ đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động của mình, trong những thời điểm khó khăn của ngành ngân hàng Việt Nam, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, Vietcombank còn tham gia vào việc chấn chỉnh, củng cố, kiểm soát và xử lý một số NHTM cổ phần. Với sự hỗ trợ hiệu quả của Vietcombank về nguồn vốn, nhân lực cũng như các giao dịch nghiệp vụ, các ngân hàng này đã vượt qua được những thời điểm khó khăn nhất của thị trường để từng bước ổn định và vươn lên.

Bên cạnh đó, Vietcombank cũng được biết đến là doanh nghiệp tiêu biểu trong các hoạt động cộng đồng với nhiều chương trình an sinh xã hội có ý nghĩa lớn, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế, hỗ trợ người nghèo, gia đình chính sách, được cộng đồng xã hội đánh giá cao, thương hiệu Vietcombank nhờ đó càng trở nên gắn gũi với các doanh nghiệp, dân cư và cộng đồng xã hội.

Những đóng góp của Vietcombank đã được Đảng, Nhà nước, nhân dân ghi nhận bằng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý, được cộng đồng tài chính thế giới tôn vinh với danh hiệu "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" liên tục trong nhiều năm qua.



Những bước chuyển mình lịch sử và định hướng tương lai

Vietcombank đã vinh dự được lựa chọn là đơn vị đi tiên phong trong ngành ngân hàng về thực hiện chủ trương cổ phần hóa DNNN của Đảng, Nhà nước, Chính phủ. Ngày 26/12/2007 đã trở thành một dấu mốc quan trọng của hệ thống Vietcombank khi đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) đạt kết quả thành công hơn mức kỳ vọng, cổ phiếu VCB đã nhanh chóng trở thành cổ phiếu hàng đầu trong các cổ phiếu ngân hàng kể từ đó đến nay.

Tiếp đó, vào tháng 09/2011, Vietcombank còn tạo một bước ngoặt quan trọng thông qua việc ký kết Hợp đồng cổ đông chiến lược với Mizuho Corporate Bank thuộc Tập đoàn Tài chính Mizuho - Tập đoàn tài chính lớn thứ ba tại Nhật Bản và thứ

20 trên thế giới. Việc bán cổ phần chiến lược của Vietcombank đã trở thành thương vụ M&A lớn nhất khu vực trong năm, là minh chứng cho niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào tiềm năng và tương lai phát triển của Vietcombank nói riêng và của thị trường tài chính Việt Nam nói chung.

Ngày 01/04/2013, Vietcombank đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập (1963 - 2013) và đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Nhất do Đảng và Nhà nước trao tặng. Nhân sự kiện đặc biệt này, Vietcombank cũng đã chính thức công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới với thông điệp "Chung niềm tin vững tương lai", khẳng định sự đổi mới toàn diện của Vietcombank cả về hình ảnh và chất lượng hoạt động để tiếp tục phát triển bền vững, giữ vững vị thế là ngân hàng hàng đầu trong nước và từng bước vươn xa trên trường quốc tế, khẳng định cam kết của Vietcombank luôn sẵn sàng đồng

hành cùng khách hàng trên con đường hướng tới tương lai.

Giai đoạn 2013 - 2015 ghi nhận dấu ấn chuyển mình, bứt phá ngoạn mục của Vietcombank khi ngân hàng đã có sự tăng trưởng ấn tượng về quy mô và hiệu quả kinh doanh. Cùng với đó, đã vừa tập trung triển khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN vừa triển khai đồng bộ, có hiệu quả nhiều dự án nâng cao năng lực quản trị, hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nền tảng vững chắc cho một giai đoạn phát triển mới, hội nhập quốc tế, góp phần hiện thực hóa tầm nhìn và mục tiêu chiến lược đến năm 2020 là xây dựng Vietcombank trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 300 tập đoàn tài chính lớn nhất toàn cầu, được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

Đưa thương hiệu, văn hóa Vietcombank tiếp tục vươn xa

Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Vietcombank luôn xác định rõ và hướng tới việc xây dựng một ngân hàng hoạt động chuẩn mực, tuân thủ các quy định của pháp luật và bắt nhịp với các thông lệ quốc tế, đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững. Uy tín, chất lượng và hiệu quả hoạt động của Vietcombank không chỉ được bạn bè và khách hàng trong nước đánh giá cao mà còn được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

Vietcombank trong mắt khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư là một ngân hàng hiện đại, tin cậy, chuẩn mực, chuyên nghiệp, có khả năng đáp ứng một cách tổng thể các dịch vụ với chất lượng tốt nhất, là ngân hàng

luôn minh bạch thông tin, hoạt động an toàn, hiệu quả và được quản trị theo các thông lệ quốc tế. Nói đến Vietcombank cũng là nói đến một ngân hàng có hạ tầng công nghệ tiên tiến hiện đại, có đội ngũ cán bộ lành nghề, tận tâm, gắn gũi và luôn sẵn sàng sẻ chia.

Hơn 50 năm dựng xây, phát triển và cống hiến không chỉ tạo nên một thương hiệu lớn mang tên Vietcombank mà còn tạo dựng nên một văn hóa Vietcombank, một cốt cách Vietcombank rất đáng tự hào với những đặc trưng riêng có: Tin cậy, Chuẩn mực, Sẵn sàng đổi mới, Bền vững và Nhân văn. Thương hiệu và Văn hóa chính là những nhân tố đã tạo nên sức mạnh, giúp Vietcombank vượt qua những bước thăng trầm cùng lịch sử, luôn vươn đến những đỉnh cao mới, với những thành công tiếp nối thành công.



10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU VIETCOMBANK năm 2015

01 Tổ chức thành công Đại hội điểm Đảng bộ lần thứ III, nhiệm kỳ 2015 - 2020

Được lựa chọn là đơn vị tổ chức Đại hội điểm sớm nhất của Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương, Đại hội đại biểu Đảng bộ Vietcombank lần thứ III, nhiệm kỳ 2015 - 2020 được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 15 - 16/05/2015 đã thành công tốt đẹp. Trong nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đại hội đã xác định rõ mục tiêu, tầm nhìn đến năm 2020 của Vietcombank là trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam, 1 trong 300 Tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III gồm 26 đồng chí. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Vietcombank lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2015 - 2020, đồng chí Nghiêm Xuân Thành - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Vietcombank tiếp tục được hội nghị tín nhiệm bầu giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy; đồng chí Phạm Quang Dũng - Phó Bí thư Đảng ủy - Tổng giám đốc và đồng chí Vũ Tiến Duật - Phó Bí thư Đảng ủy tiếp tục được hội nghị tín nhiệm bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy.

02 Ban hành bộ chức năng nhiệm vụ các đơn vị tại Trụ sở chính, bộ chức năng chuẩn của Chi nhánh và Triển khai dự án KPIs trên toàn hệ thống

Dự án xây dựng chính sách đãi ngộ người lao động và hệ thống đo lường đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) được Vietcombank triển khai thành công giai đoạn 1 trên toàn hệ thống. Trong năm 2015, Vietcombank đã ban hành và thực hiện bộ chức năng nhiệm vụ cho 45 phòng ban tại Trụ sở chính, bộ 12 chức năng chuẩn của Chi nhánh; xây dựng KPIs đến mọi vị trí công việc. Điều này thực sự tạo chuyển biến tích cực hướng đến mô hình ngân hàng hiện đại, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động kinh doanh của Vietcombank hướng tới phục vụ khách hàng.



03 Triển khai Hiệp ước vốn Basel II tại Vietcombank

Lễ khởi động triển khai Hiệp ước Vốn Basel II tại Vietcombank đã được thực hiện vào ngày 15/07/2015 tại Trụ sở chính. Các dự án thuộc chương trình Basel II được đánh giá là hoạt động chuyển đổi cơ quy mô lớn nhất, bao trùm tất cả các mảng quản trị rủi ro của ngân hàng.

Cùng với Basel II, Vietcombank đã kích hoạt nhiều dự án nâng cao năng lực cạnh tranh như: Mô hình tài trợ thương mại tập trung, kiểm tra kiểm soát tập trung; mô hình tín dụng tập trung CTOM... hỗ trợ công tác quản trị theo các thông lệ tốt nhất và phù hợp với mô hình ngân hàng hiện đại.

Bên cạnh đó, Vietcombank đã ban hành và hoàn thiện đồng bộ các quy chế quản trị như: Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế xử lý kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đi liền với việc khen thưởng thực chất, áp dụng KPIs... đã tạo ra sự thay đổi lớn về nhận thức, tăng tính chủ động và phát huy hiệu quả trong hoạt động của cả hệ thống.



04 Chủ tịch HĐQT dẫn đầu đoàn công tác Vietcombank tham gia chuyến thăm lịch sử Hợp chủng quốc Hoa Kỳ của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

Chuyến thăm đã mở ra cơ hội lớn cho Vietcombank tiếp xúc, tìm hiểu các doanh nghiệp lớn của Hoa Kỳ, nắm bắt các cơ hội hợp tác phát triển kinh doanh.

Hoạt động đối ngoại và quan hệ quốc tế của Vietcombank năm 2015 còn ghi nhận nhiều cuộc gặp gỡ, làm việc với lãnh đạo cấp cao của các tổ chức ngân hàng tài chính khu vực và quốc tế, tham gia nhiều đoàn công tác đối ngoại khác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ.

Năm 2015, Vietcombank đã triển khai ký kết hàng loạt thỏa thuận hợp tác/hợp đồng tín dụng với các Tập đoàn, Tổng công ty, nhóm khách hàng lớn như Vietnam Airlines, Vinatex, EVN, DIV, VNPT, Masan, Trường Hải..., triển khai thỏa thuận với Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua việc ký kết hợp tác thu BHXH, BHYT, BHTN giữa các chi nhánh Vietcombank với BHXH các tỉnh thành trên toàn quốc, thu hút nguồn vốn lớn với lãi suất thấp, đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh.



05 Công trình Tòa nhà Vietcombank Tower tại TP. HCM được trao giải thưởng chất lượng cao

Tòa nhà văn phòng tiêu chuẩn quốc tế hạng A Vietcombank Tower tại thành phố Hồ Chí Minh được thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn kiến trúc thân thiện với môi trường được Bộ Xây dựng trao giải thưởng chất lượng cao và trở thành điểm nhấn kiến trúc cho không gian đô thị thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm, nhiều trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch hiện đại, khang trang đã được hoàn thiện, khánh thành. Vietcombank đã mở rộng thêm 6 chi nhánh mới cùng nhiều phòng giao dịch, giúp đẩy mạnh cung ứng sản phẩm dịch vụ hiện đại, tiện ích cho khách hàng và thị trường.

10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU VIETCOMBANK năm 2015 (tiếp theo)



06 Hội trại Thanh niên lần đầu tiên được tổ chức với quy mô toàn hệ thống

Hội trại "Tuổi trẻ Vietcombank tiến bước dưới cờ Đảng" lần đầu tiên được tổ chức với quy mô toàn hệ thống, quy tụ những đoàn viên tiêu biểu, xuất sắc đã nhận được sự quan tâm sâu sắc của Ban lãnh đạo. Tinh thần của tuổi trẻ kết nối tạo sự năng động, sáng tạo và nhiệt huyết, tạo sức mạnh góp phần vào thành công to lớn trên bước đường phát triển của Vietcombank.

07 Dẫn đầu Bảng xếp hạng uy tín truyền thông ngành Ngân hàng

Công tác truyền thông với nhiều loại hình truyền thông mới, thu hút sự quan tâm của công chúng như: Bản tin hình, Đặc san "Người dẫn đầu" và nhiều ấn phẩm khác... cung cấp kịp thời các thông tin chính xác, tích cực cho công chúng, nhà đầu tư và thị trường, hướng đến các chuẩn mực về minh bạch hóa thông tin. Vietcombank đã được bình chọn là đơn vị dẫn đầu Bảng xếp hạng uy tín truyền thông ngành Ngân hàng năm 2015.



LNTT sau dự phòng đạt
6.827 tỷ đồng
tăng **16,83%** so với năm 2014

08 Lợi nhuận trước thuế lần đầu tiên đạt mức kỷ lục với mức tăng trưởng 2 con số

Đến hết năm 2015, Vietcombank đã hoàn thành đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực. Quy mô về tín dụng, huy động vốn, tổng tài sản tiếp tục thiết lập các mốc ấn tượng mới: Dự nợ tín dụng đạt 387.152 tỷ đồng, tăng 19,74% so với năm 2014, cao hơn tăng trưởng của toàn hệ thống (17,3%); huy động vốn đạt 503.007 tỷ đồng, tăng 18,52% so với năm 2014, cao hơn mức tăng bình quân của toàn ngành (~14,4%); tổng tài sản đạt 674.395 tỷ đồng tăng 16,88% so với năm 2014; lợi nhuận trước thuế sau dự phòng năm 2015 đạt 6.827 tỷ đồng, tăng 16,83% so với 2014, tăng trưởng 2 con số – duy nhất và cao nhất trong 5 năm qua.

Nhờ kiểm soát được chất lượng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu của Vietcombank đã giảm mạnh và hiện ở mức 1,84%.

Các hệ số an toàn, hiệu quả hoạt động của Vietcombank trong năm qua được cải thiện rõ rệt và dẫn sát với các thông lệ quốc tế.

09 Vietcombank tặng 1.000 con bò (tương đương số tiền 15 tỷ đồng) cho các hộ nghèo tại 10 huyện miền núi giáp Tây Nguyên

Đây là một hình thức hỗ trợ mới được Vietcombank phối hợp với Ban Chỉ đạo Tây Nguyên triển khai trên diện rộng giúp đồng bào các dân tộc giáp Tây Nguyên thoát nghèo.

Hoạt động an sinh xã hội, chia sẻ khó khăn với cộng đồng cũng đã được Vietcombank triển khai tích cực với nhiều chương trình lớn, có ý nghĩa tại các địa bàn còn nhiều khó khăn trên cả nước. Năm 2015, Vietcombank đã cam kết dành hơn 225 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội và đã thực hiện giải ngân 216 tỷ đồng.



10 Khẳng định vị thế "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam"

Hoạt động hiệu quả tạo ảnh hưởng quan trọng với cộng đồng doanh nghiệp, thị trường tài chính trong nước, khu vực và quốc tế, Vietcombank đã được các Tạp chí uy tín trên thế giới bình chọn, trao giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam".

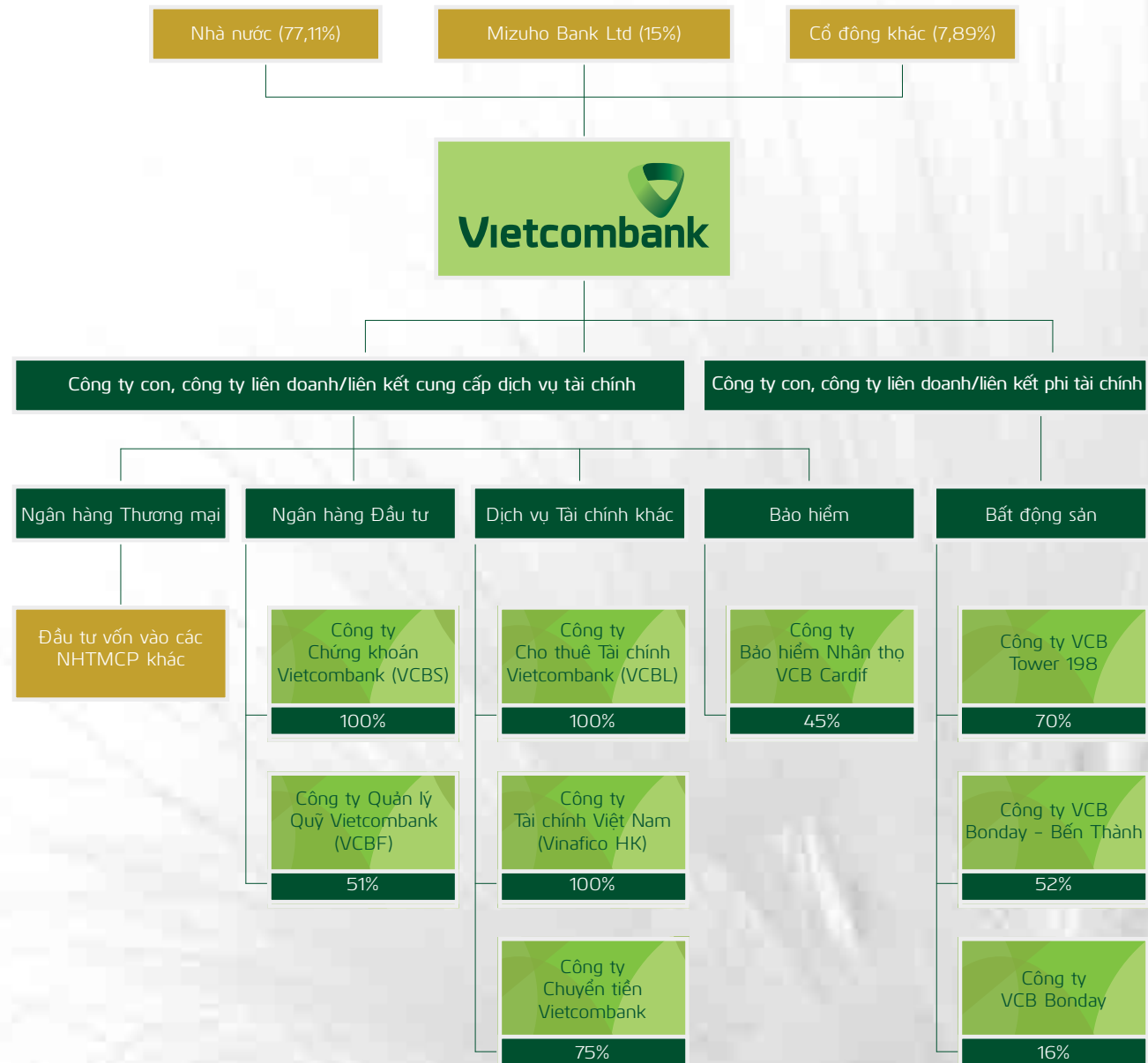
Hoạt động bán lẻ của Vietcombank cũng đạt được nhiều kết quả nổi bật với giải thưởng "Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu năm 2015".

Hãng tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới – Brand Finance bình chọn Vietcombank trong danh sách 500 Thương hiệu ngân hàng có giá trị lớn nhất thế giới. Tạp chí Forbes cũng xếp hạng Vietcombank trong danh mục 2.000 Công ty đại chúng lớn và quyền lực nhất thế giới.

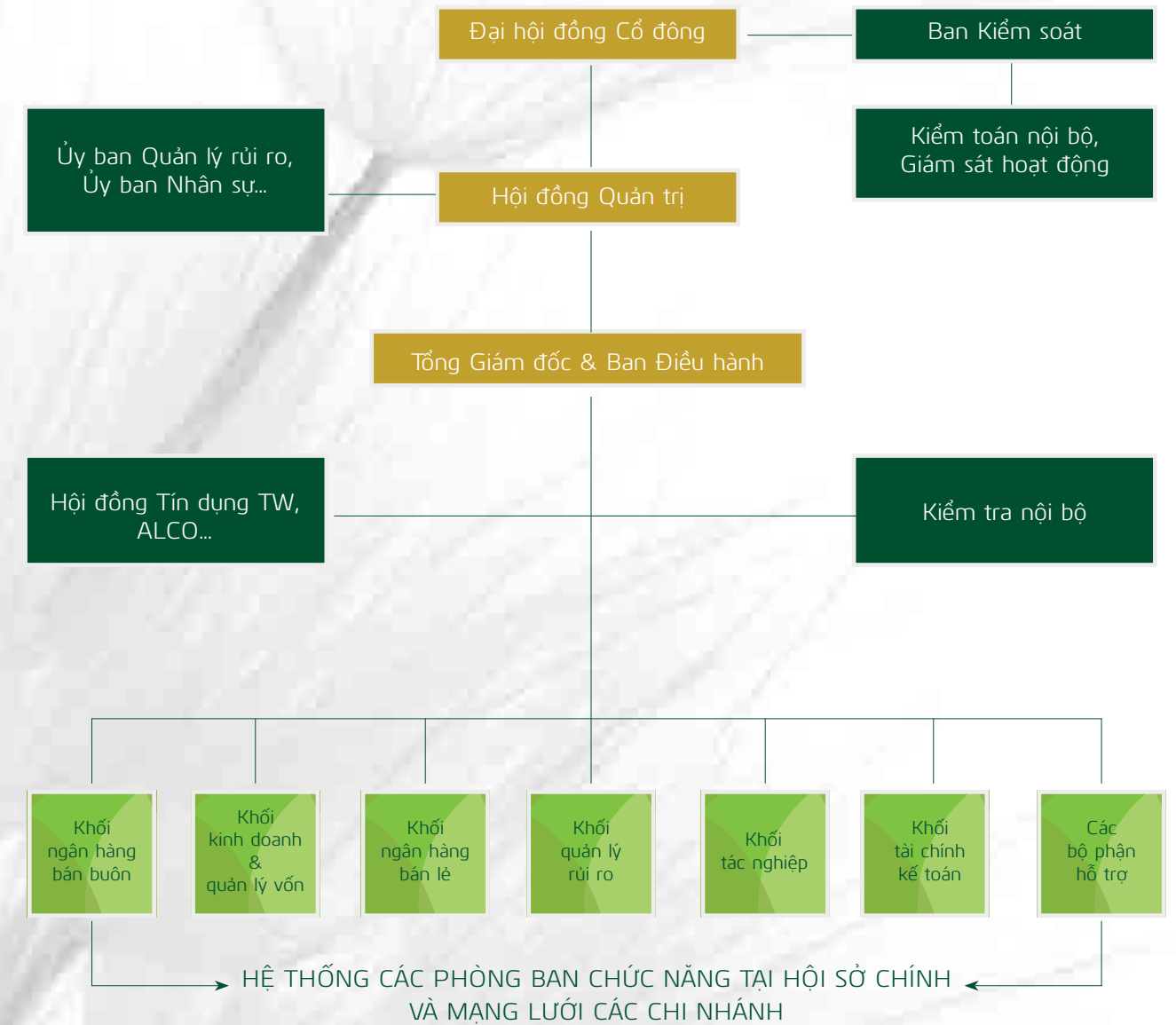


Thông tin về mô hình quản trị & cơ cấu bộ máy quản lý

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



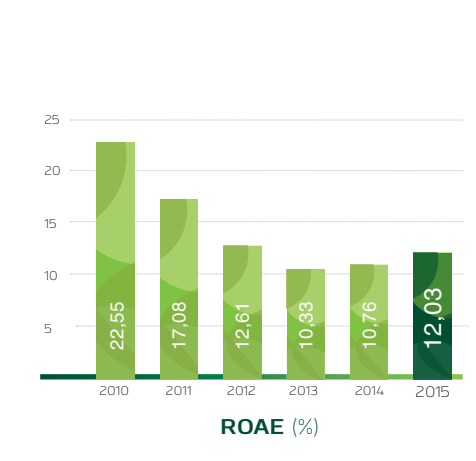
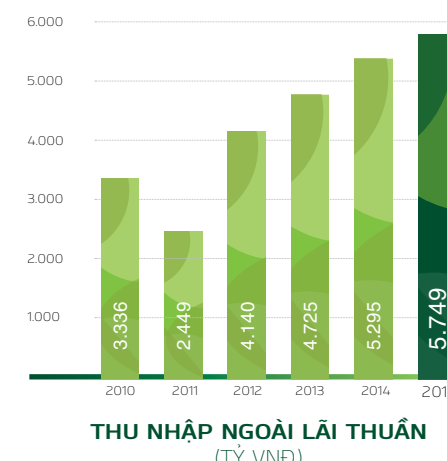
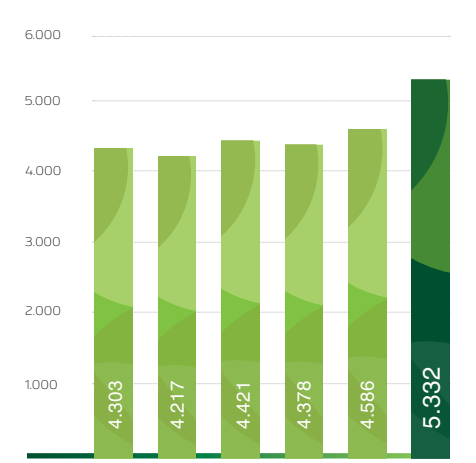
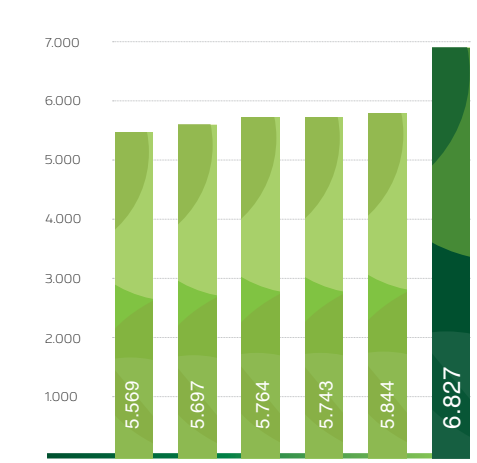
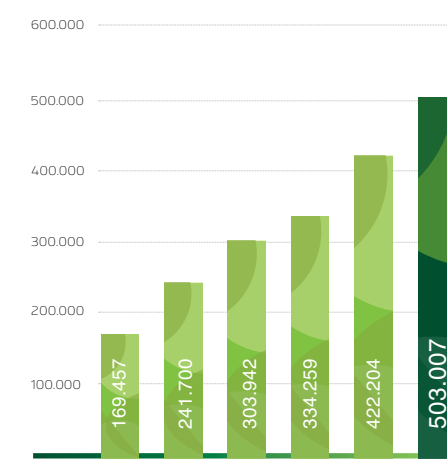
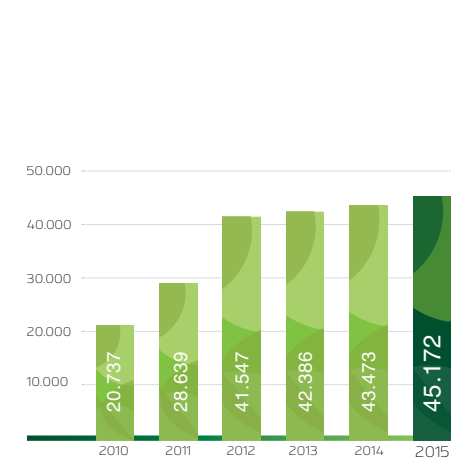
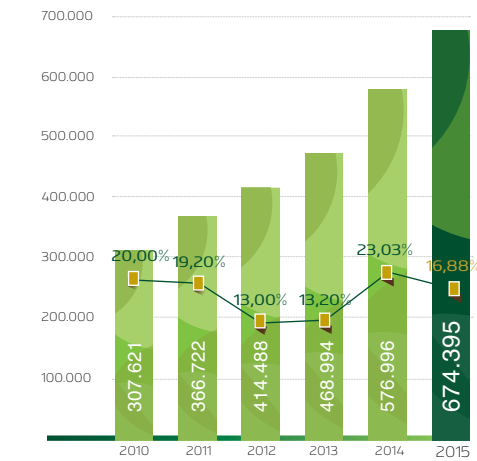
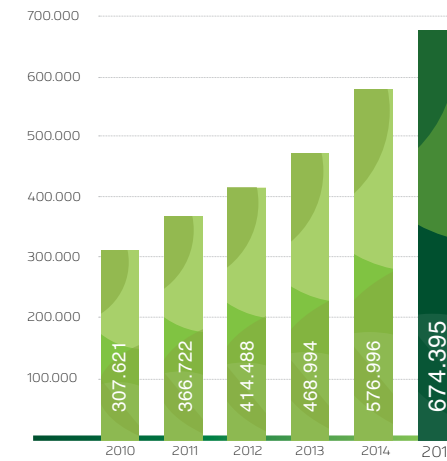
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Chỉ số TÀI CHÍNH CƠ BẢN 2010-2015

Đơn vị tính: tỷ VND

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH							
Tổng tài sản	307.621	366.722	414.488	468.994	576.996	674.395	
Vốn chủ sở hữu	20.737	28.639	41.547	42.386	43.473	45.172	
Tổng dư nợ TD/TTS	57,50%	57,11%	58,19%	58,49%	56,04%	57,4%	
Thu nhập ngoài lãi thuần	3.336	2.449	4.140	4.725	5.295	5.749	
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	11.531	14.871	15.081	15.507	17.304	21.202	
Tổng chi phí hoạt động	-4.578	-5.700	-6.013	-6.244	-6.861	-8.306	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6.953	9.171	9.068	9.263	10.436	12.896	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-1.384	-3.474	-3.303	-3.520	-4.591	-6.068	
Lợi nhuận trước thuế	5.569	5.697	5.764	5.743	5.844	6.827	
Thuế TNDN	-1.266	-1.480	-1.343	-1.365	-1.258	-1.495	
Lợi nhuận sau thuế	4.303	4.217	4.421	4.378	4.586	5.332	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.282	4.197	4.397	4.358	4.567	5.314	
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ							
NIM	2,83%	3,41%	2,93%	2,55%	2,35%	2,58%	
ROAE	22,55%	17,08%	12,61%	10,33%	10,76%	12,03%	
ROAA	1,50%	1,25%	1,13%	0,99%	0,88%	0,85%	
CHỈ TIÊU AN TOÀN							
Tỷ lệ dư nợ cho vay/huy động vốn	84,88%	86,68%	79,34%	80,62%	75,92%	76,74%	
Tỷ lệ nợ xấu	2,83%	2,03%	2,40%	2,73%	2,31%	1,84%	
Hệ số an toàn vốn CAR	9,00%	11,14%	14,63%	13,13%	11,61%	11,04%	
CỔ PHIẾU							
Cổ phiếu phổ thông	1.322	1.970	2.317	2.317	2.665	2.665	
Tỷ lệ chi trả cổ tức	12	12	12	12	10	10	
Giá cổ phiếu (thời điểm cuối năm)	26.820	20.130	26.230	26.800	31.900	43.900	
Giá trị vốn hóa thị trường	35.466	39.652	60.786	62.107	85.014	116.994	
EPS	2.105	1.789	1.623	1.582	1.533	1.626	
DPS	Cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ chi trả 12%		1.200	1.200	1.200	1.000	1.000



Tầm nhìn

Trở thành Ngân hàng số một tại Việt Nam, một trong 300 Tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất vào năm 2020.

Định hướng phát triển



ĐỨNG ĐẦU
về mức độ hài lòng của khách hàng

TOP 1
BÁN LẺ
TOP 2 bán buôn

ROE
tối thiểu 15%



ĐỨNG ĐẦU
về chất lượng nguồn nhân lực



Mục tiêu chiến lược

Ngân hàng đạt Top 1 Bán lẻ và Top 2 Bán buôn

Đạt vị trí Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, trong đó cụ thể: Đạt Top 1 Bán lẻ, Top 2 Bán buôn, giữ vị trí số 1 tại các mảng kinh doanh vốn, ngoại tệ, thẻ, tài trợ thương mại - thanh toán xuất nhập khẩu.

Ngân hàng đạt hiệu suất sinh lời cao nhất và đạt ROE tối thiểu 15%

Có tỷ suất sinh lời cao nhất trong số các ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước và đạt mức tối thiểu 15% vào năm 2020.

Ngân hàng đứng đầu về mức độ hài lòng của khách hàng

Được đánh giá là Ngân hàng số 1 thông qua khảo sát mức độ hài lòng khách hàng về chất lượng sản phẩm, dịch vụ, chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên trên toàn hệ thống.

Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng, phát triển và duy trì đội ngũ nhân sự dẫn đầu về chất lượng đáp ứng yêu cầu công việc.

Ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất

Đi đầu trong việc áp dụng các thông lệ tiên tiến về quản trị rủi ro.

NGÂN HÀNG
Quản trị rủi ro tốt nhất

Các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Bên cạnh những định hướng kinh doanh, tăng trưởng mạnh mẽ, Vietcombank luôn xác định trách nhiệm và nỗ lực phấn đấu vì xã hội và cộng đồng. Với Vietcombank, "Nhân văn" là một trong những giá trị cốt lõi của văn hóa doanh nghiệp, luôn sẵn sàng sẻ chia không chỉ với bạn hàng, khách hàng, đối tác mà còn sẻ chia và hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số... Quan tâm và dành một nguồn lực không nhỏ cho công tác an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Vietcombank hàng năm.



Danh hiệu & GIẢI THƯỞNG



Giải thưởng trong nước

01

Ngân hàng dẫn đầu Bảng xếp hạng uy tín truyền thông ngành Ngân hàng năm 2015

Vietnam Report đánh giá Vietcombank là doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có những đóng góp nhất định cho cộng đồng trong nhiều năm hình thành, phát triển và chứng tỏ được bản lĩnh của mình khi có những bước đi đúng đắn, không ngại đổi mới và luôn thành công trong những chiến lược đề ra. Thứ hạng bình chọn cũng đã cho thấy sự đánh giá cao của công chúng đối với Vietcombank về uy tín, hiệu quả hoạt động cũng như chủ động trong việc cung cấp thông tin, quản trị hiệu quả các luồng thông tin và ngày càng đề cao vấn đề minh bạch hóa thông tin theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

Đơn vị trao giải:

VIETNAM REPORT

02

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc 2015

Các doanh nghiệp có tên trong danh sách này là những đại diện tiêu biểu nhất của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã khẳng định được vị thế của mình thông qua các chỉ tiêu: Quy mô, lợi nhuận, có đóng góp nhiều nhất vào ngân sách Nhà nước và có tốc độ tăng trưởng tốt nhất trong giai đoạn 2011 - 2014.

Đơn vị trao giải:

VIETNAM REPORT



03

Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu năm 2015

Được xem là giải thưởng chính, được tôn vinh đầu tiên tại Lễ trao giải của Diễn đàn Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu 2015 do IDG & VNBA tổ chức. Để đến được giải thưởng này, ngân hàng phải trải qua quá trình xét duyệt, đánh giá trong suốt 6 tháng trước đó với quy trình nghiêm túc, kỹ lưỡng, bao gồm việc gửi hồ sơ đánh giá theo yêu cầu và các buổi phỏng vấn, khảo sát thực trạng trực tiếp tại mỗi ngân hàng.

Đơn vị trao giải:

IDG & VNBA

04

Thương hiệu mạnh Việt Nam 2015

Năm 2015, Vietcombank tiếp tục duy trì vị trí Top 10 Thương hiệu mạnh Việt Nam 12 năm liên tiếp (2003 - 2015). Giải thưởng do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức nhằm vinh danh những doanh nghiệp điển hình trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các doanh nghiệp duy trì vị thế Thương hiệu mạnh đều có kết quả tăng trưởng và phát triển tốt, nỗ lực vượt qua khó khăn trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới kéo dài; có kế hoạch chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh cả về nhân lực, công nghệ, chất lượng, dịch vụ để có thể chủ động đón những cơ hội và thách thức từ hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Đơn vị trao giải:

THỜI BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

05

Top 10 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam

Năm 2015, Vietcombank tiếp tục được bình chọn là 1 trong 10 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam. Kết quả bình chọn và xếp hạng do Vietnam Report, Hội đồng chuyên gia cố vấn VNR 500 và Tổng cục Thuế thực hiện.

Đơn vị trao giải:

VIETNAM REPORT VÀ TỔNG CỤC THUẾ

Danh hiệu & GIẢI THƯỞNG (tiếp theo)



Giải thưởng quốc tế

01 Top 500 Thương hiệu ngân hàng có giá trị lớn nhất thế giới (2015)

Brand Finance là hãng tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới, thành lập năm 1996, trụ sở chính tại London, đã thực hiện định giá hàng nghìn giao dịch thương hiệu, tài sản vô hình trị giá hàng tỷ USD. Bảng xếp hạng 500 Thương hiệu ngân hàng có giá trị lớn nhất thế giới được công bố thường niên trong ấn bản phát hành tháng 02 của tạp chí uy tín hàng đầu thế giới The Banker.

Brand Finance đánh giá thương hiệu Vietcombank hiện ở mức A+, cao nhất so với các ngân hàng tại thị trường Việt Nam, giá trị thương hiệu Vietcombank đạt 157 triệu USD.

Đơn vị trao giải:

BRAND FINANCE

Brand Finance®

02 Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (2013 – 2015)

Một trong 2.000 Công ty đại chúng lớn và quyền lực nhất thế giới (Global 2.000) năm 2015

Danh sách xếp hạng mà Forbes đưa ra bao gồm những công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả kinh doanh vượt trội trong ngành, có vị thế chủ đạo trên thị trường và đem lại lợi nhuận cao cho nhà đầu tư.

Forbes Việt Nam đánh giá Vietcombank có cơ cấu thu nhập đa dạng so với nhiều ngân hàng thương mại lớn tại Việt Nam khi duy trì vị thế dẫn đầu với tài trợ thương mại (chiếm 30% thị phần) và thanh toán quốc tế (chiếm 16,32% thị phần).

Đơn vị trao giải:

FORBES

Forbes®

03 Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (2013 – 2015)

Danh sách 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam là cuộc bình chọn thường niên do Anphabe và Nielsen tổ chức. Bộ tiêu chuẩn đánh giá năm 2015 gồm 46 yếu tố, xoay quanh 6 tiêu chí chính: Lương, thưởng, phúc lợi, cơ hội phát triển, văn hóa và giá trị, đội ngũ lãnh đạo, chất lượng công việc và cuộc sống, danh tiếng công ty. Vietcombank cũng được Anphabe đánh giá là một trong 3 Công ty dẫn đầu về phúc lợi cho nhân viên năm 2015.

Đơn vị trao giải:

ANPHABE VÀ NIELSEN

anphabe nielsen

04 Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2015

Giải thưởng Awards for Excellence do Tạp chí Euromoney bình chọn là một hệ thống giải thưởng danh giá bậc nhất thế giới trong ngành tài chính - ngân hàng, bao gồm 25 giải thưởng quốc tế và các giải thưởng Best Bank trao cho các ngân hàng dẫn đầu tại 100 quốc gia. Mục đích của các giải thưởng này nhằm vinh danh các tổ chức và cá nhân thể hiện tinh thần lãnh đạo, động lực phát triển vượt trội tại các thị trường mà họ tham gia hoạt động.

Giải thưởng "Best Bank in Vietnam" được trao cho một ngân hàng dẫn đầu tại Việt Nam hàng năm, dựa trên các yếu tố: Khả năng phát triển bền vững, kết quả hoạt động kinh doanh, quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, chất lượng điều hành và những đóng góp cho thị trường tài chính ngân hàng nội địa. Giải thưởng được bình chọn dựa trên các tiêu chí: Tổng doanh thu, tổng tài sản, lợi nhuận trước thuế, thu nhập thuần..., việc xét thưởng được Euromoney tiến hành bao gồm cả yếu tố định tính và định lượng nhằm đảm bảo tính công bằng và hướng đến việc tạo điều kiện cho các ngân hàng thể hiện được các thế mạnh vượt trội của mình.

Ngân hàng tốt nhất Việt Nam về dịch vụ bất động sản

Ngân hàng tốt nhất Việt Nam về các dịch vụ tài chính cho vay bất động sản

Giải thưởng thuộc gói giải thưởng Bất động sản năm 2015 được tạp chí Euromoney công bố trên cơ sở quá trình khảo sát thực hiện từ 24/03 đến 01/06/2015 dựa trên xếp hạng do các công ty tư vấn bất động sản, chủ đầu tư, giám đốc đầu tư, các ngân hàng và các khách hàng doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản tại 74 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới đánh giá với 1.754 ý kiến bình chọn.

Đơn vị trao giải:

EUROMONEY

EUROMONEY

Danh hiệu & GIẢI THƯỞNG (tiếp theo)



Giải thưởng quốc tế (tiếp theo)

05 Ngân hàng quản lý tiền mặt tốt nhất Việt Nam

Ngân hàng đối tác tốt nhất Việt Nam

Năm 2015, The Asian Banker tiếp tục tiến hành đánh giá hơn 100 định chế tài chính tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương để lựa chọn và tiến hành trao giải thưởng The Asian Banker Transaction Banking Awards. Tại thị trường Việt Nam, năm 2015 cũng là năm thứ 5 liên tiếp Vietcombank nhận giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" do The Asian Banker trao tặng trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

Đơn vị trao giải:

THE ASIAN BANKER



06 Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam

Đơn vị trao giải:

ASIAMONEY



07 Ngân hàng tốt nhất Việt Nam

Đơn vị trao giải:

FINANCE ASIA



08 Ngân hàng tốt nhất Việt Nam (2014 - 2015)

Đơn vị trao giải:

ALPHA SEA



09 Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam

Đơn vị trao giải:

GLOBAL TRADE REVIEW



10 Ngân hàng cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam (8 năm liên tiếp 2008 - 2015)

Giải thưởng thuộc gói Awards for Excellence được trao cho các ngân hàng, công ty luật và bảo hiểm hoạt động hiệu quả nhất trong lĩnh vực thương mại/thanh toán quốc tế, được chia làm 4 hạng mục tương ứng với các châu lục/vùng lãnh thổ khác nhau. Thời gian tiến hành bình chọn các giải thưởng được thực hiện trong nửa đầu tháng 4 hàng năm, kết quả được tổng hợp dựa trên bình chọn hợp lệ của khách hàng có trừ đi các sai số cần thiết để đảm bảo tính công bằng.

Đơn vị trao giải:

TRADE FINANCE



Chứng nhận do các Ngân hàng quốc tế trao tặng

01 2014 USD STP Excellence Awards

Chứng nhận ngân hàng xuất sắc trong thanh toán tự động

Đơn vị trao giải: DEUTSCHE BANK

Deutsche Bank



02 Citi US Dollar Payments Straight Through Processing Excellence Award 2014

Chứng nhận ngân hàng xuất sắc trong thanh toán tự động

Đơn vị trao giải: CITIBANK

CITIBANK

03 MT 103 Quality Recognition Award (for the 19th year)

Chứng nhận ngân hàng xuất sắc về tỷ lệ xử lý thanh toán tự động điện MT103 19 năm liên tiếp

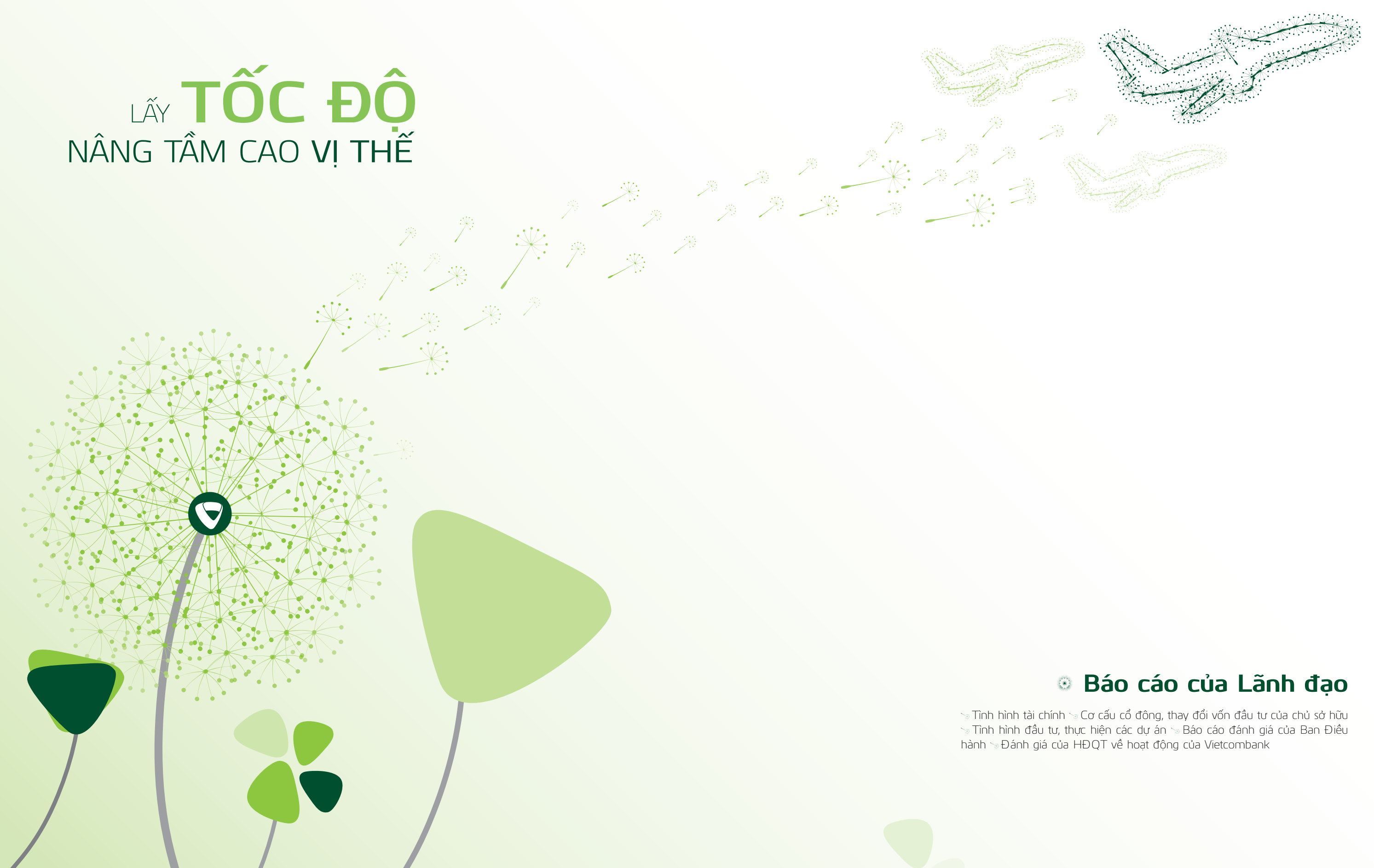
MT 202 Quality Recognition Award (for the 7th year)

Chứng nhận ngân hàng xuất sắc về tỷ lệ xử lý thanh toán tự động điện MT202 7 năm liên tiếp

Đơn vị trao giải: JP MORGAN CHASE

JPMorganChase

LẤY **TỐC ĐỘ**
NÂNG TẦM CAO VỊ THẾ



 **Báo cáo của Lãnh đạo**

- ↳ Tình hình tài chính
- ↳ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ↳ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- ↳ Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành
- ↳ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: tỷ VND

Tình hình tài chính	2014	2015
A TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		
1 Tổng giá trị tài sản	576.996	674.395
2 Doanh thu	36.653	41.613
3 Thuế và các khoản phải nộp	1.761	2.322
4 Lợi nhuận trước thuế	5.844	6.827
5 Lợi nhuận sau thuế	4.586	5.332
B CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU		
1 Quy mô vốn		
1.1 Vốn điều lệ	26.650	26.650
1.2 Tổng tài sản có	576.996	674.395
1.3 Tỷ lệ an toàn vốn	11,61%	11,04%
2 Kết quả hoạt động kinh doanh		
2.1 Doanh số huy động tiền gửi	6.463.616	7.791.347
2.2 Doanh số cho vay	812.048	1.085.971
2.3 Doanh số thu nợ	763.417	1.022.221
2.4 Nợ xấu	7.462	7.137
2.5 Tỷ lệ tín dụng/Tổng vốn huy động (quy VND)	75,92%	76,74%
2.6 Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	7,00%	2,46%
2.7 Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,96%	1,64%
2.8 Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	2,31%	1,84%
3 Khả năng thanh toán		
3.1 Tỷ lệ dự trữ thanh khoản		27,1%
3.2 Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
- VND		169,9%
- USD và Ngoại tệ khác (quy USD)		85,3%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
2.665.020.334	Cổ phần phổ thông	826.663.579	1.838.356.755

Danh sách cổ đông có số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.055.076.583	1.438.553.608*	Theo quy định tại Khoản 1, Điều 56 Luật Các TCTD số 47/2010/QH12: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ."
2	Cổ đông nội bộ	48.701	48.701	
	Hội đồng Quản trị	38.599	38.599	
	Ban Kiểm soát	10.102	10.102	
3	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Corporate Bank Ltd	399.754.446	399.754.446	5 năm kể từ ngày 28/12/2011
	Tổng	2.454.879.730	1.838.356.755	

* Theo QĐ số 2526/QĐ-NHNN v/v cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại VCB ngày 05/12/2014 của NHNN, ông Nguyễn Xuân Thành – Chủ tịch HĐQT Vietcombank đại diện 40% vốn Nhà nước, ông Phạm Quang Dũng – Ủy viên HĐQT, TGD Vietcombank đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank.

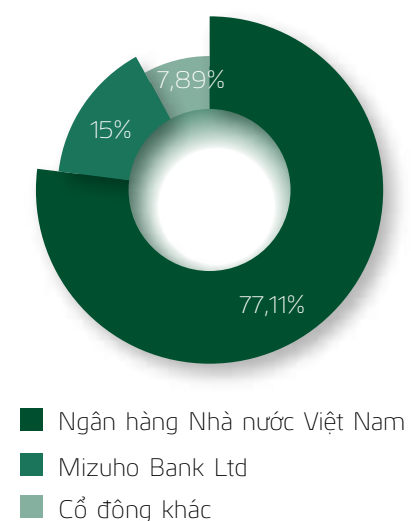


Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo)

Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.055.076.583	77,11%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	399.754.446	15,00%	1
III	Cổ đông khác	210.189.305	7,89%	21.432
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	39.957.102	1,50%	20.603
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	12.762.478	0,48%	150
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	6.562.058	0,25%	546
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	150.907.667	5,66%	133
	Tổng	2.665.020.334	100,00%	21.434

Biểu đồ cơ cấu cổ đông



Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	47 - 49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.055.076.583	77.11%
2	Mizuho Bank. Ltd	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	399.754.446	15%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Vietcombank chốt tại ngày 31/12/2015 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam - VSD cung cấp).

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư thực hiện trong năm 2015

Trong năm 2015, Vietcombank đã thực hiện đầu tư thêm/thoái vốn đầu tư tại các khoản đầu tư sau:

ĐVT: tỷ đồng

Tên	Tên viết tắt	Lĩnh vực	Số vốn đầu tư thêm/(thoái vốn) trong năm 2015
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	VCBM	Dịch vụ chuyển tiền	120,12
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	VCBF	Quản lý quỹ	107,10
Swift	Swift	Thẻ	1,36
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	BLI	Bảo hiểm	(12,54)
Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt	Vietcomreal	Bất động sản	(11,00)



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (TIẾP THEO)

**Công ty con,
liên doanh - liên kết**

Thông tin chung công ty con

Đơn vị: tỷ đồng

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2015	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 sửa đổi lần cuối theo giấy phép số 25/GPDC-UBCK ngày 11/06/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Chứng khoán	700,00	100%
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Vietcombank	VCBL	Giấy phép hoạt động số 05/GP-CTCTTC ngày 25/5/1998 của Ngân hàng Nhà nước.	Cho thuê tài chính	500,00	100%
Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	VFC	Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 07/03/1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 03/11/1992 và Bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19/09/1995.	Dịch vụ Tài chính	116,90	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	VCBM	Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 do chính quyền bang Nevada cấp ngày 15/06/2009.	Chuyển tiền kiều hối	204,98	87,5%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và số 1578/GPDC1 ngày 18/04/2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	197,65	70%



Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty con

42,13
TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận sau thuế

VCBL là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Năm 2015, VCBL đã chủ động và linh hoạt trong kinh doanh, đảm bảo hoạt động ổn định. Dư nợ cho thuê tài chính của Công ty tại 31/12/2015 đạt 2.499 tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm 2014. Lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt 42,13 tỷ đồng, đạt kế hoạch lợi nhuận (41,7 tỷ đồng).

71,59
TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận sau thuế

VCBS là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Do thị trường chứng khoán có những diễn biến phức tạp trong năm 2015, kết quả kinh doanh của Công ty đạt mức trung bình. Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2015 đạt 71,59 tỷ đồng.

6,14
TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận sau thuế

VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hồng Kông. Một số mảng hoạt động chính của Công ty là: Nhận tiền gửi, tín dụng, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền. Năm 2015, lợi nhuận sau thuế của VFC đạt 6,14 tỷ đồng, đạt kế hoạch đề ra (6,08 tỷ đồng).

53,6
TRIỆU USD
Tổng doanh số

VCBM là công ty cổ phần do Vietcombank nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền từ Mỹ về Việt Nam. Công ty đang trong giai đoạn phát triển kinh doanh nên chưa có lãi. Trong năm 2015, VCBM đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 11 triệu USD và tiếp tục mở rộng mạng lưới thông qua xin giấy phép hoạt động tại các bang. Tính đến cuối năm 2015, Công ty đã triển khai được 01 phòng giao dịch và 79 đại lý tại 12 bang của Mỹ. Doanh số của Công ty đạt 53,6 triệu USD, gấp 2 lần so với 2014 và dự kiến tiếp tục tăng mạnh trong năm 2016.

71,34
TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận sau thuế

VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30 hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do đặc thù thuận lợi về vị trí và khách hàng nên năm 2015 Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận sau thuế đạt 71,34 tỷ đồng, vượt 15,4% kế hoạch (61,80 tỷ đồng).

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (TIẾP THEO)

**Công ty con,
liên doanh - liên kết** (tiếp theo)

Thông tin chung công ty liên doanh - liên kết

Đơn vị: tỷ đồng

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2015	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday – Bến Thành	VBB	Số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 07/02/2005 và hai giấy phép điều chỉnh số 2458/GCND1/41/1 ngày 26/10/2011 và số 2458/GCND2/41/1 ngày 28/12/2012.	Cho thuê văn phòng	410,36	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	VCBF	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 02/12/2005; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 06/08/2015.	Quản lý quỹ đầu tư	135,15	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank Cardif	VCLI	Số 55/GP do BTC cấp ngày 23/10/2008.	Bảo hiểm nhân thọ	270,00	45%
Công ty Liên doanh Vietcombank Bonday	VCBB	Số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05/12/1991; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC3 ngày 02/10/2000.	Cho thuê văn phòng	11,11	16%



Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty liên doanh - liên kết

85%
DIỆN TÍCH
Đã được cho thuê

VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP. HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hong Kong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%, 18% và 30%, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và cho thuê tòa nhà văn phòng cao cấp (hạng A), đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc của chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Vietcombank trên địa bàn TP. HCM. Tháng 7/2015, Công ty chính thức đưa tòa tháp Vietcombank vào hoạt động, và đến cuối năm 2015, 85% diện tích tòa nhà đã được cho thuê.

265
TỶ ĐỒNG
Vốn điều lệ

VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: Thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế năm 2015 lỗ -15,4 tỷ đồng do các nguồn thu chính của Công ty chưa đạt kế hoạch. Khoản lỗ này nằm trong dự kiến của Công ty. Trong 2015, VCBF đã tăng vốn điều lệ thành công từ 55 tỷ đồng lên 265 tỷ đồng. Bên cạnh đó, hai quỹ mở của VCBF cũng đạt được các kết quả tốt, cụ thể: Giá trị tài sản ròng (NAV)/01 Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng chiến lược VCBF tăng 19,3% và Giá trị tài sản ròng/01 Chứng chỉ Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF tăng 23,4% trong năm 2015.

45%
tỷ lệ góp vốn
của Vietcombank

VCLI là công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ của Vietcombank, BNP Paribas Cardif và SeAbank với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 45%; 43% và 12%, chuyên về phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng (Bancassurance). Hiện tại, Công ty cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ như: Bảo hiểm tín dụng cá nhân; Bảo hiểm tín dụng nhóm; Bảo hiểm tín dụng cho hai người đồng vay; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp.

Do năm 2015 là năm bản lề trong việc tái cơ cấu lại bộ máy tổ chức, củng cố đội ngũ cán bộ, tăng cường công tác thúc đẩy bán hàng cũng như quảng bá hình ảnh VCLI tới công chúng dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 tăng mạnh. Ngoài ra, lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm mạnh do lãi suất tiền gửi trên thị trường giảm. Vì vậy, Công ty bị lỗ sau thuế năm 2015 là -1,48 tỷ đồng.

22,72
TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận sau thuế

VCBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn, và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hong Kong). Công ty điều hành Tòa nhà Harbour View Tower tại địa chỉ 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM, hoạt động trên lĩnh vực cho thuê văn phòng.

Năm 2015, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận sau thuế đạt 22,72 tỷ đồng.

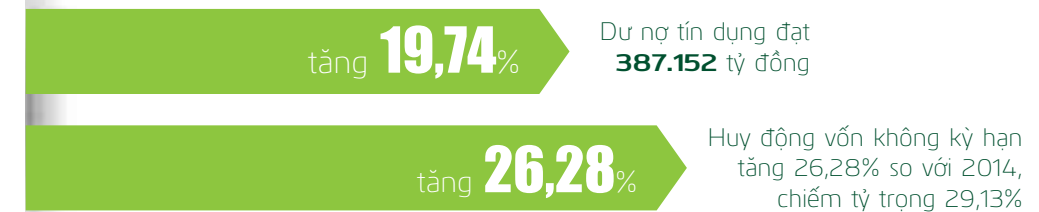
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá kết quả hoạt động 2015



Với định hướng hiệu quả, an toàn, bền vững; cổ phiếu Vietcombank luôn có mức giá và vốn hóa cao nhất ngành, liên tục nằm trong Top 3 Doanh nghiệp có mức vốn hóa lớn nhất thị trường.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015



Trong năm 2015, bám sát diễn biến của thị trường, quán triệt các phương châm Tăng tốc - Hiệu quả - Bền vững và quan điểm chỉ đạo điều hành Quyết liệt - Kết nối - Trách nhiệm, Ban Lãnh đạo Vietcombank đã chỉ đạo toàn hệ thống nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra, đồng thời tiếp tục nghiêm túc thực hiện các chủ trương của NHNN, hoàn thành tốt vai trò là một ngân hàng chủ đạo, chủ lực trong hệ thống NHTM, thực hiện thắng lợi và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được HĐQT đề ra.

Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu tăng khá nhanh

Tổng tài sản đạt 674.395 tỷ đồng, tăng 16,88% so với năm 2014.

Vốn chủ sở hữu đạt 45.172 tỷ đồng, tăng 3,9% so với năm 2014, trong đó lợi nhuận chưa phân phối đạt 7.476 tỷ đồng.

Huy động vốn tăng trưởng bền vững; điều hành lãi suất linh hoạt, nhạy bén; nâng cao hơn hiệu quả nguồn vốn và sử dụng vốn

Huy động vốn từ nền kinh tế đạt 503.007 tỷ đồng, tăng 18,52% so với năm 2014, cao hơn mức tăng bình quân của toàn ngành (~14,4%). Huy động vốn tăng đều ở cả TCKT (14,4%) và dân cư (22,1%). Cơ cấu vốn TCKT và dân cư hiện ở mức ~45% - 55%, phù hợp với chiến lược đẩy mạnh hoạt động bán lẻ của Vietcombank.

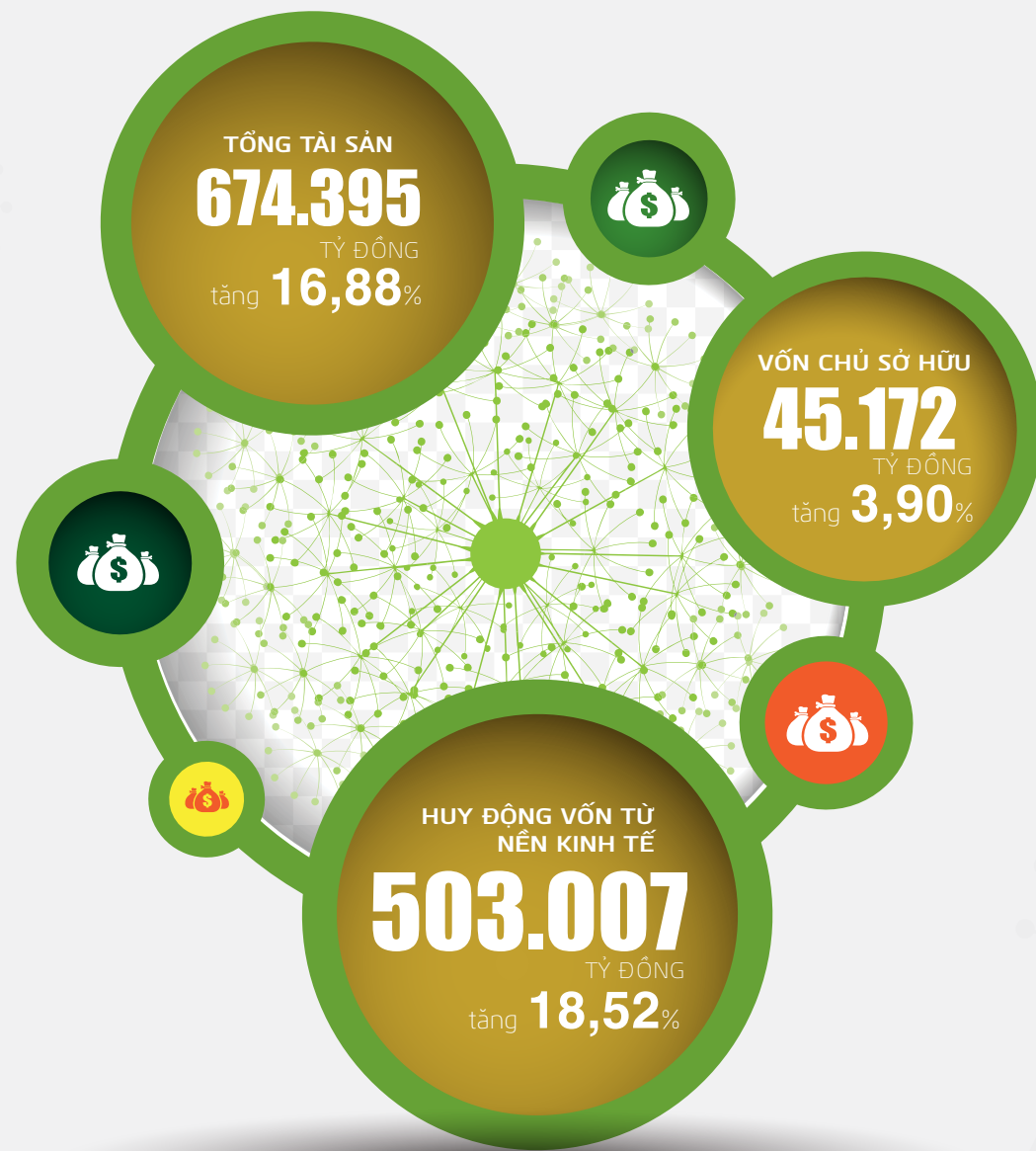
Tiếp tục chuyển dịch thu hút nguồn vốn giá rẻ với kết quả khả quan: Huy động vốn không kỳ hạn tăng 26,28% so với 2014, chiếm tỷ trọng 29,13%.

Tín dụng tăng trưởng ngay từ đầu năm và cao nhất trong 4 năm trở lại đây, cao hơn so với mức

tăng toàn ngành; cơ cấu tín dụng chuyển dịch đúng định hướng; dư nợ tín dụng tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên và các dự án tốt của các doanh nghiệp lớn

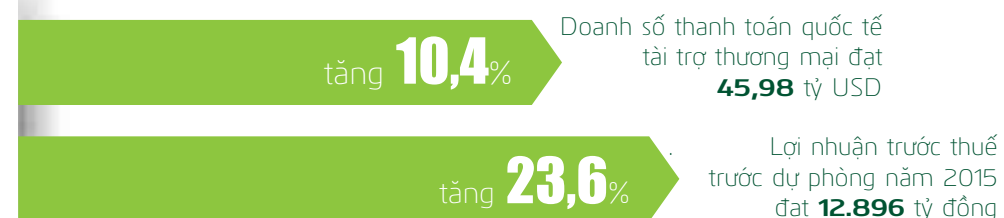
Dư nợ tín dụng đạt 387.152 tỷ đồng, tăng 19,74% so với năm 2014, cao hơn tăng trưởng của toàn hệ thống (17,3%).

Tín dụng tăng khá ở TCKT (11,5%) và SME (24,8%), tăng cao ở thể nhân (50,4%). Cơ cấu tín dụng theo khách hàng tiếp tục dịch chuyển tích cực theo đúng định hướng của Vietcombank. Theo đó, tỷ trọng dư nợ thể nhân ở mức 20,1%, dư nợ SME ở mức 15,6% và dư nợ bán buôn ở mức 64,3% tổng dư nợ. Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn giữ ổn định như năm 2014.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 (tiếp theo)



Chất lượng tín dụng được chú trọng; các hệ số an toàn được đảm bảo

Chất lượng tín dụng được cải thiện đáng kể. Dư nợ nhóm 2 tại thời điểm 31/12/2015 là 9.377 tỷ đồng, giảm 8.114 tỷ đồng so với năm 2014 (giảm ~46,4%). Tỷ lệ nợ nhóm 2 là 2,4%, giảm 3,0 điểm % so với năm 2014. Dư nợ xấu tại thời điểm 31/12/2015 là 7.137 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,84%, giảm 0,47 điểm % so với năm 2014, thấp hơn mức khống chế kế hoạch (2,5%). Năm 2015 thu nợ xấu đạt 2.432 tỷ đồng, giảm 2,5% so với 2014 (2.494 tỷ đồng). Trong đó thu nợ xấu nhóm 5 chiếm 40% tổng số thu nợ xấu.

Hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR) ~ 11,04% đáp ứng quy định của NHNN (tối thiểu 9%). Tỷ lệ quỹ DPRR/nợ xấu được duy trì ở mức cao (~ 121%).

Thu hồi nợ ngoại bảng đạt kết quả khả quan, phản ánh nỗ lực của toàn hệ thống và hiệu quả tổng thể các giải pháp chỉ đạo,

điều hành quyết liệt trong thu hồi nợ

Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 2.511 tỷ đồng (ghi vào thu nhập 2.087 tỷ đồng, đạt 104,25% kế hoạch HĐQT giao); trong đó thu nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro 1.834 tỷ đồng, thu nợ đã bán cho VAMC 677 tỷ đồng.

Các hoạt động dịch vụ tăng trưởng tốt, đạt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch

Doanh số thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại (TTQT-TTTM) đạt 45,98 tỷ USD, tăng 10,4% so với 2014. Thị phần TTQT-TTTM đạt 15,86%. Thu nhập hoạt động TTQT-TTTM tăng trưởng tích cực nhờ đa dạng hóa sản phẩm đạt: 804 tỷ VNĐ, tăng 13,3% so với năm 2014.

Tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu về thị phần kinh doanh và dịch vụ ngoại tệ: Doanh số mua bán ngoại tệ (không bao gồm giao dịch liên ngân hàng) đạt 29,5 tỷ USD, tăng 2,6% so với 2014.

Hoạt động thẻ tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường. Các hoạt động thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ của Vietcombank đều tăng trưởng mạnh so với năm 2014. Nhiều chỉ tiêu có mức tăng trưởng mạnh và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2015. Cụ thể: (i) Thị phần thanh toán thẻ: Thẻ quốc tế chiếm 45%, thẻ nội địa chiếm 30,32%; (ii) Thị phần phát hành thẻ ghi nợ nội địa, ghi nợ quốc tế, tín dụng quốc tế chiếm lần lượt 16%, 29,3% và 21,4%. (iii) Thị phần doanh số sử dụng thẻ quốc tế và ghi nợ quốc tế chiếm 19% và 22,5%. Mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ: Tăng 11.092 đơn vị, chiếm 32% thị phần.

Dịch vụ SMS Banking, Mobile Banking và Internet Banking có mức tăng trưởng khá, tăng tương ứng 27%, 68% và 28% so với năm 2014.

Hoạt động vốn tín dụng quốc tế tiếp tục được chú trọng phát triển, đẩy mạnh quy mô, doanh số, đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh

của Vietcombank. Trong năm 2015, tổng giá trị các dự án ODA mới Vietcombank được giao làm ngân hàng phục vụ tăng 14% so với 2014.

Các tỷ suất sinh lời khả quan; lợi nhuận trước thuế, trước dự phòng tăng trưởng cao nhất trong 3 năm trở lại đây

Hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAA) và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) đạt tương ứng là 0,85% và 12,03%, cao hơn mặt bằng chung của thị trường.

Tỷ lệ chi phí quản lý/tổng thu nhập: ~39,18%.

Tỷ trọng thu ngoài lãi trên tổng thu nhập: ~27,11%.

Tỷ lệ thu lãi thuần (NIM) cải thiện so với năm 2014 và duy trì ở mức: 2,58%.

Lợi nhuận trước thuế trước dự phòng năm 2015 của Vietcombank đạt 12.896 tỷ đồng, tăng 23,6% so với

2014. Vietcombank đã trích DPRR ở mức 6.068 tỷ đồng, tăng 32,16%.

Lợi nhuận trước thuế sau dự phòng năm 2015 đạt 6.827 tỷ đồng, tăng 16,83% so với 2014. Thu nhập thuần từ lãi tăng 28,68%, thu nhập ròng về dịch vụ tăng 23,45%.

Liên tục là TCTD có mức vốn hóa lớn nhất trong các ngân hàng niêm yết và đứng Top 3 Các doanh nghiệp niêm yết có mức vốn hóa lớn nhất

Với định hướng hiệu quả, an toàn, bền vững; cổ phiếu VCB luôn có mức giá và vốn hóa cao nhất ngành, liên tục nằm trong Top 3 Doanh nghiệp có mức vốn hóa lớn nhất thị trường. Giai đoạn 2014 - 2015, vốn hóa Vietcombank tăng 88,4% trong khi chỉ số VNI tăng 14,7%.



Giai đoạn 2014 - 2015, vốn hóa Vietcombank tăng 88,4% trong khi chỉ số VNI tăng 14,7%.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Với mục tiêu trở thành Ngân hàng số một tại Việt Nam, một trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất vào năm 2020; trong năm 2015, VCB đã và đang tiếp tục tạo ra những bước đi đột phá, cụ thể:

Kết quả công tác điều hành năm 2015

Tích cực triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN

Tích cực triển khai và thực hiện nghiêm túc quy định về lãi suất cho vay đối với các chương trình cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN như cho vay đối với 5 lĩnh vực ưu tiên, cho vay hỗ trợ nhà ở theo Thông tư số 11/2013/TT-NHNN, Thông tư số 32/2014/TT-NHNN, chương trình thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết 14/NQ-CP, chương trình hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2014/QĐ-CP.

Chủ động đẩy mạnh cho vay theo các gói sản phẩm ưu đãi lãi suất như: chương trình ưu đãi lãi suất cạnh tranh VND và USD, chương trình cho

vay ưu đãi VND lãi suất USD, chương trình cho vay trung dài hạn VND lãi suất cố định 1 - 5 năm.

Nghiêm túc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc tái cơ cấu, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp

Trên cơ sở phê duyệt Đề án tái cơ cấu Vietcombank đến năm 2015 theo Quyết định số 39/QĐ-NHNN của NHNN, Vietcombank đã ban hành kế hoạch triển khai các giải pháp tái cơ cấu Vietcombank và tích cực thực hiện; chủ động rà soát, cơ cấu để nâng cao hiệu quả hoạt động của các chi nhánh. Theo đó, trong năm 2015, về cơ bản kết quả thực hiện Đề án Tái cơ cấu 13 chi nhánh và Đề án Phát triển 11 chi nhánh đã thành công, đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu đề ra. Năng lực quản trị, cạnh tranh, thị phần,... của các chi

nhánh thuộc 02 Đề án này đã có những bước phát triển vượt bậc so với thời điểm ban đầu khi triển khai Đề án.

Hoàn thiện công tác lập, giao kế hoạch, điều hành kinh doanh bám sát kế hoạch; đánh giá kế hoạch thường xuyên, chính xác; kịp thời ghi nhận và xử lý các vướng mắc phát sinh của các chi nhánh

Trong năm 2015, Ban lãnh đạo Vietcombank thường xuyên tổ chức các đoàn công tác tại 7 vùng kinh tế trọng điểm để rà soát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các chi nhánh; bước đầu áp dụng có hiệu quả kết quả Dự án KPI vào việc xây dựng, giao và đánh giá kế hoạch cho các chi nhánh, các Trung tâm/Phòng/Ban tại Trụ sở chính.



1 mục tiêu trở thành Ngân hàng số một tại Việt Nam

top 300 Tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Kết quả công tác điều hành năm 2015 (tiếp theo)



Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng trên nguyên tắc không hạ chuẩn cho vay

Luôn theo sát và nỗ lực thực hiện đạt chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đã đề ra, phấn đấu tăng trưởng tín dụng cao hơn mức bình quân toàn ngành. Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng dựa trên hoạt động tăng cường đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, linh hoạt trong lãi suất, thực hiện đẩy mạnh bán chéo sản phẩm.

Thường xuyên giám sát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của nhóm khách hàng có dư nợ vay lớn tại Vietcombank nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng đối với nhóm khách hàng này; kiên quyết không hạ chuẩn tín dụng, thực hiện nghiêm túc quy trình tín dụng, thẩm định rà soát khách hàng, đảm bảo phân bổ vốn hiệu quả cho các khách hàng tốt, có phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, nguồn trả nợ đảm bảo; tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát sau cho vay, đảm bảo việc sử dụng vốn vay đúng mục đích.

Kết nối chặt chẽ giữa các bộ phận có liên quan trong công tác xử lý thu hồi nợ có vấn đề, tạo chuyển biến quan trọng trong thu hồi nợ

Thường xuyên rà soát, đánh giá toàn diện danh mục nợ có vấn đề để xác định số tiền dự kiến thu hồi, biện pháp, tiến độ thu hồi và trách nhiệm thu hồi; đôn đốc chi nhánh tập trung mọi nguồn lực quyết liệt trong công tác xử lý và thu hồi nợ có vấn đề.

Công tác cán bộ chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng các khóa đào tạo được nâng cao

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nhân sự cho hệ thống Vietcombank theo khung đào tạo chuẩn, trong năm 2015, Vietcombank đã tổ chức đào tạo cho 12.754 lượt học viên, tăng 150% so với 2014. Bên cạnh đó, Vietcombank đã xây dựng một số Đề án nền tảng cho hoạt động phát triển nhân lực đến 2020: Tài cấu trúc hoạt động đào



trào, Nâng cấp TTĐT thành Trường đào tạo phát triển nguồn nhân lực, Đào tạo E-Learning, Xây dựng cơ sở đào tạo Ecopark...

Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện mô hình tổ chức, phát triển mạng lưới và củng cố công tác nhân sự

Ban hành mới bộ Chức năng nhiệm vụ các phòng/ban/trung tâm tại Trụ sở chính; đồng thời ban hành mới mô hình Chi nhánh; chức năng nhiệm vụ các phòng tại Chi nhánh.

Thường xuyên rà soát mạng lưới để có giải pháp chấn chỉnh và củng cố kịp thời; thành lập mới 6 chi nhánh tại các địa bàn trọng điểm (TP. Hồ Chí Minh, Bến Tre...), Vietcombank cũng tích cực triển khai các thủ tục để thành lập Công ty Tín dụng Tiêu dùng, Công ty Kiều hối, các chi nhánh và Văn phòng đại diện tại nước ngoài.

Đẩy mạnh triển khai các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực quản trị


Tích cực triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị, cụ thể: (i) Chương trình Basel II triển khai đúng kế hoạch được phê duyệt; (ii) Hoàn thành lộ trình triển khai Chương trình chuyển đổi mô hình tín dụng bán buôn; (iii) Hoàn tất giai đoạn 1 Dự án KPI và đã hoàn thành tiếp một số nội dung công việc thuộc giai đoạn 2 của Dự án; (iv) Chỉ đạo rà soát, kiểm điểm các dự án trọng điểm chưa triển khai đúng kế hoạch để đề ra giải pháp cụ thể.

Tăng cường xúc tiến các hoạt động hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật với Mizuho

Các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Mizuho tiếp tục được thực hiện theo sát các yêu cầu từ Ban Lãnh đạo

và các phòng ban tại Trụ sở chính Vietcombank. Trong năm 2015, đã có 50 phiên làm việc để hỗ trợ kỹ thuật cho Vietcombank về các nội dung mà Vietcombank đang rất quan tâm như: Triển khai Basel II, Quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động kinh doanh với các định chế tài chính, hoạt động kinh doanh bán lẻ, hoạt động của Ủy ban Giám sát, Ủy ban Quản lý rủi ro, mô hình chấm điểm xếp hạng tín dụng... Mizuho tiếp tục thực hiện các khóa đào tạo cho cán bộ Vietcombank tại Việt Nam hoặc tại các chi nhánh Mizuho.

Trong năm 2015, hoạt động hợp tác kinh doanh với Mizuho tiếp tục được đẩy mạnh. Các thỏa thuận dịch vụ đã ký kết tiếp tục được triển khai. Với sự hỗ trợ giới thiệu của Mizuho, 51 khách hàng doanh nghiệp FDI và 18.500 khách hàng cá nhân đã mở tài khoản giao dịch tại Vietcombank năm 2015.

 **Trong năm 2015, 9 dự án xây dựng trụ sở cho các chi nhánh/phòng giao dịch mới hoàn thành bàn giao, 27 dự án cải tạo sửa chữa hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Tiến hành thuê và sửa chữa cải tạo trụ sở cho 6 chi nhánh đi vào hoạt động.**

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự tác động và ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Cho nên, việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội và mọi cá nhân, tổ chức ở Việt Nam, trong đó có Vietcombank. Nhận thức rõ điều đó, năm 2015, Vietcombank đã nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015

của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội, Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020 cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Cụ thể: Khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án, Vietcombank thực hiện đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội tác động đến hiệu quả sử dụng

vốn và khả năng trả nợ của khách hàng. Bên cạnh đó, Vietcombank đưa ra yêu cầu chủ đầu tư các dự án được xem xét cấp tín dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và xã hội. Đồng thời, để đảm bảo việc cấp tín dụng đạt mục tiêu xanh theo Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc NHNN, Vietcombank thường xuyên, định kỳ kiểm tra giám sát việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với các khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng.



Chính sách liên quan đến người lao động

Trong những năm qua, Ban lãnh đạo Vietcombank luôn quan tâm, chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của ngân hàng. Một trong những mục tiêu hàng đầu là xây dựng chính sách đãi ngộ để tạo điều kiện tối đa nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Người lao động làm việc trong hệ thống Vietcombank được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng và đãi ngộ sau:

- ✿ Được trả lương theo trình độ chuyên môn, yêu cầu công việc được giao gắn với vị trí và hiệu quả công việc.
- ✿ Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi nghỉ hưu, ốm đau, thai sản.
- ✿ Được thực hiện đầy đủ chế độ thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi theo quy định của Nhà nước (nghỉ cuối tuần, lễ, tết, nghỉ phép, nghỉ việc riêng, làm thêm giờ...).
- ✿ Được đảm bảo việc làm và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển nghề nghiệp.
- ✿ Được xem xét cử tham gia các khóa đào tạo dài hạn, ngắn hạn, tập huấn, học tập trong và ngoài nước theo yêu cầu công việc; và được hỗ trợ kinh phí đào tạo khi tham gia các khóa đào tạo nâng cao (thạc sĩ, tiến sĩ...).
- ✿ Được tổ chức công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần: Khám chữa bệnh hàng năm; tham quan, nghỉ mát, hiếu hỷ, thăm hỏi khi ốm đau...
- ✿ Được cấp trang phục và trang thiết bị khi làm việc.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tích cực tham gia hoạt động an sinh - xã hội khẳng định trách nhiệm với cộng đồng; uy tín thương hiệu của Vietcombank được ghi nhận và đánh giá cao.

Trong năm 2015, Vietcombank tích cực tham gia các chương trình An sinh xã hội với tổng giá trị thực hiện gần 225,2 tỷ đồng, cụ thể: Ủng hộ đồng bào tỉnh Quảng Ninh và công nhân ngành than khắc phục hậu quả sau mưa lũ; Tài trợ 1.000 con bò cho các hộ nghèo tại các huyện miền núi giáp Tây Nguyên; Xây dựng bệnh viện Đa khoa Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; Xây dựng trường THCS Hùng Vương, TX Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Xây dựng Trường THPT Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; Xây dựng trường tiểu học Vĩnh Thuận, tỉnh Ninh Thuận; Xây dựng trường tiểu học Ninh Giang, xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Xây dựng trường mầm non xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Xây nhà tình nghĩa/nhà đại đoàn kết thông qua Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ...



Tích cực tham gia hoạt động an sinh xã hội khẳng định trách nhiệm với cộng đồng; uy tín thương hiệu của Vietcombank được ghi nhận và đánh giá cao.

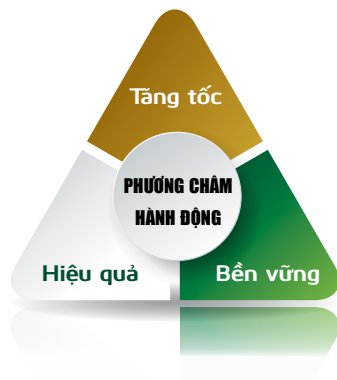


Tuân thủ pháp luật về **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Định hướng hoạt động kinh doanh 2016



Kinh tế thế giới 2016 dự báo có sự hồi phục rõ nét hơn từ Khu vực EU và các nền kinh tế đang phát triển ổn định trở lại do độ trễ của các chính sách bình ổn và kích thích được thực thi trong năm 2015. Môi trường lãi suất thấp vẫn được duy trì mặc dù Fed từng bước tăng lãi suất.



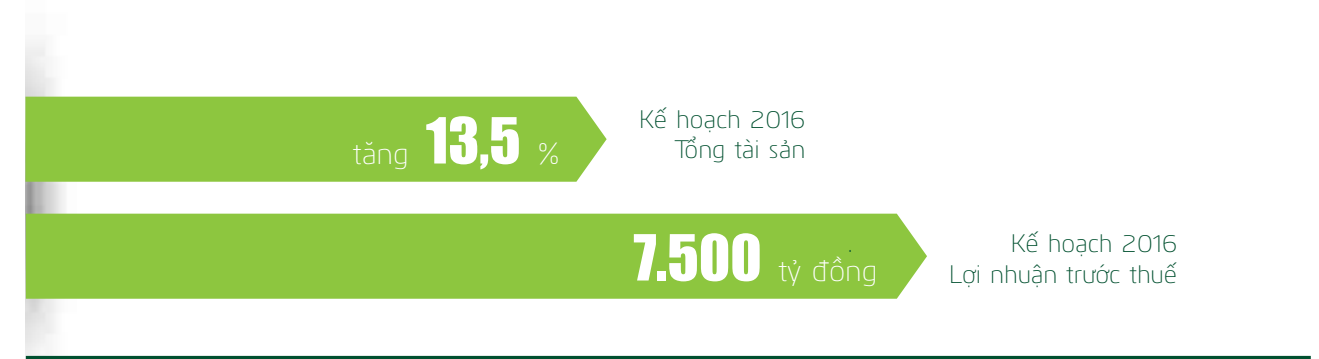
Năm 2016, tăng trưởng kinh tế Việt Nam được dự báo có khả năng đạt 6,7%. Nhiều Hiệp định mậu dịch tự do thế hệ mới được đàm phán thành công tạo điều kiện thu hút đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu, qua đó thúc đẩy tăng trưởng. Lạm phát kỳ vọng tăng nhẹ và dưới mục tiêu 5%. Chính sách tiền tệ của NHNN tập trung: Điều tiết tỷ giá theo cơ chế linh hoạt; giảm đô la hóa được kiên trì thực hiện; định hướng tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống 18% - 20%; kiểm soát chất lượng tín dụng và giám sát chặt chẽ quá trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng, an toàn hệ thống.

Phương châm hành động năm 2016 của Vietcombank là Tăng tốc - Hiệu quả - Bền vững, quan điểm chỉ đạo điều hành Đổi mới - Kỳ cương - Trách nhiệm; theo đó năm 2016 toàn hệ thống Vietcombank phấn đấu nỗ lực để thực hiện thắng lợi và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh. Một số chỉ tiêu kinh doanh chính bao gồm:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016
(1). Tổng tài sản	Tăng 13,5%
(2). Tín dụng	Tăng 17%
(3). Huy động vốn từ nền kinh tế	Tăng 15%
(4). Tỷ lệ nợ xấu	Dưới 2,5%
(5). Lợi nhuận trước thuế	7.500 tỷ đồng



Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016



Công tác khách hàng là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt

Công tác khách hàng tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong năm 2016. Phát triển khách hàng bán buôn một cách chủ động, có tính hệ thống thông qua việc giữ ổn định và từng bước gia tăng thị phần khách hàng truyền thống; phát triển khách hàng mới là doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong các ngành hàng/linh vực có triển vọng tích cực.

Chuyển hóa về chất trong phát triển sản phẩm, chuẩn hóa quy trình đối với bán lẻ bằng việc rà soát sản phẩm dịch vụ, ban hành sản phẩm mới, cạnh tranh không chỉ về giá mà còn qua tính năng của sản phẩm cùng với việc đơn giản hóa về thủ tục và quy trình bán. Chú trọng tăng trưởng mạnh các sản phẩm mũi nhọn như: Tín dụng thể nhân, ngân hàng điện tử, thẻ...; Xây dựng chính sách lãi suất phù hợp, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng bán lẻ đồng thời đảm bảo nguồn vốn huy động từ dân cư.

Tập trung nguồn lực để thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR

Tiếp tục chỉ đạo trực tiếp công tác xử lý nợ có vấn đề đối với các chi nhánh có nợ có vấn đề lớn; hỗ trợ chi nhánh theo phương châm đổi mới, kỳ cương để xử lý, thu hồi nợ thông qua việc áp dụng linh hoạt đồng thời các biện pháp thu hồi nợ khác nhau; tại các chi nhánh có nợ xấu cao, nghiêm túc triển khai “Đề án ngân hàng tốt, ngân hàng xấu”, đưa ra các chỉ tiêu cụ thể và đề xuất giải pháp, lộ trình triển khai đến năm 2017; xây dựng phương án xử lý nợ cụ thể đối với từng khoản nợ; phát hiện sớm rủi ro của các khoản nợ; áp dụng đồng bộ các biện pháp xử lý nợ phù hợp.

Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và tài trợ thương mại

Nỗ lực duy trì vị trí dẫn đầu trên thị trường liên ngân hàng thông qua tham gia tích cực trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng để duy trì vai trò nhà tạo lập thị trường; tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trên thị trường ngoại hối và thị trường thứ cấp trái phiếu Chính phủ.

Gia tăng thị phần TTQT-TTTM thông qua tăng cường Phát triển khách hàng FDI, doanh nghiệp vệ tinh phục vụ FDI. Đa dạng hóa ngành hàng, phát triển khách hàng trong các ngành hàng xuất nhập khẩu trọng điểm. Chủ động phát triển sản phẩm mới gắn với phương thức thanh toán trên thị trường, chuyên biệt hóa các sản phẩm truyền thống, đặc biệt là dịch vụ ngân hàng điện tử Internet Banking. Sử dụng đồng bộ công cụ lãi suất, tỷ giá để tăng khả năng cạnh tranh. Đẩy mạnh công tác marketing, tiếp cận nhà tài trợ, ban quản lý dự án, cơ quan quản lý để thúc đẩy việc giao Vietcombank làm ngân hàng phục vụ cho các dự án ODA, góp phần nâng cao doanh số mua bán ngoại tệ và thị phần xuất nhập khẩu của Vietcombank.

Tập trung triển khai đúng lộ trình các dự án nâng cao năng lực quản trị đặc biệt là năng lực quản trị rủi ro tín dụng, triển khai sáng kiến trọng yếu

Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, điều hành đạt chuẩn mực quốc tế thông qua:

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Triển khai
82
sáng kiến thuộc
dự án Basel II
trong năm 2016

Tiếp tục giữ vững vị trí **SỐ 1**
trên thị trường ngoại hối và thị trường
thứ cấp trái phiếu Chính phủ



- ✿ Tập trung triển khai 19 sáng kiến thuộc Dự án CTOM (trong đó chú trọng 12 sáng kiến) nhằm chuyển biến cơ bản công tác tín dụng.
- ✿ Triển khai 82 sáng kiến, trong đó chú trọng thực hiện 44 sáng kiến thuộc Dự án Basel II trong năm 2016 nhằm chuyển đổi vững chắc công tác quản trị rủi ro.
- ✿ Tăng cường công tác đào tạo/truyền thông, hoàn thiện công tác giao kế hoạch gắn với kết quả của Dự án KPI.
- ✿ Triển khai Dự án nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm toán nội bộ và chuyển đổi chức năng kiểm toán nội bộ, nhằm xây dựng khung kiểm toán và tổ chức đào tạo, truyền thông trong hệ thống nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kiểm tra/kiểm toán/giám sát.
- ✿ Triển khai và áp dụng công cụ phát hiện rủi ro gian lận, nhằm tăng cường việc giám sát từ xa, liên tục và toàn diện đối với chi nhánh, kịp thời phát hiện các hành vi gian lận.

Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức và phát triển mạng lưới

Thành lập thêm một số chi nhánh và phòng giao dịch tại các địa bàn giàu tiềm năng và đáp ứng điều kiện của NHNN. Triển khai thành lập Công ty Tín dụng Tiêu dùng, nghiên cứu thành lập Công ty Kiều hối, Công ty AMC, mở chi nhánh và VPDD tại nước ngoài.

Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm tra kiểm toán nội bộ

Kiện toàn chức năng kiểm tra, kiểm toán, giám sát theo thông lệ quốc tế tốt nhất. Triển khai toàn diện, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của Ban Kiểm tra nội bộ.

Hoàn thiện và triển khai các quy trình, quy chế nội bộ

Triển khai có hiệu quả các quy chế, quy định về quản lý cán bộ, xếp hạng chi nhánh, bộ tiêu chuẩn đạo đức... nhằm tạo động lực mạnh mẽ trong toàn hệ thống Vietcombank.



Tiếp tục bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện và ban hành các quy trình, quy chế: (i) Cụ thể hóa kết quả các sáng kiến từ các Dự án nâng cao năng lực (Basel 2, KPI, CTOM,...); (ii) Các mảng nghiệp vụ vốn, bán lẻ, tài chính kế toán, tín dụng, tổ chức cán bộ và quản trị nhân sự...

Công tác đào tạo

Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện thành công Đề án cấu trúc lại hoạt động đào tạo đến 2020;

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai đào tạo theo: (i) Khung đào tạo chuẩn; (ii) Khảo thí và thi tay nghề đối với một số vị trí nghiệp vụ;

Xây dựng nền móng triển khai đào tạo trực tuyến E-learning, xây dựng thư viện/tài nguyên phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phổ biến sáng kiến.

Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin cần bắt kịp trào lưu cách mạng số trong ngân hàng

(di động, mạng xã hội, điện toán đám mây...), tạo lập nền tảng vững chắc để sẵn sàng tạo ra các đột phá trong kinh doanh cho Vietcombank, giữ vững vị thế hàng đầu thị trường về Công nghệ thông tin.

Rà soát, củng cố hoạt động của các công ty con, hiệu quả đầu tư

Chủ động tiếp tục tái cơ cấu và thoái vốn tại một số hạng mục đầu tư; tiếp tục cụ thể hóa, đưa ra các giải pháp, chính sách để kết nối hoạt động đầu tư và hoạt động tín dụng bán buôn; tăng cường tập trung rà soát, kiểm toán toàn diện hoạt động kinh doanh tại các công ty con; xây dựng lộ trình, đề án chuyển đổi hình thức sở hữu các công ty con.

Về các công tác khác

Rà soát các Dự án an sinh xã hội đã triển khai để tổng kết thúc đẩy thực hiện cam kết với địa phương, đồng thời xây dựng chương trình hành động, phối hợp với các bộ ngành đầu tư có trọng điểm vào các

lĩnh vực ưu tiên tại các địa bàn dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa, căn cứ địa cách mạng nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững và nâng cao mức sống của các đối tượng được thụ hưởng từ các Dự án an sinh xã hội do Vietcombank đầu tư.

Chú trọng đổi mới công tác truyền thông về cả nội dung và hình thức tập trung vào hiệu quả của công tác truyền thông, đặc biệt là truyền thông nội bộ về các Dự án nâng cao năng lực đang được triển khai.

Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp Vietcombank hướng tới tinh thần hợp tác, kết nối, chia sẻ và trách nhiệm nhằm tạo nên tinh thần đoàn kết cao, qua đó gia tăng năng lực cạnh tranh cho Vietcombank.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động



Năm 2015, trong bối cảnh đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế và ngành ngân hàng, Vietcombank đã nỗ lực nắm bắt cơ hội, hoàn thành vai trò là một trong những ngân hàng nòng cốt đi đầu trong hệ thống, nghiêm túc thực hiện các chủ trương của NHNN, nỗ lực thực hiện Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2013 - 2015, góp phần thực hiện nhiệm vụ chung của ngành và ổn định kinh tế vĩ mô.

Bám sát phương châm và quan điểm chỉ đạo điều hành đã đề ra, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã bám sát diễn biến thị trường, định hướng hoạt động của Vietcombank theo các mục tiêu đã đề ra.

Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, với Vietcombank, năm 2015 là năm chúng kiến sự chuyển mình, bứt phá mạnh mẽ, bảo hiệu một giai đoạn phát triển mới. Với nỗ lực quyết tâm của toàn hệ thống, Vietcombank đã đạt được những kết quả ấn tượng trong việc thực hiện mục tiêu đề ra theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHQĐCĐ đề ra như sau:

Kết quả Hoạt động kinh doanh

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2015 đạt 674,4 nghìn tỷ đồng, tăng ~16,9% so với 31/12/2014 và đạt 104,83% kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông.

Dư nợ cho vay khách hàng tại thời điểm 31/12/2015 đạt 387 nghìn tỷ đồng, tăng ~19,74% so với 31/12/2014, vượt kế hoạch đề ra (13%) và cao hơn bình quân chung của toàn ngành (17,3%). Tăng trưởng dư nợ tín dụng đạt 22%. Cơ cấu cho

vay chuyển dịch theo đúng định hướng của Vietcombank, tốc độ tăng trưởng cho vay đối với dân cư tăng mạnh ở mức 50,41%, tỷ trọng cho vay SMEs và thể nhân tăng mạnh từ 30,9% năm 2014 lên 35,7%.

Huy động vốn từ nền kinh tế năm 2015 đạt 503 nghìn tỷ đồng, tăng 18,52% so với năm 2014, cao hơn mức tăng bình quân của toàn ngành (~14,4%). Cơ cấu vốn thể nhân/tổ chức kinh tế ở mức 55%/45% phù hợp với chiến lược đẩy mạnh bán lẻ của Vietcombank; tiếp tục chuyển dịch thu hút nguồn vốn giá rẻ với kết quả tích cực: Huy động vốn không kỳ hạn tăng 26,3% so với 2014, chiếm tỷ trọng 29,1%.

tăng ~ **16,9** %

Tổng tài sản đạt **674.395** tỷ đồng

tăng **16,83** %

Lợi nhuận trước thuế đạt **6.827** tỷ đồng

Năm 2015, Vietcombank tiếp tục chú trọng công tác kiểm soát, quản lý rủi ro tín dụng và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu. Tỷ lệ nợ nhóm 2 nhờ đó đã giảm mạnh, chỉ còn 2,4%. Tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,84%, giảm so với tỷ lệ 2,32% năm 2014, thấp hơn mức khống chế kế hoạch (2,5%). Nếu tính cả đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ nợ xấu chỉ ở mức 1,79%. Thu hồi nợ ngoại bảng tiếp tục ghi nhận kết

quả quan trọng, phản ánh nỗ lực của toàn hệ thống và hiệu quả của tổng thể các giải pháp chỉ đạo, điều hành quyết liệt trong công tác thu hồi nợ. Số thu ngoại bảng đạt 2.511 tỷ đồng, trong đó thu nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro 1.834 tỷ đồng, thu nợ đã bán cho VAMC 677 tỷ đồng.

Nhờ tăng trưởng cao, kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, lợi nhuận trước

thuế năm 2015 đã tăng tới 16,83% so với năm 2014, đạt 6.827 tỷ đồng, là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua. Hiệu suất sinh lời của tổng tài sản bình quân (ROA) và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) năm 2015 đạt tương ứng là 0,85% và 12,03%, cao hơn so với 2014. Hệ số an toàn tối thiểu (CAR) đạt ~ 11,04%, đáp ứng tỉ lệ quy định của NHNN (tối thiểu 9%).

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 31/12/2015	Thực hiện/ Kế hoạch	Đánh giá
1	Tổng tài sản (tỷ đồng)	576.996	643.343	674.395	104,83%	Vượt
2	Dư nợ cho vay KH (tỷ đồng)	323.338	365.365	387.152	105,96%	Vượt
3	HĐV từ nền kinh tế (tỷ đồng)	424.412	475.342	503.007	105,82%	Vượt
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	5.844	5.900	6.827	115,72%	Vượt
5	Lao động cuối kỳ (người)	14.099	14.804	14.755		Đạt KH
6	Chi phí lương trên lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm lương	35,00%	37,00%	37,00%		Đạt KH
7	Số CN tăng thêm	10	6	6		Đạt KH
8	Tỷ lệ nợ xấu	2,31%	<2,5%	1,84%		Đạt KH
9	Mức chi trả cổ tức (%/mệnh giá)	10%	10%	10%		Đạt KH

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK (tiếp theo)

6 Chi nhánh
17 phòng giao dịch
Đưa vào hoạt động năm 2015

TOP 50
Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam

TOP 500
Thương hiệu ngân hàng có giá trị lớn nhất thế giới

Công tác chỉ đạo, quản trị, điều hành

Công tác quản trị ngân hàng được HĐQT đặc biệt chú trọng với các hoạt động nổi bật trong năm 2015, bao gồm:

Mô hình tổ chức được chuẩn hóa, công tác phát triển mạng lưới được đẩy mạnh

Trong năm 2015, Vietcombank đã quyết liệt chuẩn hóa chi nhánh theo mô hình chức năng chuẩn, hướng Chi nhánh tập trung vào công tác bán hàng. Chức năng nhiệm vụ của các phòng/ban/trung tâm tại Trụ sở chính cũng đã được rà soát, chuẩn hóa và ban hành lại, tạo ra những chuyển biến tích cực hướng Vietcombank theo mô hình ngân hàng hiện đại.

Đưa vào hoạt động thêm 6 chi nhánh mới cùng 17 phòng giao dịch, đẩy mạnh cung ứng sản phẩm dịch vụ hiện đại, tiện ích cho khách hàng và thị trường, gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở

vật chất là trụ sở của các chi nhánh, phòng giao dịch. Nhiều trụ sở giao dịch hiện đại, khang trang đã được khánh thành, đưa vào hoạt động.

Tích cực triển khai các thủ tục để thành lập Công ty Tín dụng Tiêu dùng, Công ty Kiều hối và các chi nhánh, VPĐD tại nước ngoài.

Quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế tiếp tục phát triển mạnh mẽ

Năm 2015, Vietcombank đã ký kết hàng loạt thỏa thuận hợp tác/hợp đồng tín dụng với các Tập đoàn, Tổng công ty như Vietnam Airlines, Vinatex, EVN, DIV, VNPT, Trường Hải..., triển khai thỏa thuận với Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua việc ký kết hợp tác thu BHXH, BHYT, BHTN giữa các chi nhánh Vietcombank với BHXH các tỉnh thành trên toàn quốc, thu hút nguồn vốn lớn với lãi suất thấp, đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

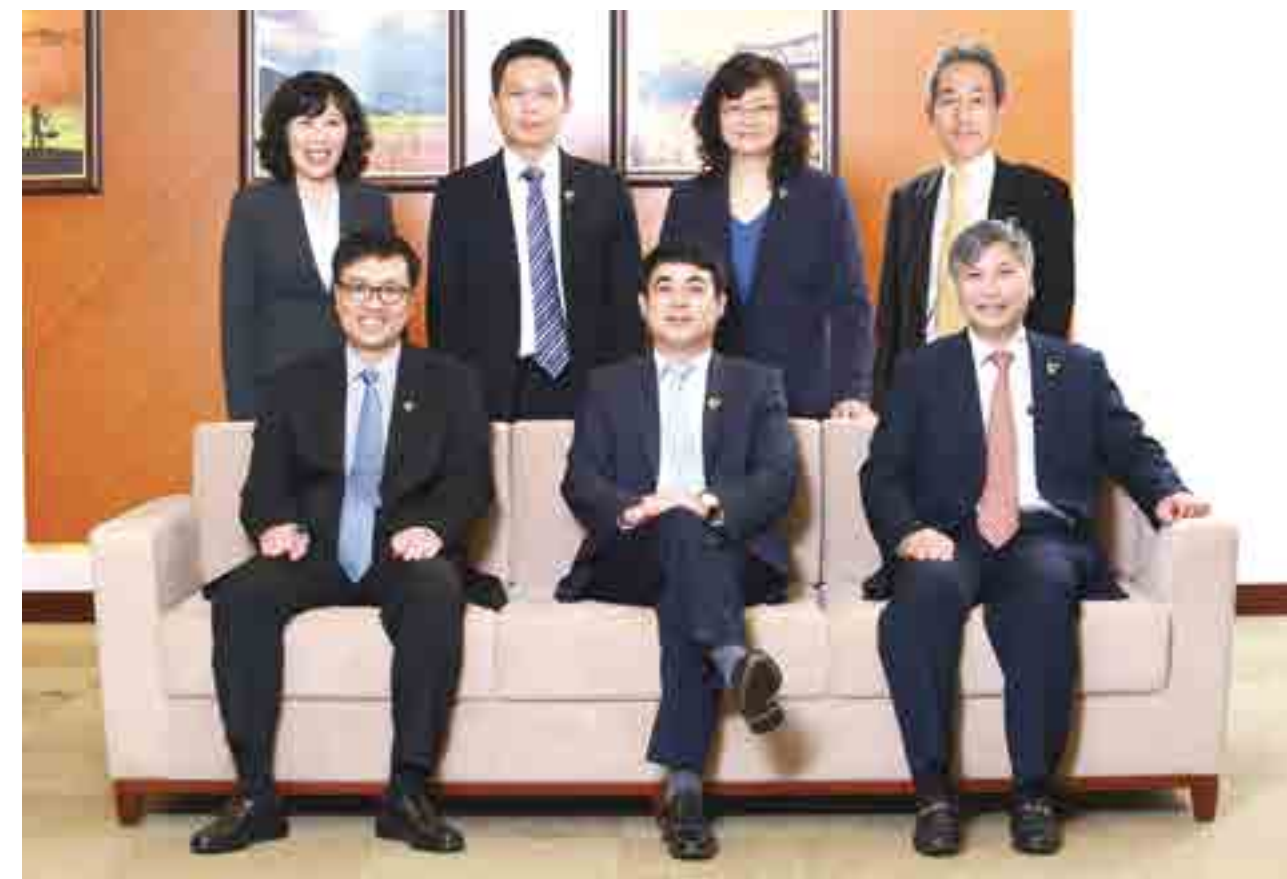
Hoạt động đối ngoại và quan hệ quốc tế của Vietcombank cũng không ngừng được phát triển. Trong năm 2015, Ban Lãnh đạo Vietcombank đã tham gia nhiều buổi gặp gỡ, tiếp

xúc, làm việc với lãnh đạo cấp cao của các tổ chức ngân hàng tài chính quốc tế, tham gia các đoàn công tác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, mở ra nhiều cơ hội lớn cho Vietcombank tiếp xúc, tìm hiểu các doanh nghiệp nước ngoài, tăng cường tính kết nối, nắm bắt các cơ hội hợp tác phát triển kinh doanh.

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực được đặc biệt chú trọng và có những chuyển biến rõ nét

Số lượng và chất lượng các chương trình đào tạo trên toàn hệ thống đã được tăng cao. Vietcombank đã xây dựng một số Đề án nền tảng cho hoạt động phát triển nhân lực đến 2020: Tài cấu trúc hoạt động đào tạo, Nâng cấp Trung tâm đào tạo thành Trường đào tạo phát triển nguồn nhân lực, Đào tạo E-learning, Xây dựng cơ sở đào tạo tại Ecopark...

Triển khai đồng bộ các dự án, chương trình nâng cao năng lực quản trị, nâng cao chất lượng hoạt động và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ



Năm 2015, Vietcombank đã triển khai nhiều dự án nâng cao năng lực cạnh tranh như: Dự án xây dựng mô hình tín dụng tập trung CTOM, một số dự án của chương trình Basel II... nhằm góp phần hỗ trợ công tác quản trị theo các thông lệ tốt nhất và phù hợp với mô hình ngân hàng hiện đại.

Bên cạnh đó, Vietcombank đã ban hành và hoàn thiện đồng bộ các quy chế quản trị quan trọng như: Quy chế quản lý cán bộ, Quy chế xử lý kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, Quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, Quy chế chi trả tiền lương, Bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Đơn vị thành viên theo Thẻ điểm cân bằng, Quy định xếp hạng Chi nhánh, Công ty trực thuộc, bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của CBNV... đã tạo ra sự thay đổi lớn về nhận thức, tăng tính chủ động và phát huy hiệu quả trong hoạt động của cả hệ thống.

Dẫn đầu Bảng xếp hạng uy tín

truyền thông ngành Ngân hàng

Với việc quan tâm đến công tác truyền thông, phát triển nhiều loại hình truyền thông mới, thu hút sự quan tâm của công chúng (Bản tin hình Vietcombank News đăng tải trên Website và Fanpage, Đặc san "Người dẫn đầu..."), cung cấp kịp thời các thông tin chính xác, tích cực với cách thể hiện sinh động cho công chúng, nhà đầu tư và thị trường, hướng đến các chuẩn mực về minh bạch hóa thông tin, Vietcombank đã được bình chọn là đơn vị dẫn đầu Bảng xếp hạng uy tín truyền thông ngành Ngân hàng năm 2015.

Tích cực trong công tác an sinh xã hội vì cộng đồng

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Vietcombank đã tham gia tích cực các hoạt động an sinh xã hội, chia sẻ khó khăn với cộng đồng. Trong năm 2015, Vietcombank đã cam kết dành gần 256 tỷ đồng và đã thực hiện giải ngân 225,2 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, các chương trình từ thiện tại các địa bàn còn nhiều khó khăn trên cả nước.

Khẳng định vị thế "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam"

Với hoạt động hiệu quả cùng những ảnh hưởng quan trọng đối với cộng đồng doanh nghiệp, thị trường tài chính trong nước, khu vực và quốc tế, Vietcombank đã được các Tạp chí uy tín trên thế giới như: Euromoney, The Asian Banker, Asiamoney, Trade Finance, Finance Asia, Global Trade Review, Alpha SEA bình chọn, trao giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam".

Hoạt động bán lẻ của Vietcombank cũng đạt được nhiều kết quả nổi bật với giải thưởng "Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu năm 2015".

Thương hiệu Vietcombank tiếp tục được phát triển, nâng tầm. Hãng tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới - Brand Finance bình chọn Vietcombank trong danh sách 500 thương hiệu ngân hàng có giá trị lớn nhất thế giới. Tạp chí Forbes cũng xếp hạng Vietcombank trong danh mục 2.000 công ty đại chúng lớn và quyền lực nhất thế giới, Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK (tiếp theo)

Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Hội đồng Quản trị đã thực hiện giám sát Ban Điều hành theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định liên quan của Vietcombank.

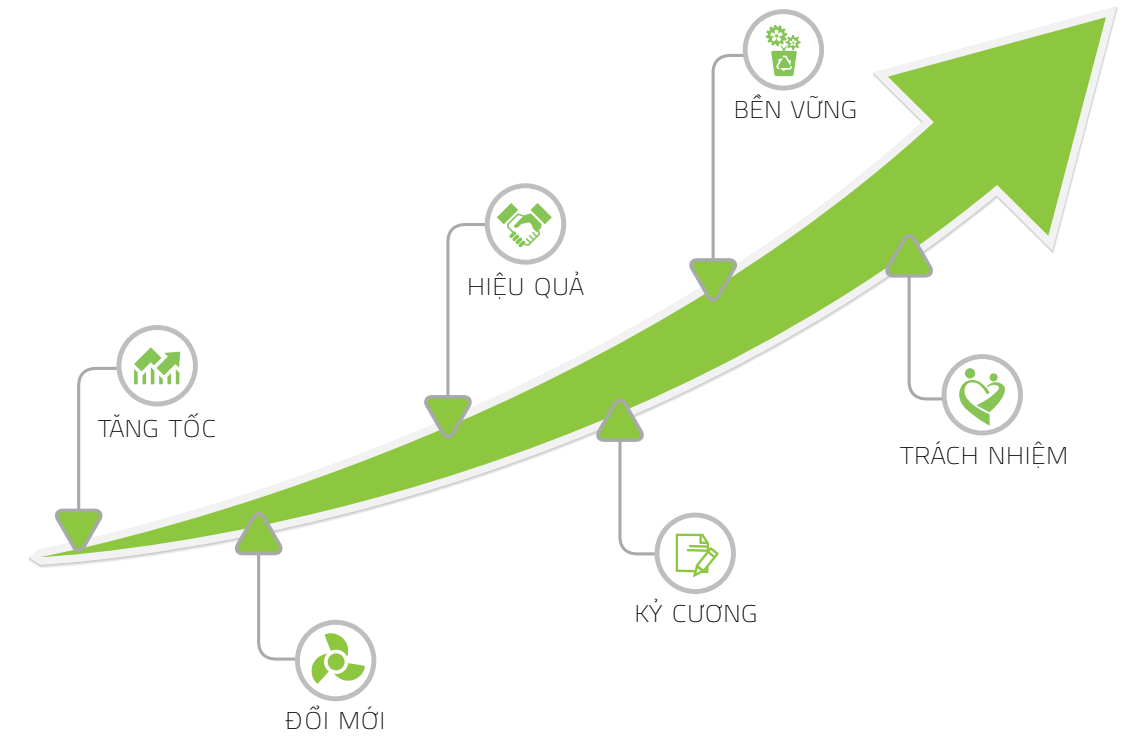
Năm 2015, trước những diễn biến mới trong môi trường kinh doanh, trên cơ sở định hướng của HĐQT,

Ban Điều hành đã quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, bám sát mục tiêu chiến lược trung, dài hạn cũng như các mục tiêu cụ thể cho năm 2015 do ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

Với sự chỉ đạo sát sao và sự phối hợp thường xuyên giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Vietcombank đã đạt được những kết quả nổi bật

trong hoạt động kinh doanh, tiếp tục khẳng định vị thế của một ngân hàng thương mại chủ lực của nền kinh tế.

Các thành viên Ban điều hành đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, luôn đặt lợi ích của cổ đông, lợi ích của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động của mình.



Định hướng hoạt động 2016

Dự báo tình hình vĩ mô và môi trường hoạt động

Kinh tế thế giới sẽ tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt tại các nền kinh tế lớn như Trung Quốc. Kinh tế Việt Nam tăng trưởng khả quan, GDP có khả năng vượt 6,7%, lạm phát kỳ vọng tăng nhẹ và dưới mục tiêu 5%;

Ngành ngân hàng xác định mục tiêu và các giải pháp trọng tâm về điều hành chính sách tiền tệ như sau: Tăng dư nợ tín dụng phù hợp gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tiếp tục thực hiện các giải pháp theo lộ trình tái cơ cấu các TCTD và xử lý nợ xấu, tăng cường công tác thanh tra giám sát ngân hàng, tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp xử lý nợ xấu và kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng.

Phương châm hành động, quan điểm chỉ đạo điều hành

Bám sát định hướng điều hành của Chính phủ và NHNN, năm 2016 Vietcombank tiếp tục phương châm "Tăng tốc - Hiệu quả - Bền vững"; quan điểm chỉ đạo điều hành "Đổi mới - Kỷ cương - Trách nhiệm". Theo đó, định hướng chủ đạo của

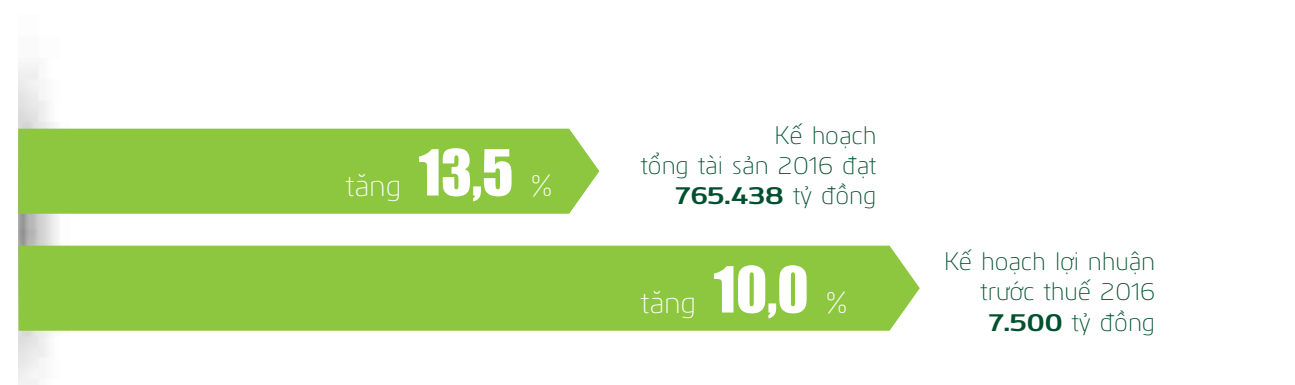
Vietcombank năm 2016: Phát huy mọi lợi thế, tận dụng mọi thời cơ, phát triển theo chiều sâu, lấy chất lượng và hiệu quả làm trọng tâm, nỗ lực trên tất cả các mảng hoạt động để thực hiện thắng lợi và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ đề ra, hướng tới phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế.



Phát huy mọi lợi thế, tận dụng mọi thời cơ, phát triển theo chiều sâu, lấy chất lượng và hiệu quả làm trọng tâm nỗ lực trên tất cả các mảng hoạt động để thực hiện thắng lợi và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK (tiếp theo)

Định hướng hoạt động 2016 (tiếp theo)



Định hướng chính trên một số lĩnh vực cụ thể như sau:

Về hoạt động kinh doanh

Đổi mới mạnh mẽ công tác khách hàng – nhiệm vụ trung tâm, xuyên suốt

Giữ vững thị phần đối với các khách hàng truyền thống và đẩy mạnh phát triển các khách hàng mới. Tập trung vào khách hàng hiệu quả, kinh doanh an toàn, các ngành có triển vọng tốt.

Đẩy mạnh công tác phân khúc khách hàng để phát triển và đa dạng hóa dịch vụ, phù hợp với từng phân khúc, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Đa dạng hóa, linh hoạt về sản phẩm, tăng cường bán chéo sản phẩm.

Xây dựng các công cụ quản trị hỗ trợ bán hàng, tập trung quản lý bán theo mô hình mới.

Tăng trưởng tín dụng đảm bảo an toàn và hiệu quả

Ứng dụng các công cụ quản trị rủi ro để xây dựng chiến lược quản lý danh mục tín dụng chủ động.

Ban hành các chính sách định hướng tín dụng theo ngành hàng.

Kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, khống chế tỷ lệ nợ xấu dưới 2,5%.

Tập trung mọi nguồn lực để thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR.

Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu huy động vốn

Hoạt động huy động vốn được đảm bảo cân đối phù hợp với nhu cầu vốn và định hướng phát triển của ngân hàng.

Đẩy mạnh tăng trưởng nguồn vốn huy động từ dân cư, chú trọng thu hút nguồn vốn giá rẻ như tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi của Kho bạc nhà nước,...

Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và tài trợ thương mại

Nỗ lực duy trì vị trí dẫn đầu trên thị trường liên ngân hàng, thị trường ngoại hối và thị trường thứ cấp trái phiếu Chính phủ.

Giữ vững và từng bước gia tăng thị

phần thanh toán quốc tế – tài trợ thương mại bằng các biện pháp phù hợp: Phát triển khách hàng FDI, khách hàng trong các ngành hàng xuất nhập khẩu trọng điểm, phát triển sản phẩm mới.

Tăng cường hiệu quả hoạt động đầu tư

Tài cấu trúc danh mục đầu tư; chú trọng đầu tư vào các ngành phát triển nhanh hoặc ổn định.

Tăng cường quản lý, rà soát hoạt động của các công ty con. Xây dựng lộ trình, đề án chuyển đổi hình thức sở hữu đối với Công ty cho thuê tài chính và Công ty chứng khoán.

Nâng cao năng lực tài chính

Thực hiện giải pháp tăng vốn điều lệ thông qua: (i) Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ ~ 35%; (ii) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài với tỷ lệ tối đa 10% vốn điều lệ của Vietcombank tại thời điểm chào bán.

Gia tăng hiệu quả kinh doanh, cơ cấu danh mục tài sản nợ – có, nâng cao

Dự kiến một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh năm 2016

STT	Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản (tỷ đồng)	674.395	765.438	13,50%
2	Dư nợ cho vay KH (tỷ đồng)	387.152	452.967	17,00%
3	HĐV từ nền kinh tế (tỷ đồng)	503.007	578.458	15,00%
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	6.827	7.500	10,00%
5	Lao động cuối kỳ (người)	14.755	15.493	5,00%
6	Chi phí lương trên lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm lương	37,00%	37,00%	
7	Số chi nhánh tăng thêm	6	6	
8	Tỷ lệ nợ xấu	1,84%	<2,50%	
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/mệnh giá)	10%	Tối đa 10%	

chất lượng tài sản và xử lý nợ xấu, đảm bảo các giới hạn, cải thiện tỷ lệ an toàn hoạt động và các tỷ suất sinh lời.

Công tác quản trị điều hành

Tổ chức mạng lưới

Tiếp tục sắp xếp, chuẩn hóa mô hình tổ chức theo khối chức năng, cơ cấu quản lý tập trung, xuyên suốt theo chiều dọc. Hoàn thiện mô hình tổ chức của chi nhánh theo hướng giảm hoạt động tác nghiệp, tập trung bán hàng.

Thành lập mới một số phòng tại Trụ sở chính, thành lập văn phòng đại diện tại phía nam, thành lập thêm chi nhánh và phòng giao dịch tại các địa bàn có tiềm năng.

Triển khai thành lập Công ty Tín dụng Tiêu dùng, nghiên cứu thành lập Công ty Kiều hối, Công ty AMC, xúc tiến mở chi nhánh và VPĐD tại nước ngoài.

Công tác đào tạo

Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện thành công Đề án cấu trúc lại hoạt động đào tạo đến 2020.

Xây dựng nền móng triển khai đào tạo trực tuyến E-learning, xây dựng thư viện/tài nguyên phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phổ biến sáng kiến.

Công tác quản trị rủi ro

Từng bước xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp theo Basel II, hoàn thiện quy trình và mô hình đo lường các loại rủi ro.

Kiện toàn và nâng cao hiệu quả chức năng kiểm tra, kiểm toán, giám sát theo thông lệ quốc tế tốt nhất.

Công nghệ thông tin

Triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả, chất lượng và đổi mới toàn diện hoạt động hệ thống công nghệ thông tin của Vietcombank: Đầu tư mới, thay thế, nâng cấp một số hệ thống nền tảng quan trọng, triển



khai dự án Core Banking đảm bảo tiến độ và chất lượng.

Tăng cường phát triển nguồn nhân lực của Trung tâm Công nghệ thông tin, nâng cao công tác quản trị rủi ro về Công nghệ thông tin.

Các dự án chuyển đổi

Tập trung triển khai đúng lộ trình các dự án nâng cao năng lực quản trị, đặc biệt là năng lực quản trị rủi ro tín dụng, triển khai các sáng kiến trọng yếu: Triển khai 19 sáng kiến của Dự án CTOM nhằm chuyển biến cơ bản công tác tín dụng tại Vietcombank; triển khai 82 sáng kiến của Dự án Basel 2 nhằm chuyển đổi vững chắc công tác quản trị rủi ro tại Vietcombank, bám sát lộ trình triển khai Basel 2 của NHNN; triển khai chính thức Chương trình quản lý KPI trong toàn hệ thống; xúc tiến triển khai các dự án ALM-FTP-MPA, dự án nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm toán nội bộ và chuyển đổi chức năng kiểm toán nội bộ, dự án phòng chống rủi ro gian lận,...

LẤY **SÁNG TẠO**
ĐỂ PHÁT HUY **NGUỒN LỰC**



 **Tổ chức và Nhân sự**

↳ Tổ chức và Nhân sự ↳ Giới thiệu Hội đồng Quản trị ↳ Giới thiệu Ban Điều hành ↳ Giới thiệu Ban Kiểm soát

Tổ chức và nhân sự



Chất lượng nhân viên được kiểm soát từ đầu vào với một chính sách tuyển dụng nghiêm túc, cán bộ được tuyển dụng theo đúng vị trí công việc.



Tổng số nhân sự tính đến 31/12/2015
14.755 người

Nguồn nhân lực

Tổng số lao động của Vietcombank tính đến 31/12/2015 là 14.755 người (số hợp nhất bao gồm cả các công ty thành viên). Ban lãnh đạo Vietcombank luôn chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của ngân hàng.

Chất lượng nhân viên được kiểm soát từ đầu vào với một chính sách tuyển dụng nghiêm túc, cán bộ được tuyển dụng theo đúng vị trí công việc.

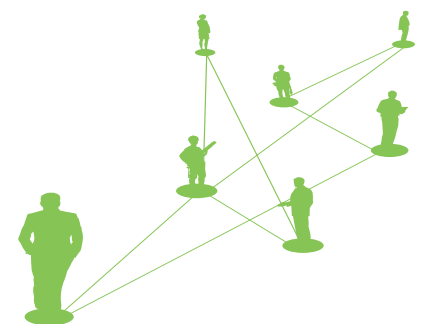
Tích cực xây dựng các chương trình đào tạo trong và ngoài nước cho cán bộ, nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Chế độ lương, thưởng được xây dựng gắn với kết quả công việc, không cào bằng, tạo được động lực cho người lao động, hiệu quả công việc mang lại là cao hơn.

Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc, xây dựng được một đội ngũ lãnh

đạo là những người có kiến thức hiện đại và nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý điều hành.

Vietcombank sẽ vẫn tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ, quy hoạch gắn với quyền lợi và trách nhiệm của người lao động nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong công việc.



Thay đổi về nhân sự trong Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.

Thành phần Ban Lãnh đạo có thay đổi như sau: Tăng (+) Bà Đinh Thị Thái được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/06/2015; (+) Ông Huỳnh Song Hào được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Bán lẻ từ ngày 06/04/2015.

Giảm (-) Ông Nguyễn Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc được Ngân hàng Nhà nước điều động sang giữ chức vụ Chủ tịch Ngân hàng xây dựng từ 05/03/2015.



Bà Đinh Thị Thái (giữa) được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc



Ông Huỳnh Song Hào (thứ 3 từ phải sang) được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Bán lẻ



Ông Nguyễn Văn Tuấn (thứ 3 từ phải sang) được điều động giữ chức vụ Chủ tịch Ngân hàng Xây dựng



Mạng lưới và tổ chức của Vietcombank

Trong năm 2015, Vietcombank khai trương hoạt động thêm 05 chi nhánh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, 01 chi nhánh trên địa bàn tỉnh Bến Tre và 17 phòng giao dịch trên địa bàn các tỉnh.

Tính đến 31/12/2015, mạng lưới hoạt động của Vietcombank bao gồm:

01	01 Trụ sở chính.
96	96 Chi nhánh.
368	368 Phòng giao dịch.
02	02 Công ty con trực thuộc trên toàn quốc (Công ty Cho thuê tài chính, Công ty Chứng khoán).
01	01 Văn phòng đại diện tại Singapore và 02 Công ty con tại nước ngoài (Công ty Vinafico Hồng Kông và Công ty Chuyển tiền Vietcombank).
05	05 Công ty liên doanh - liên kết khác.

Giới thiệu Hội đồng Quản trị



◀ Ông **NGHIÊM XUÂN THÀNH**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn
Tiến sĩ Kinh tế;
Học viện Ngân hàng.



◀ Ông **NGUYỄN DANH LƯƠNG**
Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Trường Cao cấp Ngân hàng;
Tiến sĩ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.

Ông **PHẠM QUANG DŨNG** ▶
Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng -
Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc).



Bà **NGUYỄN THỊ DŨNG** ▶
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn
Đại học Tài chính Matxcova;
Tiến sĩ Kinh tế -
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



◀ Bà **LÊ THỊ HOA**
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Kinh tế (chương trình Pháp - Việt);
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



◀ Ông **YUTAKA ABE**
Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Hitotsubashi (Tokyo, Nhật Bản);
Thạc sĩ Khoa học Quản lý -
Đại học Stanford (California, Hoa Kỳ).

Ông **NGUYỄN MANH HÙNG** ▶
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
Thạc sĩ Kinh tế - Cao học Việt Nam - Hà Lan,
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



Giới thiệu Ban Điều hành



◀ Ông **PHẠM QUANG DŨNG**
Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
- Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc).



◀ Ông **ĐÀO HÀO**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Kinh tế TP. HCM;
Đại học Luật Hà Nội.

Ông **NGUYỄN DANH LƯƠNG** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Trường Cao cấp Ngân hàng
Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.



Ông **PHẠM THANH HÀ** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học
George Washington (Hoa Kỳ).



◀ Ông **YUTAKA ABE**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Hitotsubashi (Tokyo, Nhật Bản);
Thạc sỹ Khoa học Quản lý - Đại học
Stanford (California, Hoa Kỳ).



◀ Bà **TRƯƠNG THỊ THÚY ANH**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Bách khoa Đà Nẵng
(ngành Kế toán);
Đại học Luật;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh -
Trường Impac University.



Ông **ĐÀO MINH TUẤN** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Bách Khoa Hà Nội;
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.



Ông **PHẠM MẠNH THẮNG** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng;
Thạc sỹ - Học viện Ngân hàng;
Tiến sỹ - Học viện Ngân hàng.



Giới thiệu Ban Điều hành (tiếp theo)



◀ Bà **NGUYỄN THỊ KIM OANH**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Kinh tế Quốc dân;
Thạc sỹ Tài chính ngân hàng – Đại học New South Wales.

Giới thiệu Ban Kiểm soát



◀ Bà **TRƯƠNG LỆ HIỀN**
Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Học viện Ngân hàng;
Thạc sỹ Kinh tế Phát triển – Cao học Việt Nam – Hà Lan.

Bà **ĐINH THỊ THÁI** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Đại học Ngoại thương;
Thạc sỹ Kinh tế.



Bà **LA THỊ HỒNG MINH** ▶
Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Học viện Ngân hàng;
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



◀ Bà **PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN**
Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn
Học viện Ngân hàng;
Thạc sỹ Kinh tế – Học viện Ngân hàng – CPA Australia.



◀ Bà **ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG**
Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Đại học Ngoại thương;
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Ngoại thương.

Ông **HUYỀNH SONG HÀO** ▶
Giám đốc Khối Bán lẻ

Trình độ chuyên môn
Đại học Tài chính – Kế toán TP.HCM;
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế –
Đại học Quốc gia Hà Nội – Help Malaysia.

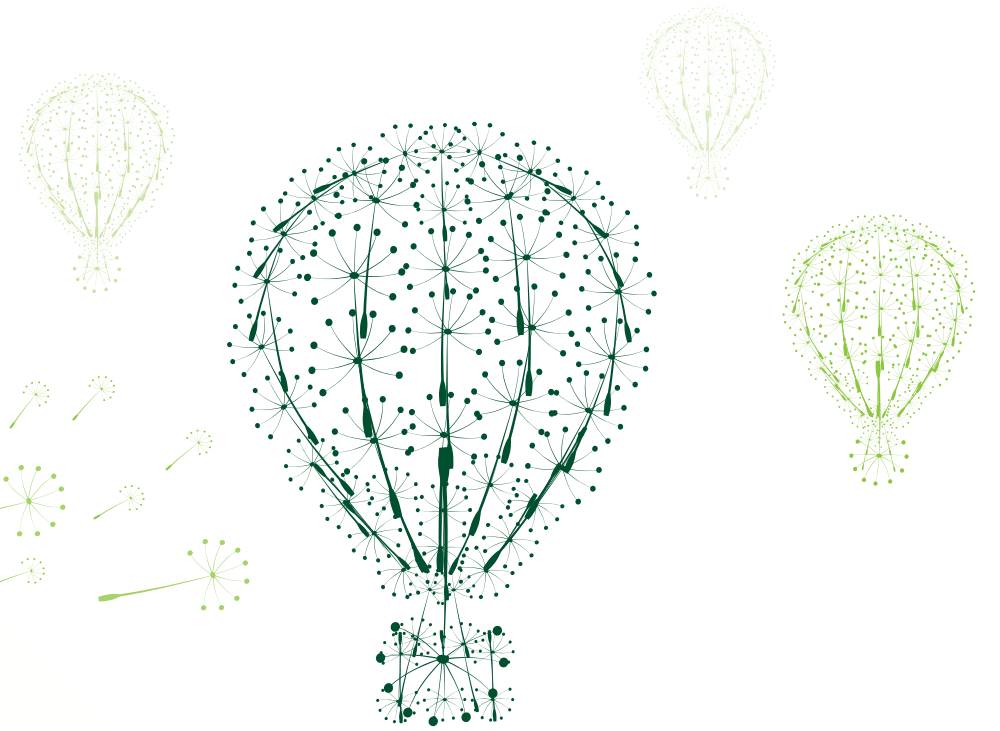


Bà **VŨ THỊ BÍCH VÂN** ▶
Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Học viện Ngân hàng;
Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



LẤY **NĂNG ĐỘNG**
CHINH PHỤC MỌI ĐỈNH CAO



 **Quản trị doanh nghiệp**

↳ Quản trị Công ty ↳ Quản trị rủi ro ↳ Mạng lưới hoạt động

Quản trị CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

Cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của VCB		Ghi chú
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	11.500	0,00043%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT Vietcombank bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2014. Thành viên không điều hành.
2	Phạm Quang Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2.431	0,00009%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014.
3	Nguyễn Danh Lương	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	16.009	0,00060%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.
4	Yutaka Abe	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	0,00000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.
5	Nguyễn Thị Dũng	Ủy viên HĐQT	2.300	0,00009%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Thành viên độc lập.
6	Lê Thị Hoa	Ủy viên HĐQT	4.677	0,00018%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Thành viên không điều hành.
7	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	1.682	0,00006%	Được ĐHĐCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014. Thành viên không điều hành.



HĐQT Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) đã tổ chức họp 64 phiên (13 phiên toàn thể và 51 phiên theo cơ chế thường trực) để định hướng, chỉ đạo hoạt động của VCB trong từng thời kỳ.

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2015, HĐQT Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) đã tổ chức họp 64 phiên (13 phiên toàn thể và 51 phiên theo cơ chế thường trực) để định hướng, chỉ đạo hoạt động của Vietcombank trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác. Ngoài ra HĐQT và Thường trực HĐQT còn xử lý một số nội dung thông qua các hình thức xin ý kiến các thành viên bằng văn bản (70 lần). Chi tiết thống kê các phiên họp của HĐQT và sự tham gia của các thành viên HĐQT như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	64/64	100%	
2	Phạm Quang Dũng	TV HĐQT, TGD	64/64	100%	
3	Nguyễn Danh Lương	TV HĐQT ¹ , Phó TGD	13/13	100%	
4	Yutaka Abe	TV HĐQT ¹ , Phó TGD	13/13	100%	
5	Lê Thị Hoa	TV HĐQT	64/64	100%	
6	Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	64/64	100%	
7	Nguyễn Thị Dũng	Thành viên độc lập HĐQT ²	13/13	100%	

Ghi chú:

¹: Các ông Nguyễn Danh Lương và Yutaka Abe là các TV HĐQT kiêm nhiệm, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể; Ngoài ra, căn cứ tính chất từng vụ việc cụ thể, thành viên HĐQT Nguyễn Danh Lương có thể được mời tham dự các phiên họp thường trực nhưng không thống kê tại bảng nêu trên;

²: Bà Nguyễn Thị Dũng là TV độc lập HĐQT, chỉ tham gia các phiên họp toàn thể;

Quản trị CÔNG TY (tiếp theo)

Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị

Cơ cấu các Ủy ban

Ủy ban Quản lý Rủi ro:

Ủy ban Quản lý Rủi ro tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt các chính sách và định hướng phù hợp trong từng thời kỳ liên quan đến các loại rủi ro (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động...), bao gồm cả việc xác định các tỷ lệ, giới hạn/hạn chế và mức độ chấp nhận rủi ro của Ngân hàng.

Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro gồm có:

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, | Thành viên HĐQT – Trưởng ban; |
| 2. Bà Nguyễn Thị Dũng, | Thành viên độc lập của HĐQT – Thành viên; |
| 3. Bà Đinh Thị Thái, | Phó Tổng Giám đốc – Thành viên; |
| 4. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, | Phó Tổng Giám đốc – Thành viên; |
| 5. Ông Yutaka Abe, | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Thành viên; |
| 6. Ông Đào Hải, | Phó Tổng Giám đốc – Thành viên. |

Trong năm 2015, Ủy ban Quản lý Rủi ro đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ, phối hợp với các phòng ban có liên quan để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế của Vietcombank, tham mưu đề xuất cho HĐQT về các chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, các biện pháp phòng ngừa rủi ro trên nhiều mặt hoạt động. Căn cứ trên đề xuất của Ủy ban, tháng 11/2015 HĐQT đã có quyết định ban hành Chính sách quản lý rủi ro mới thay thế quyết định được ban hành năm 2012. Ủy ban cũng đóng vai trò tích cực trong việc xúc tiến triển khai các sáng kiến nhằm từng bước áp dụng Basel II theo lộ trình đã được phê duyệt. Bên cạnh đó, trong năm, Ủy ban đã thực hiện các chuyến công tác tới các khu vực để trao đổi, nắm bắt tình hình kinh doanh trên địa bàn và việc thực hiện các cơ chế chính sách của chi nhánh.

Ủy ban Nhân sự:

Ủy ban Nhân sự là ủy ban có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của Vietcombank.

Thành viên Ủy ban Nhân sự gồm có:

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Ông Nguyễn Xuân Thành, | Chủ tịch HĐQT – Trưởng ban; |
| 2. Ông Phạm Quang Dũng, | Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc – Thành viên; |
| 3. Bà Lê Thị Hoa, | Ủy viên HĐQT – Thành viên; |
| 4. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, | Ủy viên HĐQT – Thành viên; |
| 5. Ông Hồng Quang, | Trưởng Ban Tổ chức cán bộ – Thành viên. |

Năm 2015, HĐQT Vietcombank đã ban hành đồng bộ các quy chế mới về quản lý cán bộ, trong đó có quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự. Theo đó, phương thức hoạt động của Ủy ban Nhân sự có nhiều điểm đổi mới so với trước đây. Bên cạnh vai trò tham mưu, tư vấn, Ủy ban Nhân sự sẽ đề xuất HĐQT phê duyệt các vấn đề liên quan đến nhân sự của Vietcombank từ năm 2016.

Các thành viên Hội đồng Quản trị đều đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty.



Tại thời điểm 01/01/2015, Ban kiểm soát gồm có 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm.

Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Tại thời điểm 01/01/2015, Ban kiểm soát gồm có 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm, trong năm 2015 cơ cấu BKS không thay đổi so với thời điểm đầu năm. Dưới đây là danh sách cụ thể các thành viên Ban kiểm soát và số lượng cổ phần sở hữu Vietcombank tại thời điểm 31/12/2015:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Trương Lệ Hiền	Trưởng BKS	3.742	0,00014%
2	Vũ Thị Bích Vân	Thành viên BKS	0	0,00000%
3	La Thị Hồng Minh	Thành viên BKS	2.431	0,00009%
4	Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	3.929	0,00015%



Quản trị CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát chỉ đạo hai bộ phận trực thuộc là Giám sát hoạt động và Kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Vietcombank trong quản trị và điều hành, thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, kiểm toán nội bộ và các nhiệm vụ khác nhằm đảm bảo cho Ngân hàng phát triển ổn định, an toàn và hiệu quả.

Ban kiểm soát chủ yếu là các thành viên chuyên trách nên việc triển khai nhiệm vụ giám sát được thực hiện thường xuyên, liên tục trong cả năm. Trên cơ sở phương hướng hoạt động năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, định kỳ Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động và xác định kế hoạch công việc trong kỳ tiếp theo. Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã họp 04 phiên thường kỳ, ngoài ra tham dự các phiên họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị và các phiên họp của thường trực Hội đồng Quản trị, tổ chức các cuộc họp thường xuyên với bộ phận Giám sát hoạt động và Kiểm toán nội bộ.

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm; giám sát thường xuyên việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; giám sát việc thực hiện khuyến nghị

của Ban kiểm soát; lập báo cáo tình hình cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan, cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Vietcombank.

Hoạt động giám sát đã được tiến hành thường xuyên có tính hệ thống từ Hội sở chính đến các Chi nhánh và Công ty trực thuộc, trong đó tập trung giám sát toàn diện công tác quản trị, điều hành của ngân hàng, công tác quản trị rủi ro trong các lĩnh vực hoạt động và các cấp thực thi; giám sát thường xuyên trên các mặt hoạt động trọng yếu của ngân hàng hoặc những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; giám sát và đánh giá việc tuân thủ các quy định về an toàn hoạt động của ngân hàng theo quy định của Luật TCTD.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm toán tại 39 đơn vị và 03 chuyên đề trong toàn hệ thống. Ngoài ra, Ban kiểm soát đã làm đầu mối thực hiện kiểm tra, đánh giá 05 dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở trong hệ thống Vietcombank.



Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm toán tại 39 đơn vị, 03 chuyên đề trong toàn hệ thống và đánh giá 05 dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở trong hệ thống VCB.

Qua công tác giám sát hoạt động và kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát đã kịp thời đưa ra những cảnh báo rủi ro, phát hiện các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động, trong văn bản qui định nội bộ và cơ cấu tổ chức để kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các cấp quản lý của ngân hàng trong việc khắc phục sai sót, chấn chỉnh và bổ sung các quy định, quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa và hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động. Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Trong năm 2015, thực hiện lộ trình của Ngân hàng trong việc triển khai quy định an toàn vốn tối thiểu theo Hiệp ước vốn Basel II, Ban kiểm soát đã đào tạo đội ngũ cán bộ các chuẩn mực quản trị rủi ro, tham gia đánh giá hiện trạng và xây dựng kế hoạch triển khai hướng tới mục tiêu áp dụng yêu cầu của Basel II tại Vietcombank. Trong năm 2016, Ban kiểm soát sẽ tập trung triển khai Dự án nâng cao năng lực kiểm toán nội bộ đáp ứng yêu cầu của Basel II.

Danh sách và nội dung các phiên họp thường kỳ của Ban kiểm soát:

Ngày	Số lượng TV BKS dự họp	Nội dung cuộc họp
12/03/2015	4/4	Tổng kết hoạt động của BKS năm 2014 và định hướng hoạt động năm 2015. Thông qua báo cáo kết quả thẩm định BCTC năm 2014 của NHNT. Thông qua dự thảo báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2015.
22/07/2015	4/4	Sơ kết tình hình hoạt động của BKS 06 tháng đầu năm và định hướng công tác 06 tháng cuối năm 2015. Báo cáo kết quả thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm của NHNT.
20/11/2015	4/4	Sơ kết tình hình hoạt động của BKS 10 tháng đầu năm 2015 và định hướng công tác 02 tháng cuối năm 2015.
30/12/2015	4/4	Thông nhất nội dung thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015 của NHNT.

Thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

Tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ tám của Ngân hàng ngày 24/04/2015, ĐHĐCĐ đã phê duyệt mức thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2015 bằng 0,35% lợi nhuận sau thuế.

Trên thực tế, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát được hưởng lương và các phúc lợi khác theo Quy chế tiền lương và các quy định hiện hành của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tổng mức chi cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát trong năm 2015 không vượt quá mức được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Trong năm 2015 có phát sinh giao dịch bán cổ phiếu của Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Kim Oanh, cụ thể như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	6.096	0,00023%	2.096	0,00008%	Bán

Quan hệ nhà đầu tư

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm 2015 tiếp tục được đẩy mạnh và có nhiều đổi mới. Một mặt Vietcombank thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, mặt khác thường xuyên tiếp xúc, trao đổi thông tin với nhà đầu tư, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới cộng đồng các nhà đầu tư. Hiệu quả hoạt động quan hệ nhà đầu tư đã củng cố niềm tin của nhà đầu tư, gây dựng mối quan hệ hai chiều chặt chẽ, ghi nhận những góp ý hữu ích từ các nhà đầu tư và kết nối các cơ hội hợp tác kinh doanh cho Vietcombank.



Tiếp xúc nhà đầu tư

✿ Tổ chức 60 cuộc tiếp xúc và làm việc tại Vietcombank với hơn 100 nhà đầu tư cá nhân/tổ chức, các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ trong, ngoài nước.

✿ Các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm tìm hiểu về Vietcombank đến từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó nhiều nhất là các quỹ đầu tư nước ngoài tại Việt nam, tiếp sau đó là các nhà đầu tư Mỹ, Nhật Bản, Singapore, Châu Âu.

Qua tiếp xúc, các nhà đầu tư đã được cập nhật kịp thời về những diễn biến kinh tế vĩ mô và ngành ngân hàng, về tình hình hoạt động cũng như triển vọng phát triển của Vietcombank. Kết quả hoạt động kinh doanh tốt cùng hiệu quả công tác quan hệ nhà đầu tư là lý do chính giúp cổ phiếu Vietcombank luôn được giao dịch ở mức giá cao nhất so với các cổ phiếu cùng ngành và được các nhà đầu tư nước ngoài liên tục duy trì trạng thái mua ròng.

Tham dự các Hội nghị đầu tư quốc tế

Là công ty đại chúng lớn, có tầm ảnh hưởng, đồng thời với đội ngũ IR được đánh giá cao, hàng năm Vietcombank được mời tham gia nhiều sự kiện đầu tư trong và ngoài nước. Năm 2015, Vietcombank đã lựa chọn tham gia một số sự kiện tiêu biểu sau:

✿ Chuỗi hội nghị Đầu tư quốc tế của Daiwa tổ chức tại các trung tâm tài chính lớn của thế giới: (i) tại Mỹ từ ngày 26-29/05/2015, và (ii) tại Hong Kong từ ngày 10-13/11/2015. Đây là sự kiện thường niên, có quy mô lớn và thu hút sự tham dự của 380 công ty niêm yết và 900 nhà đầu tư. Vietcombank đã nhiều năm được Daiwa tin nhiệm trực tiếp mời tham gia. Trong khuôn khổ các sự kiện của năm 2015, Vietcombank đã có các cuộc gặp với 42 nhà đầu tư. Daiwa cũng đã gửi tài liệu giới thiệu về Vietcombank tới tất cả các công ty niêm yết và nhà đầu tư tham dự sự kiện này.



Tổ chức 60 cuộc tiếp xúc và làm việc tại VCB với hơn 100 nhà đầu tư cá nhân/tổ chức, các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ trong, ngoài nước.

✿ Chương trình đối thoại gặp gỡ nhà đầu tư do HOSE tổ chức: trong khuôn khổ các hoạt động kỷ niệm 15 năm ngày thành lập HOSE và 15 năm ngày thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức đi vào hoạt động, HOSE đã tổ chức buổi đối thoại trực tiếp giữa nhà đầu tư và một số công ty niêm yết lớn trong bộ chỉ số VN30 Index, trong đó có Vietcombank. Đại diện Vietcombank đã có buổi gặp gỡ với trên 200 nhà đầu tư từ hơn 40 công ty chứng khoán, quỹ đầu tư trong và ngoài nước vào ngày 17/07/2015 tại trụ sở của HOSE.



✿ Hội thảo về thị trường chứng khoán Việt Nam tại Thái Lan vào ngày 27/07/2015. Hội thảo được tổ chức bởi Finansia Syrus Securities Plc - một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu tại Thái Lan - để giới thiệu về thị trường chứng khoán Việt Nam cho nhà đầu tư tại Thái Lan. Vietcombank hân hạnh là một trong 03 công ty của Việt Nam được mời tham dự.

✿ Hội thảo Ngày Việt Nam tại Singapore từ ngày 20-21/08/2015. Đây là chương trình thường niên do Daiwa và HOSE phối hợp tổ chức. Theo đó đơn vị tổ chức chọn lọc 6-8 công ty niêm yết hàng đầu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM tham gia gặp gỡ với nhà đầu tư tại Singapore. Là một công ty niêm yết hàng đầu tại HOSE, Vietcombank luôn được chọn vào rổ VN30. Vietcombank đã được HOSE mời tham gia sự kiện này từ năm 2009 đến nay...

✿ Chương trình gặp gỡ Nhà đầu tư tại London từ 05-09/10/2015. Đây là chương trình do Công ty Chứng khoán Bản Việt tổ chức với mục đích

giới thiệu các công ty niêm yết lớn của Việt Nam cho các Quỹ đầu tư tài chính hàng đầu tại thị trường Châu Âu. Đây là lần đầu tiên Vietcombank tham dự chương trình, tuy nhiên chất lượng các cuộc gặp gỡ của Vietcombank với các nhà đầu tư đã được đánh giá cao.



Chuyên mục Nhà đầu tư trên website Vietcombank được hoàn thiện cả 2 nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, cập nhật thông tin liên tục và chính xác. Từ năm 2016, tài liệu thuyết trình cập nhật hoạt động của Vietcombank tiếng Việt và tiếng Anh đã được đăng tải trên website, giúp các cổ đông và nhà đầu tư có điều kiện tiếp cận thông tin dễ dàng và đầy đủ về Vietcombank.



Quản trị RỦI RO



Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, Vietcombank đã thực hiện quản trị rủi ro một cách toàn diện, khoa học và có hệ thống nhằm nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất có thể phát sinh.

Rủi ro tín dụng

Vietcombank đã áp dụng một hệ thống quản trị rủi ro tín dụng tập trung, được phân lập rõ ràng theo quy trình, chức năng giữa kinh doanh, quản lý rủi ro và tác nghiệp. Sự tách biệt giữa 3 chức năng nhằm giảm thiểu rủi ro đồng thời phát huy được tối đa kỹ năng chuyên môn của từng vị trí cán bộ làm công tác tín dụng.

Công tác quản trị rủi ro theo nhóm khách hàng, ngành hàng, kết hợp với nâng cao chất lượng công tác thẩm định để ngăn chặn rủi ro tín dụng ngay từ bước thẩm định, giải ngân, đồng thời tăng cường và thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay được hết sức chú trọng. Bên cạnh đó, công tác giám sát từ xa cũng được tăng cường tại tất cả các chi nhánh, công ty trực thuộc, đưa ra các cảnh báo sớm nhằm ngăn chặn rủi ro đồng thời tiến hành hậu kiểm đối với một số chương trình tín dụng nhằm phát hiện các giao dịch không tuân thủ điều kiện, quy trình.



Trong năm 2015, Vietcombank tiếp tục nâng hoàn thiện mô hình hoạt động tín dụng tập trung theo hướng phê duyệt tín dụng và xếp hạng tín dụng tập trung tại Hội sở chính; nâng cao chất lượng báo cáo ngành kinh tế; cập nhật thông tin khách hàng định kỳ và khi có biến động; tăng cường công tác đào tạo/hội thảo về thẩm định tín dụng và công tác khách hàng cho cán bộ.

Rủi ro thanh khoản

Công tác quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank luôn tuân thủ các nguyên tắc sau:

- ✳️ Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng;
- ✳️ Hướng tới đáp ứng các chuẩn mực về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng theo tiêu chuẩn Basel II;
- ✳️ Luôn theo dõi, phân tích tài sản và công nợ theo kỳ đáo hạn thực tế;



- ✳️ Tuân thủ các giới hạn rủi ro thanh khoản theo quy định của Vietcombank;

Định kỳ thực hiện thử nghiệm căng thẳng thanh khoản trên cơ sở thống kê và dự báo luồng tiền theo các kịch bản để có kế hoạch dự phòng thanh khoản trong điều kiện môi trường kinh doanh bình thường hoặc khi có các biến cố xảy ra gây ảnh hưởng tới thanh khoản của Vietcombank.

Rủi ro thị trường

Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO) và Ủy ban Quản lý rủi ro hoạt động thường xuyên và hiệu quả, nâng cao chất lượng quản trị rủi ro thị trường của ngân hàng.

- ✳️ Vietcombank đã chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu thị trường, duy trì hợp lý chênh lệch kỳ hạn tái định giá bình quân giữa tài sản có và tài sản nợ, sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để hạn chế rủi ro lãi suất.
- ✳️ Để quản trị rủi ro về ngoại hối, Vietcombank thiết lập hệ thống

chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại tệ của toàn hệ thống và các giải pháp hạn chế các tác động của biến động tỷ giá đến hoạt động ngân hàng.

- ✳️ Năm 2015, Vietcombank đã chính thức bước đầu triển khai áp dụng khung quản lý rủi ro thị trường theo yêu cầu của Basel II, triển khai một số mô hình về quản trị rủi ro thị trường như: mô hình đo lường rủi ro thị trường giao dịch, mô hình đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng... và áp dụng một số hạn mức rủi ro thị trường theo thông lệ quốc tế.

Rủi ro hoạt động

Để ngăn ngừa và hạn chế rủi ro hoạt động, hệ thống kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ của Vietcombank thường xuyên đánh giá tính tuân thủ, tính đầy đủ, phù hợp của quy trình, quy chế, của các hoạt động nghiệp vụ cũng như cảnh báo rủi ro của các bộ phận tác nghiệp. Các tiêu chuẩn và phương thức quản trị rủi ro hoạt động tiên tiến trên thế giới liên tục được cập nhật, học hỏi và từng

bước áp dụng. Nhận thức được tầm quan trọng của quản lý rủi ro đạo đức trong ngân hàng, Vietcombank không ngừng tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, đạo đức, đồng thời thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn định kỳ giúp cán bộ hiểu rõ tầm quan trọng của các giá trị đạo đức nghề nghiệp. Trong năm 2015, Vietcombank đã ban hành Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ Vietcombank và chuẩn bị triển khai dự án "Xây dựng và Triển khai Khung quản lý rủi ro gian lận" trên toàn hệ thống Vietcombank.

Năm 2015, Vietcombank đã chính thức triển khai áp dụng các tiêu chuẩn Basel II trong quản trị rủi ro tại ngân hàng. Mô hình quản trị, các văn bản chính sách, quy trình, quy chế, quy định liên quan tới quản lý rủi ro hoạt động theo tiêu chuẩn Basel II đã từng bước được xây dựng và triển khai. Công tác đào tạo cơ bản và nâng cao về rủi ro hoạt động và các phương pháp quản lý rủi ro hoạt động được thực hiện thường xuyên và liên tục cải tiến về chất lượng, góp phần nâng cao nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro tại Vietcombank.

LẤY **TRÁCH NHIỆM**
XÂY BẢN SẮC **NHÂN VĂN**



☼ **Cộng đồng và Xã hội**

☼ Hoạt động an sinh xã hội



Hoạt động an sinh xã hội Vietcombank 2015



944

tỷ đồng
số tiền cho công tác an sinh xã hội
trong giai đoạn 2011-2015



Năm 2015, Vietcombank đã dành hơn 225 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2011-2015, số tiền cho hoạt động này là trên 944 tỷ đồng.

Năm 2015 khép lại với nhiều dấu mốc quan trọng và những khởi sắc đáng kể về kinh tế, tài chính, trong đó tái cơ cấu ngân hàng được đánh giá có nhiều thành công đáng ghi nhận. Hoạt động của Vietcombank năm 2015 cũng đã ghi những dấu ấn nổi bật, tạo nên tảng vững chắc cho một giai đoạn phát triển mới 2016 - 2020 với mục tiêu phấn đấu trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 300 Tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

Cùng với hoạt động kinh doanh đạt được nhiều thành tựu mang tính đột phá, mở ra những vận hội mới, mục tiêu xuyên suốt trong hoạt động của Vietcombank là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng

đồng không ngừng được ngân hàng quan tâm, thực hiện với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được Vietcombank triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ Trụ sở chính đến các chi nhánh trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước.

Năm 2015, Vietcombank đã dành hơn 225 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2011-2015, số tiền cho hoạt động này là trên 944 tỷ đồng.

Hoạt động an sinh xã hội (tiếp theo)

Các chương trình liên quan đến an ninh, chủ quyền quốc gia và chương trình chủ đạo trong mục tiêu phát của đất nước

- ✿ Tham gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh với việc tích cực ủng hộ cho chương trình "Thông điệp Xanh từ lòng đất" - chương trình hành động quốc gia của Ban chỉ đạo Nhà nước.
- ✿ Tặng hệ thống loa tuyên truyền đặc biệt cho lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, góp phần tăng cường sức mạnh cho lực lượng cảnh sát biển trong nhiệm vụ giữ gìn an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia.
- ✿ Tài trợ dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra đảo Cô Tô.
- ✿ Phát động cuộc vận động "Vì Trường Sa thân yêu".
- ✿ Quyên góp ủng hộ chương trình "Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Trường Sa, Hoàng Sa", chương trình "Góp đá xây Trường Sa".
- ✿ Tặng xuồng Hải quân CQ-01 cho cán bộ chiến sĩ Trường Sa.
- ✿ Tham gia chương trình "Nghĩa tình Trường Sơn".
- ✿ Đồng hành cùng chương trình "Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam" từ năm 2008 đến nay.
- ✿ Phối hợp với Ban Chỉ đạo Tây Nguyên triển khai dự án tặng bò cho đồng bào Tây Nguyên và các huyện miền núi giáp Tây Nguyên, giúp đồng bào có cơ hội thoát nghèo.



BẢNG SỐ LIỆU AN SINH XÃ HỘI

Tổng số liệu an sinh xã hội

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm	
		2015	2011 - 2015
1	Tổng số tiền tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank	225.148	944.118

Khu vực

ĐVT: triệu đồng

STT	Khu vực	Giá trị thực hiện năm 2015
1	Khu vực Tây Bắc	41.894
2	Khu vực Tây Nguyên	1.843
3	Khu vực Tây Nam Bộ	68.440
4	Các tỉnh/thành phố khác	112.971

Các lĩnh vực

ĐVT: triệu đồng

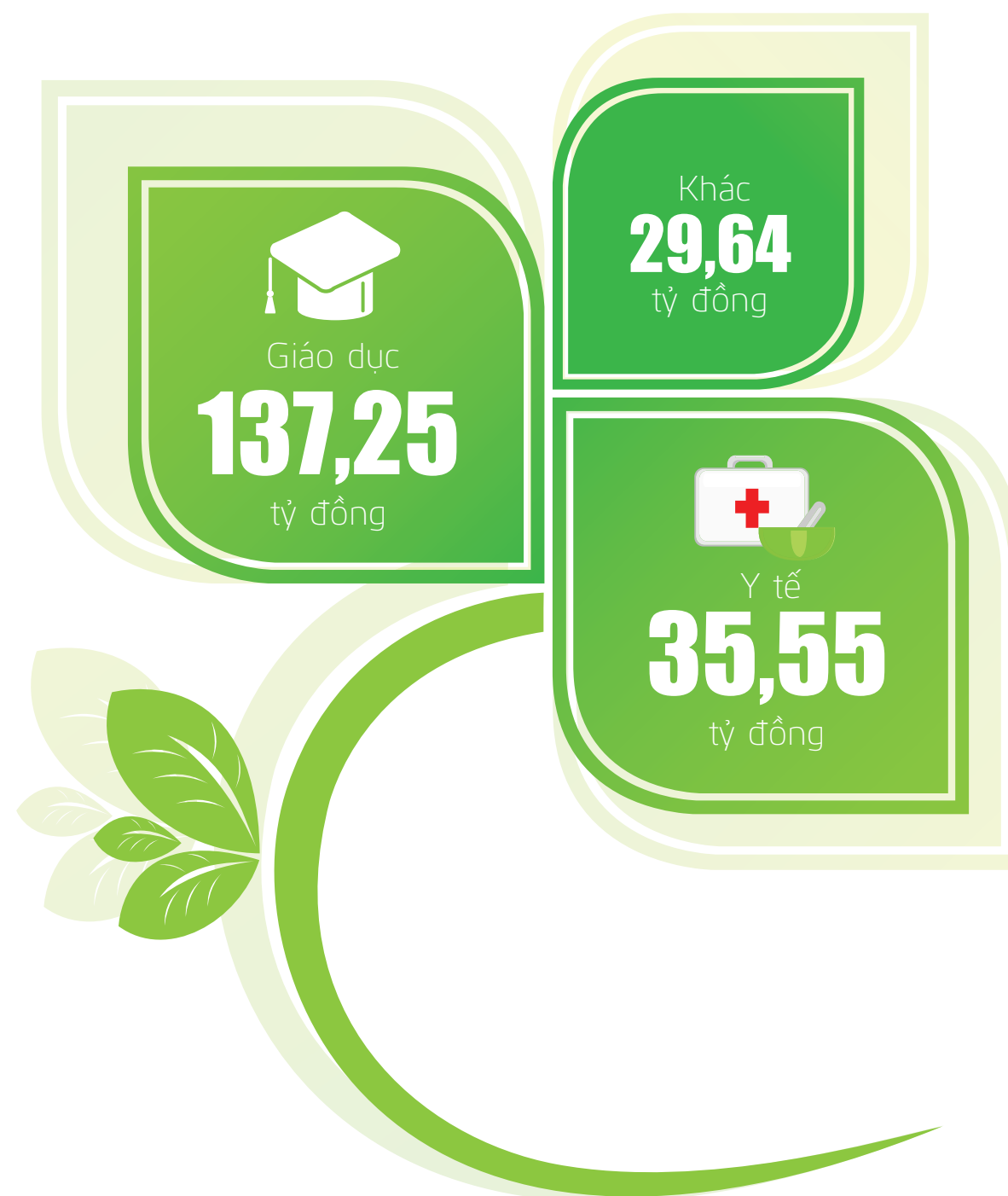
STT	Nội dung chương trình ASXH	Giá trị thực hiện năm 2015
1	Giáo dục	137.252
2	Y tế	35.550
3	Xây dựng nhà tình nghĩa	20.701
4	Khắc phục hậu quả thiên tai	2.000
5	Lĩnh vực khác	29.645

Hoạt động an sinh xã hội (tiếp theo)

Một số chương trình/công trình an sinh xã hội tiêu biểu Vietcombank đã triển khai trong năm 2015:

ĐVT: triệu đồng

Nội dung chương trình ASXH	Giá trị thực hiện
Tài trợ 1.000 con bò cho hộ nghèo các huyện miền núi giáp Tây Nguyên	15 tỷ đồng
Tài trợ xây dựng trường THPT Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	15 tỷ đồng
Xây dựng trường mẫu giáo Hòa Mi, thị trấn Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	20 tỷ đồng
Xây dựng Trường tiểu học Ninh Giang, Xã Ninh Giang huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	15 tỷ đồng
Xây dựng bệnh viện Đa khoa Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	12,5 tỷ đồng
Xây dựng trường THCS Hùng Vương, TX Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	25 tỷ đồng
Tài trợ cho trẻ em (thông qua Quỹ Bảo trợ Trẻ em Công đoàn Việt Nam thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)	3,5 tỷ đồng
Tài trợ xây dựng trường tiểu học Lũng Lưu, tỉnh Cao Bằng	4,6 tỷ đồng
Tài trợ xây dựng Trường tiểu học Ninh Giang tại xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	15 tỷ đồng
Ủng hộ đồng bào và công nhân ngành than Quảng Ninh khắc phục hậu quả mưa lũ	2 tỷ đồng
Sửa chữa 100 căn nhà cho các gia đình có công với cách mạng tại Đà Nẵng	2 tỷ đồng
Xây dựng trường mầm non xã Đức Hợp, huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	8 tỷ đồng
Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết cho tỉnh Bến Tre	4 tỷ đồng
Xây dựng trường Tiểu học Vĩnh Thuận, thị trấn Phước Dân, tỉnh Ninh Thuận	10 tỷ đồng



Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.

Hoạt động an sinh xã hội (tiếp theo)



Các chương trình phát triển vùng như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; phát triển các lĩnh vực y tế; giáo dục; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa; hỗ trợ Quỹ phòng chống thiên tai miền Trung và nhiều lĩnh vực khác như: chăm lo cho các gia đình chính sách; hỗ trợ người nghèo, người tàn tật, trẻ em nghèo và người già có hoàn cảnh đặc biệt cùng nhiều chương trình tri ân có ý nghĩa...

Lĩnh vực Giáo dục

Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn luôn đi đầu trong việc tài trợ trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạng mục xây dựng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng tin học hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao... tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường còn nhiều khó khăn, góp phần không nhỏ trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường cũng được Vietcombank hết sức quan tâm thông qua việc tặng hơn 10 nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng nhiều xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học...

Hàng năm, Vietcombank cũng dành tặng hàng chục tỷ đồng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc. Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn được góp phần thấp lên niềm tin cho những em nhỏ có điều kiện chưa may mắn, thấp lửa cho những đam mê và truyền thống hiếu học của thế hệ trẻ Việt Nam.



Hoạt động an sinh xã hội (tiếp theo)

Đối với lĩnh vực Y tế

Không chỉ tài trợ xây dựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệnh. Vietcombank còn luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Những phong trào ủng hộ xuất ăn cho bệnh nhân cũng được các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương.

Bên cạnh những chương trình quy mô lớn do Vietcombank phối hợp với các địa phương và các cơ quan thực hiện, từng cá nhân cán bộ Vietcombank cũng luôn ý thức và hàng ngày vẫn có những đóng góp cho nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa để cùng chung tay góp sức xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tươi đẹp.



Luôn xác định an toàn, hiệu quả trong kinh doanh là mục tiêu hàng đầu, Vietcombank cũng luôn đề cao tính “Nhân văn” bởi đó là giá trị cốt lõi của văn hóa Vietcombank, quan tâm và dành một nguồn lực không nhỏ cho công tác an sinh xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng được Vietcombank đề ra hàng năm. Bởi vậy nếu trong kinh doanh, Vietcombank luôn coi chữ “Tín” là kim chỉ nam thì với hoạt động xã hội, Vietcombank luôn lấy chữ “Tâm” làm gốc, luôn nỗ lực để đem lại những giá trị thiết thực, lâu dài trong các lĩnh vực phát triển, chăm sóc cộng đồng nhằm góp phần nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo. Đó chính là thông điệp và cũng là cam kết “Chung niềm tin vững tương lai” mà Vietcombank muốn gửi gắm tới tất cả khách hàng cùng mọi người dân Việt.



LẤY **TĂNG TRƯỞNG**
LÀM MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN



☉ Báo cáo tài chính hợp nhất

- ↳ Thông tin về Ngân hàng
- ↳ Báo cáo của Ban Điều hành
- ↳ Báo cáo Kiểm toán độc lập
- ↳ Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- ↳ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- ↳ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- ↳ Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

Thông tin về Ngân hàng	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 12
	13 - 83

Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Số 138/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung Giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Ngân hàng số 138/GP-NHNN.

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 cấp đổi lần 11 ngày 7 tháng 11 năm 2014.

Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Yutaka Abe	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014

Ban Điều hành trong năm tài chính và cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Phạm Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Đào Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 6 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Lương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 2 tháng 10 năm 2014
Ông Đào Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 8 năm 2015
Ông Phạm Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 8 năm 2015
Ông Yukata Abe	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2012
Bà Trương Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2012
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2015

Ban Kiểm soát trong năm tài chính và cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Bà Trương Lệ Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Vũ Thị Bích Vân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013



THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (Tiếp theo)

Kế toán Trưởng

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến
Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2011

Đại diện theo pháp luật

Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Nghiêm Xuân Thành
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính (Theo Giấy ủy quyền số 528/UQ-VCB- TH&CDKT ngày 01/11/2014)

Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Nguyễn Danh Lương
Chức danh: Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của Ban Điều hành Ngân hàng

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:

Ông Nguyễn Danh Lương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 11 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61039047/17820108-HN

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con được lập Ngày 11 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 83, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ông **Nguyễn Xuân Đại**
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Bà **Đặng Phương Hà**
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	8.519.334	8.323.385
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	19.715.035	13.267.101
III Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	131.527.373	146.076.521
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		92.587.537	88.909.474
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		38.939.836	57.189.924
3 Dự phòng rủi ro		-	(22.877)
IV Chứng khoán kinh doanh	7	9.467.305	10.122.143
1 Chứng khoán kinh doanh		9.468.255	10.126.592
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(950)	(4.449)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	18	628	-
VI Cho vay khách hàng		378.541.826	316.253.747
1 Cho vay khách hàng	8	387.151.704	323.338.118
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(8.609.878)	(7.084.371)
VIII Chứng khoán đầu tư		108.055.236	67.124.323
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10(a)	42.941.175	49.197.775
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10(b)	65.818.278	18.200.985
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(704.217)	(274.437)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn		3.556.750	3.546.171
1 Vốn góp liên doanh	11(a)	753.772	693.144
2 Đầu tư vào công ty liên kết	11(b)	9.349	9.773
3 Đầu tư dài hạn khác	11(c)	2.829.418	2.869.095
4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11(c)	(35.789)	(25.841)
X Tài sản cố định		5.039.473	4.464.529
1 Tài sản cố định hữu hình	12	3.385.622	2.829.004
a Nguyên giá tài sản cố định		7.661.735	6.554.667
b Hao mòn tài sản cố định		(4.276.113)	(3.725.663)
2 Tài sản cố định vô hình	13	1.653.851	1.635.525
a Nguyên giá tài sản cố định		2.211.799	2.138.297
b Hao mòn tài sản cố định		(557.948)	(502.772)
XII Tài sản Có khác		9.971.680	7.817.731
1 Các khoản phải thu	14(a)	3.532.456	2.588.216
2 Các khoản lãi, phí phải thu	14(b)	4.842.275	3.659.679
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.943	2.234
4 Tài sản Có khác	14(c)	1.596.073	1.567.602
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(1.067)	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ		674.394.640	576.995.651

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	15	41.479.553	54.093.072
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	72.135.381	43.237.798
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		51.743.682	33.697.181
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		20.391.699	9.540.617
III Tiền gửi của khách hàng	17	500.528.267	422.203.780
IV Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	18	-	75.278
VI Phát hành giấy tờ có giá	19	2.479.070	2.208.641
VII Các khoản nợ khác		12.600.027	11.704.319
1 Các khoản lãi, phí phải trả	20(a)	4.988.305	4.797.481
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		19.444	17.723
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	20(b)	7.592.278	6.889.115
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		629.222.298	533.522.888
VIII Vốn chủ sở hữu			
1 Vốn của tổ chức tín dụng		32.420.681	32.420.681
a Vốn điều lệ		26.650.203	26.650.203
b Thặng dư vốn cổ phần		5.725.318	5.725.318
c Vốn khác		45.160	45.160
2 Quỹ của tổ chức tín dụng		4.941.362	4.151.991
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		79.969	67.236
4 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		89.222	83.405
5 Lợi nhuận chưa phân phối		7.475.808	6.601.598
a Lợi nhuận để lại năm trước		3.921.494	3.509.025
b Lợi nhuận để lại năm nay		3.554.314	3.092.573
6 Lợi ích của cổ đông thiểu số		165.300	147.852
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	21(a)	45.172.342	43.472.763
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		674.394.640	576.995.651

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B02/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
STT CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Bảo lãnh vay vốn	74.143	150.024
2	Cam kết giao dịch hối đoái	19.757.401	11.078.553
<i>a</i>	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	<i>8.852.550</i>	<i>3.179.688</i>
<i>b</i>	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	<i>10.904.851</i>	<i>7.898.865</i>
3	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	27.283.715	32.442.694
4	Bảo lãnh khác	30.826.079	21.020.044
5	Các cam kết khác	26.797	567.188
	36	77.968.135	65.258.503

Hà Nội, Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Ông Nguyễn Danh Lương



Phó Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN ngày 31
tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	31.360.729	28.222.389
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(15.907.697)	(16.213.598)
I	Thu nhập lãi thuần	15.453.032	12.008.791
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.557.304	2.912.389
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.684.656)	(1.395.518)
II	Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	1.872.648	1.516.871
III	Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.572.574	1.345.079
IV	Lãi/ (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	178.362	199.124
V	Lãi/ (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	171.467	219.751
5	Thu nhập từ hoạt động khác	2.140.550	1.939.628
6	Chi phí hoạt động khác	(235.271)	(154.985)
VI	Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động khác	1.905.279	1.784.643
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	48.435	210.979
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	21.201.797	17.304.169
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(8.306.249)	(6.849.726)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	12.895.548	10.435.512
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.068.091)	(4.591.445)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	6.827.457	5.844.067

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN ngày 31
tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	(1.495.100)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(290)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.495.390)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		5.332.067
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số		(18.139)
XVI	Lợi nhuận thuần trong kỳ		5.313.928
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	21(c)	1.626
			4.585.710
			(19.196)
			4.566.514

Hà Nội, Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Danh Lương



Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN ngày 31
tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	30.098.366	28.155.859
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(15.705.220)	(15.821.810)
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.872.648	1.515.728
4	Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	2.121.067	1.891.363
5	Thu nhập khác	67.753	354.603
6	Tiền thu từ các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	1.834.236	1.419.966
7	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(7.138.869)	(6.236.857)
8	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	34	(1.160.768)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động (Tăng)/Giảm về tài sản hoạt động	11.486.376	10.118.084
9	Các khoản tiền, vàng gửi và cho vay tổ chức tín dụng khác	5.898.690	(10.225.572)
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán	(49.255.547)	(9.705.295)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(628)	136.725
12	Các khoản cho vay khách hàng	(63.813.586)	(49.017.828)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay	(4.031.616)	(4.397.547)
14	Tài sản hoạt động khác	(1.073.098)	(1.241.129)
	Tăng/(Giảm) về công nợ hoạt động		
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(12.613.519)	21.470.661
16	Các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	28.897.583	(806.491)
17	Các khoản tiền gửi của khách hàng	78.324.486	89.958.181
18	Các khoản phát hành giấy tờ có giá	270.429	195.044
20	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(75.278)	75.278
21	Công nợ hoạt động khác	(254.738)	(4.032.611)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(497.726)	(522.245)
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(6.738.172)	42.005.255

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN ngày 31
tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Mua sắm tài sản cố định	(1.194.037)	(987.172)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.254	5.900
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(2.059)	(2.511)
7	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(108.464)	(517.102)
8	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	12.100	9.565
9	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	86.693	160.541
10	Tiền thu cổ tức đã có quyết định trả cổ tức năm trước	3.562	-
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(1.196.951)	(1.330.779)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Chi phí phát hành cổ phiếu thường năm 2014	-	(47)
2	Cổ tức năm trước đã trả bằng tiền mặt	(2.665.020)	(2.801.395)
III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.665.020)	(2.801.442)
IV Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.600.143)	37.873.034
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	33	175.012.996
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	33	164.412.853

Hà Nội, Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Ông Nguyễn Danh Lương

Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN ngày 31
tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất này.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 cấp đổi lần 11 ngày 7 tháng 11 năm 2014.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt động của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, kinh doanh ngoại tệ và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật.

(b) Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0100112437 cấp đổi lần 11 ngày 7 tháng 11 năm 2014, vốn điều lệ của Ngân hàng là 26.650.203.340.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Số cổ phần của Nhà nước	2.055.076.583	77,10%	2.055.076.583	77,10%
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	399.754.446	15,00%	399.754.446	15,00%
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	210.189.305	7,90%	210.189.305	7,90%
	2.665.020.334	100%	2.665.020.334	100%

(c) Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, một (1) Trung tâm Đào tạo và chín mươi lăm (95) chi nhánh trên toàn quốc, ba (3) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore.

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là "Vietcombank".



1. Đơn vị báo cáo (tiếp theo)

(d) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của Ngân hàng
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 05/GP-CTCTTC ngày 25 tháng 5 năm 1998 của NHNN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 sửa đổi lần cuối theo giấy phép số 25/GPDC-UBCK ngày 11/06/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Chứng khoán	100%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và số 1578/GPDC1 ngày 18/04/2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70%
Công ty TNHH Tài chính Việt Nam	Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 07/03/1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 03/11/1992 và Bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19/09/1995.	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền kiểu hối	87,5%

1. Đơn vị báo cáo (tiếp theo)

(d) Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của Ngân hàng
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Số 2458/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 07/02/2005 và hai giấy phép điều chỉnh số 2458/GCND1/41/1 ngày 26/10/2011 và số 2458/GCND2/41/1 ngày 28/12/2012.	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 02/12/2005; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 06/08/2015.	Quản lý quỹ đầu tư	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Số 55/GP do Bộ Tài chính cấp ngày 23/10/2008.	Bảo hiểm nhân thọ	45%
<i>Công ty liên kết</i>			
Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của Ngân hàng
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday	Số 283/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 05/12/1991; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC3 ngày 02/10/2000.	Cho thuê văn phòng	16%

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Vietcombank có 14.755 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 14.099 nhân viên).



2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("Triệu VND"), được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng ("TCTD") Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng cũng lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(b) Các thay đổi về chính sách kế toán và thuyết minh báo cáo tài chính

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán và thuyết minh liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Phân loại nợ theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ("Thông tư 09")

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc Ngân hàng Nhà nước ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp. Trong vòng 23 ngày, kể từ ngày cuối cùng của quý trước, TCTD phải cập nhật kết quả phân loại nợ từ CIC để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương ứng. Do vậy, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng đã thực hiện cập nhật kết quả phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2015 theo thông tin từ CIC.

Đồng thời, Khoản 3a Điều 10 của Thông tư 02 chính thức hết hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Theo đó, Ngân hàng không được thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Khoản 3a, Điều 10.

Thông tư số 49/2014/TT-NHNN - Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ("Thông tư 49").

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 49, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015. So với các quy định trước đây, Thông tư 49 có sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

(b) Các thay đổi về chính sách kế toán và thuyết minh báo cáo tài chính

- » Công ty con/công ty liên kết: công ty con, công ty liên kết của TCTD được xác định theo Luật các TCTD;
- » Thay thế các mẫu biểu báo cáo tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN bằng các mẫu biểu mới tương ứng ban hành kèm theo Thông tư 49.

Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202")

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ngân hàng áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200").

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("QĐ 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("Thông tư 14").

Theo quy định của Thông tư 14, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành, tổ chức tín dụng bán nợ phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt theo công thức quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Thông tư. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(c) Năm tài chính

Năm tài chính của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Vietcombank, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Định kỳ, chênh lệch tỷ giá hoạt động kinh doanh ngoại tệ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào thời điểm lập báo cáo tài chính.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VND, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

(i) Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

(ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh (tiếp theo)

Vietcombank áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Vietcombank hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh sau ngày hợp nhất và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Vietcombank trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Vietcombank không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Vietcombank có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Vietcombank áp dụng.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, tiền gửi tại các TCTD khác đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

(g) Cho vay khách hàng

(i) Dự nợ cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được tính bằng tỷ lệ trích lập dự phòng theo nhóm nợ nhân với dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm:

Tỷ lệ dự phòng

Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Vietcombank đã được NHNN chấp thuận thực hiện phân loại nợ theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Tuy nhiên, theo Thông tư 02, Vietcombank phải thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và khoản 1 Điều 11, Thông tư 02 trong thời gian 3 năm kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và khoản 1 Điều 11, Thông tư 02 khác nhau, khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(g) Cho vay khách hàng (tiếp theo)

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Vietcombank trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11.

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Vietcombank sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

(v) Bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

Vietcombank thực hiện bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về "Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 19/2013/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2013 quy định về việc "Mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc "Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD", Nghị định số 34/2015/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 5 tháng 4 năm 2015 về việc "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP" và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2015 về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý Tài sản của các TCTD Việt Nam. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập.

Đối với trường hợp bán nợ cho VAMC và nhận trái phiếu VAMC, sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Vietcombank tiến hành hạch toán tất toán gốc, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Vietcombank sử dụng nguồn dự phòng rủi ro đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng giảm giá đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Thu nhập khác".

(h) Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng, cho mục đích quản lý (xem Thuyết minh số 2(g)).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(i) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán, và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ sau khi phân bổ và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Ngoài ra, theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết cũng phải được phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh số 2(g).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(i) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(ii) Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Vietcombank. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- » Số tiền dự phòng rủi ro đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
 - . VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho TCTD bán nợ theo giá trị thị trường hoặc giá thỏa thuận;
 - . VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp.
- » Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

Theo Thông tư 14/2015/TT-NHNN, trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Vietcombank tính toán và trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo thời hạn của trái phiếu, số tiền đã thu hồi được từ khoản nợ đã bán và mệnh giá trái phiếu.

Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng".

(iii) Góp vốn, đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ và giá thị trường.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(i) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(iii) Góp vốn, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế ("TCKT") mà Vietcombank đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại TCKT và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Vietcombank so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại TCKT. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

(j) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

(k) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản.

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- » Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- » Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- » Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(k) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

. Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
. Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
. Phương tiện vận tải	6 năm
. Tài sản cố định khác	4 năm

(l) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- . Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- . Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- . Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;
- . Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất;
- . Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(l) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

(ii) Các tài sản vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản vô hình khác được khấu hao trong vòng 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

(m) Tiền gửi của khách hàng và chứng chỉ tiền gửi

Tiền gửi của khách hàng và chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo nguyên giá.

(n) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(o) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến năm 2008 và mức lương bình quân trong vòng 6 tháng trước thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012, Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam thực hiện chi trợ cấp thôi việc từ chi phí hoạt động trong kỳ.

(p) Vốn và các quỹ

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi Vietcombank mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.



2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(p) Vốn và các quỹ (tiếp theo)

(iv) Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- . Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ.
- . Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 25% vốn điều lệ.
- . Các quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Tỷ lệ trích lập các quỹ này do Đại hội đồng Cổ đông quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận để lại của Vietcombank.

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank trích lập các quỹ dự trữ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014.

(q) Doanh thu và chi phí

(i) Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 (như được định nghĩa tại Thuyết minh số 2(g)). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

(ii) Thu nhập phí, hoa hồng và thu nhập cổ tức

Các khoản thu nhập phí và hoa hồng được hạch toán theo phương pháp dự thu, dự chi. Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác định.

(iii) Ghi nhận cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(q) Doanh thu và chi phí (tiếp theo)

(iv) Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9 tháng 1 năm 2013, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập hoạt động.

(r) Thuê tài sản

(i) Đi thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(ii) Cho thuê

Vietcombank ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản cho vay khách hàng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản dư nợ gốc cho vay khách hàng và thu nhập từ các khoản mục này được ghi nhận là các khoản "thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự". Vietcombank phân bổ thu nhập từ cho thuê tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê cố định và số dư thuần cho thuê tài chính.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(t) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Vietcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- . Công ty mẹ
- . Công ty con của của Vietcombank;
- . Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng TCTD mẹ của ngân hàng;
- . Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc của TCTD mẹ của ngân hàng;
- . Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc TCTD mẹ của ngân hàng;
- . Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng;
- . Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng.
- . Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ngân hàng;
- . Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại ngân hàng;
- . Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho ngân hàng.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Vietcombank. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên có liên quan của Vietcombank.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Vietcombank được lập theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Vietcombank được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

(v) Các khoản mục ngoại bảng

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi lập báo cáo tài chính (xem Thuyết minh 2(d)).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(v) Các khoản mục ngoại bảng (tiếp theo)

(i) Các hợp đồng ngoại hối (tiếp theo)

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi lập báo cáo tài chính (xem Thuyết minh 2(d)).

(ii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng, cho mục đích quản lý (xem Thuyết minh 2(g)).

(w) Các khoản phải thu khác

Đối với các khoản nợ phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, các khoản nợ phải thu này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng TCKT lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết...

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Vietcombank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng (xem Thuyết minh 2(g)).



2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(x) Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

(y) Lãi trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Vietcombank (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

1. Trình bày công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- . Tiền;
- . Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- . Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác;
- . Cho vay khách hàng;
- . Chứng khoán kinh doanh;
- . Chứng khoán đầu tư;
- . Đầu tư dài hạn;
- . Các tài sản phái sinh; và
- . Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- . Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;
- . Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;
- . Tiền gửi của khách hàng;
- . Giấy tờ có giá đã phát hành;
- . Các khoản nợ phải trả phái sinh; và
- . Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

(a) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại một cách phù hợp các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC.

Đối với tài sản tài chính, phân loại thành:

- . Tài sản tài chính kinh doanh;
- . Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- . Các khoản cho vay và phải thu; và
- . Tài sản sẵn sàng để bán.

Đối với nợ phải trả tài chính, phân loại thành:

- . Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và
- . Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.



3. Trình bày công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

(a) Ghi nhận

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Vietcombank tham gia vào quan hệ hợp đồng về việc cung cấp công cụ tài chính có liên quan. Vietcombank ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày Vietcombank ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kế toán theo ngày giao dịch).

(c) Dừng ghi nhận

Vietcombank dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền nhận được các luồng tiền từ tài sản tài chính chấm dứt hoặc Vietcombank đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính. Nợ phải trả tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi khoản nợ đã được thanh toán (nghĩa vụ nợ đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc hết hạn).

(d) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 39(b).

Việc lập và trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày Thuyết minh 39(b). Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày ở các thuyết minh trên.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Nếu không tồn tại một thị trường hoạt động cho các công cụ tài chính, Vietcombank xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Kỹ thuật định giá được lựa chọn sử dụng tối đa các điều kiện thị trường, càng ít dựa vào các ước tính mang tính đặc thù đối với Vietcombank càng tốt, đưa vào tất cả các yếu tố mà các bên tham gia thị trường sẽ xem xét khi thiết lập một mức giá, và nhất quán với các phương pháp kinh tế được chấp nhận để đánh giá các công cụ tài chính. Các dữ liệu đầu vào phục vụ các kỹ thuật định giá phản ánh một cách hợp lý các ước tính thị trường và đo lường yếu tố rủi ro - lợi nhuận gắn liền với công cụ tài chính.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	7.092.670	6.614.823
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.425.873	1.707.052
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	791	1.510
	8.519.334	8.323.385

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Tiền gửi bằng VND	3.258.590	1.736.080
Tiền gửi bằng USD	16.456.445	11.531.021
	19.715.035	13.267.101

Tiền gửi tại NHNN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc ("DTBB") và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại NHNN không thấp hơn số tiền phải DTBB trong tháng. Số tiền DTBB trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải DTBB trong tháng trước nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2015	31/12/2014
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất thực tế của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	1,2%	1,2%
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0%	0%
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0%	0%
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05%	0,05%



6. Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	125.186	84.265
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	29.566.958	30.995.486
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	35.187.102	14.688.836
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	27.708.291	43.140.887
	92.587.537	88.909.474
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Cho vay bằng VND	36.704.575	48.808.739
Cho vay bằng ngoại tệ	2.235.261	8.381.185
	38.939.836	57.189.924
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	(22.877)
	38.939.836	57.167.047
	131.527.373	146.076.521

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Nợ đủ tiêu chuẩn	131.479.873	138.185.892
Nợ cần chú ý	47.500	7.892.260
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	21.246
Số dư cuối kỳ	131.527.373	146.099.398

Dự phòng rủi ro cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Dự phòng chung	-	-
Dự phòng cụ thể	-	22.877
Số dư cuối kỳ	-	22.877

6. Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác (tiếp theo)

Biến động dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	-	58.890
Hoàn nhập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	-	(58.890)
Số dư cuối kỳ	-	-

Biến động dự phòng cụ thể cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Số dư đầu kỳ	22.877	7.134
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	(22.877)	15.743
Số dư cuối kỳ	-	22.877

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Chứng khoán nợ	9.361.389	9.876.942
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	5.566.843	8.916.295
Chứng khoán do các TCTD khác phát hành	3.494.546	960.647
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	300.000	-
Chứng khoán vốn	106.866	249.650
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	10	6.733
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	106.856	242.917
	9.468.255	10.126.592
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(950)	(4.449)
	9.467.305	10.122.143



7. Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Chứng khoán nợ	9.361.389	9.876.942
Đã niêm yết	9.061.389	9.876.942
Chưa niêm yết	300.000	-
Chứng khoán vốn	106.866	249.650
Đã niêm yết	106.860	249.643
Chưa niêm yết	6	7
	9.468.255	10.126.592

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	4.449	888
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 26)	(3.499)	3.561
Số dư cuối kỳ	950	4.449

8. Cho vay khách hàng

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	382.489.356	319.586.324
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	2.108.083	1.695.473
Cho thuê tài chính	2.499.785	2.004.371
Các khoản trả thay khách hàng	46.215	39.802
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	8.265	12.148
	387.151.704	323.338.118

8. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo chất lượng nợ vay như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Nợ đủ tiêu chuẩn	370.637.362	298.384.575
Nợ cần chú ý	9.377.079	17.491.365
Nợ dưới tiêu chuẩn	796.645	2.134.439
Nợ nghi ngờ	750.489	1.756.323
Nợ có khả năng mất vốn	5.590.129	3.571.416
	387.151.704	323.338.118

Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian đáo hạn như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Nợ ngắn hạn	230.183.780	206.763.418
Nợ trung hạn	43.842.359	33.541.000
Nợ dài hạn	113.125.565	83.033.700
	387.151.704	323.338.118

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Doanh nghiệp Nhà nước	90.323.280	90.002.735
Công ty trách nhiệm hữu hạn	81.743.726	69.453.779
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	26.082.944	17.882.606
Hợp tác xã và công ty tư nhân	7.720.166	6.055.632
Cá nhân	77.831.154	51.745.732
Khác	103.450.434	88.197.634
	387.151.704	323.338.118



8. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Xây dựng	21.295.535	16.396.304
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	27.270.622	23.634.980
Sản xuất và gia công chế biến	122.263.924	111.471.498
Khai khoáng	17.467.032	13.996.417
Nông, lâm, thủy hải sản	10.765.546	7.629.908
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	24.106.631	15.175.476
Thương mại, dịch vụ	105.498.319	94.640.746
Nhà hàng, khách sạn	8.777.850	8.806.821
Các ngành khác	49.706.245	31.585.968
	387.151.704	323.338.118

9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Dự phòng chung	2.706.385	2.259.976
Dự phòng cụ thể	5.903.493	4.824.395
	8.609.878	7.084.371

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Số dư đầu kỳ	2.259.976	1.917.731
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	440.784	340.410
Chênh lệch tỷ giá	5.625	1.835
Số dư cuối kỳ	2.706.385	2.259.976

9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (tiếp theo)

Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Số dư đầu kỳ	4.824.395	4.533.074
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	5.109.836	4.682.501
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(3.411.042)	(2.752.276)
Sử dụng đối với nợ bán cho VAMC	(620.575)	(1.639.191)
Chênh lệch tỷ giá	879	287
Số dư cuối kỳ	5.903.493	4.824.395

10. Chứng khoán đầu tư

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	32.386.706	29.624.659
Tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN	-	12.294.509
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	10.189.445	6.956.501
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	100.000	100.000
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	19.251	43.560
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	245.773	178.546
	42.941.175	49.197.775
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(33.543)	(68.656)
	42.907.632	49.129.119



10. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)		
(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)		
Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:		
	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	15.393	34.506
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	18.150	18.150
Dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	16.000
	33.543	68.656
Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:		
	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	34.506	23.417
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 27)	(19.113)	11.089
Số dư cuối kỳ	15.393	34.506
Biến động dự phòng chung cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết		
	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	18.150	-
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	-	18.150
Số dư cuối kỳ	18.150	18.150
Biến động dự phòng cụ thể cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết		
	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	16.000	-
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	(16.000)	16.000
Số dư cuối kỳ	-	16.000

10. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

(a) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)		
	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Trái phiếu Chính phủ	51.564.369	13.184.026
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	100.347	292.617
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành (không bao gồm Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	10.588.751	2.798.751
	62.253.467	16.275.394
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(74.466)	(20.466)
	62.179.001	16.254.928
Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:		
	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	74.466	20.466
	74.466	20.466
Biến động dự phòng giảm giá cho chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	-	1.529
(Hoàn nhập) dự phòng (xem Thuyết minh 27)	-	(1.529)
Số dư cuối kỳ	-	-



10. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) (tiếp theo)

Biến động dự phòng chung cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	20.466	-
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	54.000	20.466
Số dư cuối kỳ	74.466	20.466

(c) Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Mệnh giá Trái phiếu đặc biệt	3.564.811	1.925.591
Dự phòng Trái phiếu đặc biệt	(596.208)	(185.315)
	2.968.603	1.740.276

Biến động dự phòng cụ thể cho Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	185.315	-
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	502.348	185.315
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(91.455)	-
	596.208	185.315

(d) Phân tích chất lượng chứng khoán

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	12.908.751	4.828.751
Nợ cần chú ý	-	320.000
	12.908.751	5.148.751

11. Góp vốn đầu tư dài hạn

(a) Vốn góp liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	342.641
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	131.484
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	279.647
			815.515	753.772

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	379.424
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Quản lý quỹ đầu tư	51%	28.050	31.294
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	282.426
			708.415	693.144

Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành và 51% vốn góp của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank, tuy nhiên, điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản "Vốn góp liên doanh" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào các công ty con".

Ngân hàng sở hữu 45% vốn góp của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif, tuy nhiên, điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản "Vốn góp liên doanh" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty liên kết".



11. **Góp vốn, đầu tư dài hạn (tiếp theo)**

(b) **Đầu tư vào công ty liên kết**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	9.349
			11.110	9.349

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	9.773
			11.110	9.773

Ngân hàng có ảnh hưởng trọng yếu thông qua việc tham gia vào Hội đồng Quản trị của công ty nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của công ty này. Do vậy, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty liên kết" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư dài hạn khác".

11. **Góp vốn, đầu tư dài hạn (tiếp theo)**

(c) **Đầu tư dài hạn khác**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất - Nhập khẩu VN	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	Ngân hàng	4,30%	123.452
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	7,16%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	5,07%	144.802
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	10,04%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Chuyển mạch tài chính Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ	2,99%	4.400
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	2,00%	499.602
			2.829.418
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(35.789)
			2.793.629



11. Góp vốn, đầu tư dài hạn (tiếp theo)

(c) Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất - Nhập khẩu VN	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	Ngân hàng	4,30%	123.453
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	9,59%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	5,07%	144.802
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ SWIFT, MASTER và VISA	Bảo lãnh tín dụng Dịch vụ thẻ, thanh toán	0,80% -	1.864 1.572
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	10,04%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng	Bảo hiểm	3,11%	12.540
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thương mại Địa Ốc Việt	Bất động sản	3,67%	11.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ thẻ Smartlink	Dịch vụ thẻ	8,80%	4.400
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,59%	499.602
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (*)	Xây dựng	2,50%	17.500
			2.869.095
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(25.841)
			2.843.254

(*) Trong năm 2015, khoản đầu tư này được Vietcombank phân loại lại sang khoản mục Chứng khoán kinh doanh

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	25.841	36.290
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong năm (xem Thuyết minh số 30)	9.948	(10.449)
Số dư cuối kỳ	35.789	25.841

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ (trình bày lại)	2.369.478	3.054.365	567.857	562.967	6.554.667
Tăng trong kỳ	655.473	202.352	118.808	176.811	1.153.444
- Mua trong kỳ	640.323	200.941	118.808	166.708	1.126.780
- Tăng khác	15.150	1.411	-	10.103	26.664
Giảm trong kỳ	(6.289)	(26.010)	(5.593)	(8.484)	(46.376)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.945)	(25.954)	(5.593)	(7.817)	(42.309)
- Giảm khác	(3.344)	(56)	-	(667)	(4.067)
Số dư cuối kỳ	3.018.662	3.230.707	681.072	731.294	7.661.735
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ (trình bày lại)	508.492	2.539.291	365.119	312.761	3.725.663
Tăng trong kỳ	112.660	293.219	61.828	123.672	591.379
- Khấu hao trong kỳ	111.401	293.159	61.828	123.576	589.964
- Tăng khác	1.259	60	-	96	1.415
Giảm trong kỳ	(1.306)	(25.981)	(5.594)	(8.048)	(40.929)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.306)	(25.946)	(5.594)	(7.791)	(40.637)
- Giảm khác	-	(35)	-	(257)	(292)
Số dư cuối kỳ	619.846	2.806.529	421.353	428.385	4.276.113
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ (trình bày lại)	1.860.986	515.074	202.738	250.206	2.829.004
Số dư cuối kỳ	2.398.816	424.178	259.719	302.909	3.385.622



13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền và bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ (trình bày lại)	1.583.838	475.173	79.286	2.138.297
Tăng trong kỳ	53.291	2.599	17.695	73.585
- Mua trong kỳ	47.360	2.202	17.695	67.257
- Tăng khác	5.931	397	-	6.328
Giảm trong kỳ	-	-	(83)	(83)
Số dư cuối kỳ	1.637.129	477.772	96.898	2.211.799
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ (trình bày lại)	30.665	408.122	63.985	502.772
Tăng trong kỳ	8.425	44.350	2.484	55.259
- Khấu hao trong kỳ	7.345	44.350	2.484	54.179
- Tăng khác	1.080	-	-	1.080
Giảm trong kỳ	-	-	(83)	(83)
Số dư cuối kỳ	39.090	452.472	66.386	557.948
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ (trình bày lại)	1.553.173	67.051	15.301	1.635.525
Số dư cuối kỳ	1.598.039	25.300	30.512	1.653.851

14. Tài sản Có khác

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Các khoản phải thu nội bộ	753.317	611.952
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	2.779.139	1.976.264
	3.532.456	2.588.216

14. Tài sản Có khác (tiếp theo)

(a) Các khoản phải thu (tiếp theo)

(i) Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	145.888	226.817
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	151.777	135.105
Tạm ứng thuế thu nhập doanh nghiệp (xem Thuyết minh 34)	216	405
Tạm ứng thuế giá trị gia tăng (xem Thuyết minh 34)	1.343	2.737
Tạm ứng thuế khác (xem Thuyết minh 34)	265	513
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	767.021	700.966
Các khoản phải thu khác	1.712.629	909.721
	2.779.139	1.976.264

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Xây dựng cơ bản dở dang	767.021	700.966
<i>Trong đó, những công trình lớn:</i>		
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Thanh Hóa	162.572	-
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Đồng Nai	132.890	116.979
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	39.866	-
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Hà Nội	24.566	349
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Vũng Tàu	30.056	37.309
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bình Thuận	31.348	27.155
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bắc Ninh	13.600	-
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Quảng Bình	7.848	55.555
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bắc Hà Tĩnh	2.613	10.207
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Thăng Long	-	80.772
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Hà Tây	-	46.000
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Cà Mau	-	26.281
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Huế	-	25.884



14. Tài sản Có khác (tiếp theo)

(b) Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Từ cho vay khách hàng	1.231.435	946.945
Từ tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	505.211	410.774
Từ các khoản đầu tư chứng khoán	3.064.315	2.244.134
Từ giao dịch phái sinh	41.314	57.826
	4.842.275	3.659.679

(c) Tài sản Có khác

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	928.095	587.444
Vật liệu	88.824	71.695
Phải thu liên quan đến nghiệp vụ thẻ	324.090	526.399
Tài sản Có khác	255.064	382.064
	1.596.073	1.567.602

15. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước	2.861.958	1.219.014
Vay theo hồ sơ tín dụng	2.321.634	776.516
Vay khác	540.324	442.498
Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước	26.049.857	36.090.880
Tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước	12.567.738	16.783.178
	41.479.553	54.093.072

16. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	51.743.682	33.697.181
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	6.064.969	2.708.962
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	35.061.617	23.476.453
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3.910.000	6.518.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.707.096	993.766
Vay các tổ chức tín dụng khác	20.391.699	9.540.617
Vay bằng VND	16.670.399	8.649.709
Vay bằng ngoại tệ	3.721.300	890.908
	72.135.381	43.237.798

17. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	140.491.461	108.943.606
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	100.729.659	77.966.348
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	39.761.802	30.977.258
Tiền gửi có kỳ hạn	354.019.090	306.186.461
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	283.373.464	242.517.819
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	70.645.626	63.668.642
Tiền gửi vốn chuyên dùng	4.825.786	6.251.820
Tiền gửi ký quỹ	1.191.930	821.893
	500.528.267	422.203.780

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Các TCKT	224.730.484	195.981.419
Cá nhân	275.797.783	226.222.361
	500.528.267	422.203.780



18. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(khoản nợ) tài chính khác

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp đồng Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	8.944.224	89.199	8.171.486	53.179
Hợp đồng kỳ hạn	7.784.153	(88.571)	8.168.235	(128.457)
	16.728.377	628	16.339.721	(75.278)

19. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi	6.081	7.638
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	210	204
Trung hạn bằng VND	415	942
Trung hạn bằng ngoại tệ	5.456	6.492
Kỳ phiếu, trái phiếu	2.472.989	2.201.003
Ngắn hạn bằng VND	47	47
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	103	117
Trung hạn bằng VND	2.472.827	2.200.827
Trung hạn bằng ngoại tệ	12	12
	2.479.070	2.208.641

20. Các khoản nợ khác

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Lãi tiền gửi của khách hàng	4.650.887	4.527.262
Lãi tiền gửi và vay của các TCTD khác	276.343	225.893
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	2.630	5.658
Lãi phải trả giao dịch phái sinh	58.445	38.668
	4.988.305	4.797.481

20. Các khoản nợ khác (tiếp theo)

(b) Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Các khoản phải trả nội bộ (i)	1.700.312	1.182.935
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	4.677.369	4.823.186
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.214.597	882.994
	7.592.278	6.889.115

(i) Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	1.504.592	993.407
Các khoản phải trả khác	195.720	189.528
	1.700.312	1.182.935

(ii) Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Thuế phải trả (xem Thuyết minh 34)	251.316	417.696
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	181.477	350.816
- Thuế giá trị gia tăng chờ nộp ngân sách	24.641	19.694
- Các thuế khác phải trả	45.198	47.186
Lãi nhận trước chờ phân bổ	30.483	139.161
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	137.829	348.833
Phải trả nhà đầu tư chứng khoán	40.127	29.930
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	182.115	226.198
Các khoản khác phải trả khách hàng	189.772	310.989
Các khoản chờ thanh toán khác	106.740	74.931
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.528
Tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	695.912	698.455
Vốn vay từ các tổ chức khác	1.500.000	1.500.000
Phải trả khác	1.478.547	1.012.465
	4.677.369	4.823.186



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc NHNN Việt Nam)

21. Vốn và các quỹ

(a) Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Thặng dư vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác		Quỹ dự trữ		Chênh lệch đánh giá tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Lợi nhuận để lại		Lợi ích cổ đông thiểu số		Tổng cộng		
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2015 (trình bày lại)	26.650.203	5.725.318	45.160	1.351.365	2.729.965	70.661	4.151.991	83.405	67.236	6.601.598	147.852	43.472.763							
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.313.928	18.139	5.332.067							
Tạm trích quỹ năm 2015	-	-	-	266.110	528.640	-	794.750	-	-	(1.759.347)	-	(964.597)							
Trích quỹ năm 2014	-	-	-	(27)	(27)	-	(54)	-	-	(16.152)	(558)	(16.764)							
Trả cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.665.020)	-	(2.665.020)							
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	(5.325)	-	(5.325)	-	-	-	-	(5.325)							
Điều chỉnh của KTNH và Cơ quan Thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	630	-	630							
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-	12.733	-	(110)	12.623							
Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	5.817	-	-	-	5.817							
Khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	171	(23)	148							
Số dư tại ngày 31/12/2015	26.650.203	5.725.318	45.160	1.617.448	3.253.253	70.661	4.941.362	89.222	79.969	7.475.808	165.300	45.172.342							

21. Vốn và các quỹ (tiếp theo)

(b) Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Cổ phiếu phổ thông		
Nhà nước	20.550.766	20.550.766
Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	3.997.544	3.997.544
Cổ đông khác	2.101.893	2.101.893
	26.650.203	26.650.203

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần theo Giấy phép	2.665.020.334	26.650.203	2.665.020.334	26.650.203
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.665.020.334	26.650.203	2.665.020.334	26.650.203
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	2.665.020.334	26.650.203	2.665.020.334	26.650.203

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần	5.313.928	4.566.514
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	(981.361)	(786.480)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.332.567	3.780.034



21. Vốn và các quỹ (tiếp theo)

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(ii) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	Năm kết thúc 31/12/2015	Năm kết thúc 31/12/2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	2.665.020.334	2.317.417.076
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	347.603.258
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	2.665.020.334	2.465.981.756

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc 31/12/2015 VND	Năm kết thúc 31/12/2014 (trình bày lại) VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.626	1.533

22. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (trình bày lại)
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	24.306.183	22.117.907
Thu nhập lãi tiền gửi	1.199.274	790.179
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ:	5.307.039	4.824.400
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	5.072.617	4.824.400
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	234.422	-
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	195.092	180.146
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	283.154	254.554
Thu khác từ hoạt động tín dụng	30.117	55.203
Thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	39.870	-
	31.360.729	28.222.389

23. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	(14.956.105)	(15.259.879)
Trả lãi tiền vay	(596.262)	(506.802)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(278.523)	(244.527)
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	(76.807)	(202.390)
	(15.907.697)	(16.213.598)

24. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (trình bày lại)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	2.147.481	1.741.752
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	186.393	157.229
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	8.248	8.144
Thu khác	1.215.182	1.005.264
	3.557.304	2.912.389
Chi phí từ hoạt động dịch vụ		
Chi về dịch vụ thanh toán	(1.280.848)	(1.068.463)
Chi về dịch vụ ngân quỹ	(50.158)	(35.187)
Chi về dịch vụ viễn thông	(76.999)	(65.695)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(697)	(2.701)
Chi khác	(275.954)	(223.472)
	(1.684.656)	(1.395.518)
	1.872.648	1.516.871



25. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	2.968.544	2.390.591
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	265.360	181.014
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	670.207	287.390
	3.904.111	2.858.995
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(952.813)	(681.149)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(1.352.441)	(730.745)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(26.283)	(102.022)
	(2.331.537)	(1.513.916)
	1.572.574	1.345.079

26. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	319.270	251.043
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(144.407)	(48.358)
Chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (xem Thuyết minh 7)	3.499	(3.561)
	178.362	199.124

27. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	212.758	243.174
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(60.404)	(13.863)
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 10(a))	19.113	(11.089)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 10(b))	-	1.529
	171.467	219.751

28. Lãi thuần từ hoạt động khác

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	1.834.236	1.419.966
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (xem Thuyết minh 10(c))	-	10.449
Thu về nghiệp vụ bán nợ	212.882	356.548
Thu nhập khác	93.432	152.665
	2.140.550	1.939.628
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	(4.310)	(32.815)
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(110)	(163)
Chi công tác xã hội	(211.851)	(111.625)
Chi phí khác	(19.000)	(10.382)
	(235.271)	(154.985)
	1.905.279	1.784.643



29. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần	94.803	164.103
- <i>Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận</i>	<i>81.033</i>	<i>157.878</i>
- <i>Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh đã nhận</i>	<i>13.770</i>	<i>6.225</i>
Phân chia lỗ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	(47.468)	(12.732)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần	1.100	858
Thu nhập khác	-	58.750
	48.435	210.979

30. Chi phí hoạt động

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	(165.500)	(135.501)
Chi phí cho nhân viên	(4.283.737)	(3.480.576)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi lương và phụ cấp</i>	<i>(3.980.288)</i>	<i>(3.188.197)</i>
<i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i>	<i>(223.813)</i>	<i>(216.900)</i>
<i>Chi trợ cấp</i>	<i>(2.196)</i>	<i>(1.852)</i>
Chi về tài sản	(1.820.583)	(1.600.571)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Khấu hao tài sản cố định</i>	<i>(644.239)</i>	<i>(640.735)</i>
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	(1.692.881)	(1.378.566)
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	(292.895)	(225.038)
Chi dự phòng giảm giá khoản đầu tư, mua cổ phần (xem Thuyết minh 11(c))	(9.948)	-
Chi phí hoạt động khác	(40.705)	(29.474)
	(8.306.249)	(6.849.726)

31. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Hoàn nhập dự phòng (xem Thuyết minh 6)	-	58.890
Dự phòng cụ thể cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 6)	22.877	(15.743)
Dự phòng chung cho vay khách hàng		
(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 9)	(440.784)	(340.410)
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng		
(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 9)	(5.109.836)	(4.682.501)
Dự phòng chung cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết		
(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 10(a) và 10(b))	(54.000)	(38.616)
Dự phòng cụ thể cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết		
(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 10(a) và 10(c))	(486.348)	(201.315)
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng		
Hoàn nhập dự phòng	-	628.250
	(6.068.091)	(4.591.445)



32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	6.827.457	5.844.067
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(210.059)	(258.004)
Cổ tức thu được trong năm (xem Thuyết minh 29)	(94.803)	(164.103)
Phân chia lỗ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (xem Thuyết minh 29)	47.468	12.732
Các khoản điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	-	8.472
Chi phí dự phòng đã trích lập trong năm 2013 nhưng chỉ đủ điều kiện khấu trừ khi tính thuế trong năm 2014 của Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS")	(127)	(13.094)
Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ khi tính thuế của VCBS	-	10.069
Chi phí khác không được khấu trừ khi tính thuế	1.984	1.998
Thu nhập chịu thuế	6.571.920	5.442.137
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của Ngân hàng (thuế suất: 22%)	(1.445.822)	(1.197.270)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 22%)	(47.813)	(58.942)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 16,5%)	(1.465)	(1.479)
Chi phí thuế TNDN trong năm của toàn hệ thống	(1.495.100)	(1.257.692)

33. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	8.519.334	8.323.385
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	19.715.035	13.267.101
Tiền, ngoại hối gửi tại và cho vay các TCTD khác đảo hạn trong vòng 3 tháng	122.367.566	131.040.901
Chứng khoán kinh doanh	9.468.255	10.126.592
Chứng khoán đầu tư đến hạn trong vòng 3 tháng	4.342.663	12.255.017
	164.412.853	175.012.996

34. Nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

	Số dư tại 1/1/2015 Triệu VND	Phát sinh trong năm		Số dư tại 31/12/2015		
		Phải trả Triệu VND	Đã trả Triệu VND	Phải trả Triệu VND	Ứng trước Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	17.020	294.228	287.950	24.641	(1.343)	23.298
Thuế TNDN hiện hành	349.127	1.495.741	1.663.607	181.477	(216)	181.261
<i>Trong đó:</i>						
- Thuế TNDN của Vietcombank	349.118	1.495.100	1.663.397	180.870	(49)	180.821
- Điều chỉnh thuế các năm trước	62	34	208	-	(112)	(112)
- Ảnh hưởng do chênh lệch tỷ giá của nghĩa vụ thuế năm 2008 của Vinafico đã được NH nộp NSNN	(53)	-	2	-	(55)	(55)
- Điều chỉnh quyết toán thuế 2014 và KTNN	-	607	-	607	-	607
Thuế TNDN hoãn lại	17.723	1.721	-	19.444	-	19.444
Thuế và phí khác	46.672	368.357	370.096	45.198	(265)	44.933
	430.542	2.160.047	2.321.653	270.760	(1.824)	268.936

35. Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên

	Năm kết thúc 31/12/2015	Năm kết thúc 31/12/2014 (Trình bày lại)
Tổng số cán bộ, nhân viên (người)	14.755	14.099
Thu nhập của cán bộ, nhân viên		
Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VND) (xem Thuyết minh 30)	3.980.288	3.188.197
Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VND)	22,48	18,84



36. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Vietcombank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hóa và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hóa nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Vietcombank đánh giá.

37. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
Thu nhập lãi tiền gửi	Cơ quan quản lý	107.562	80.546
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay		83.575	40.354
Bộ Tài chính			
Thu nhập lãi tiền vay	Cơ quan quản lý	4.908	30.768
Chi phí lãi tiền gửi		61.536	104.632
Chi phí lãi tiền vay		20.694	13.791

(b) Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
Tiền gửi của Vietcombank tại NHNN	Cơ quan quản lý	19.715.035	13.267.101
Tiền gửi và tiền vay của Ngân hàng từ NHNN		15.429.696	18.002.192
Bộ Tài chính			
Cho vay Bộ Tài Chính			
Tiền gửi tại Ngân hàng	Cơ quan quản lý	-	609.724
Vay Bộ Tài chính		26.049.857	36.090.880
		545.838	248.738



38. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung và Tây Nguyên Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.193.428,2	7.261.276	20.723.887	22.544	(38.581.260)	31.360.729
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(35.149.932)	(5.041.486)	(14.292.240)	(5.299)	38.581.260	(15.907.697)
I Thu nhập lãi thuần	6.784.350	2.219.790	6.431.647	17.245	-	15.453.032
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.002.710	306.636	1.335.822	17.446	(105.310)	3.557.304
4 Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.652.944)	(19.979)	(61.864)	(6.393)	56.524	(1.684.656)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	349.766	286.657	1.273.958	11.053	(48.786)	1.872.648
III Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.189.613	58.430	324.551	(20)	-	1.572.574
IV Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	178.362	-	-	-	-	178.362
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	171.467	-	-	-	-	171.467
5 Thu nhập từ hoạt động khác	896.233	309.325	934.500	492	-	2.140.550
6 Chi phí hoạt động khác	(105.954)	(315.48)	(93.232)	(4.537)	-	(235.271)
VI Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	790.279	277.777	841.268	(4.045)	-	1.905.279
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	48.435	-	-	-	-	48.435
VIII Tổng chi phí hoạt động	(5.150.670)	(890.075)	(2.281.418)	(32.872)	48.786	(8.306.249)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	4.361.602	1.952.579	6.590.006	(8.639)	-	12.895.548
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.464.437)	(569.324)	(4.034.372)	42	-	(6.068.091)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	2.897.165	1.383.255	2.555.634	(8.597)	-	6.827.457
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(627.079)	(304.316)	(562.240)	(1.465)	-	(1.495.100)
8 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(290)	-	-	-	-	(290)
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(627.369)	(304.316)	(562.240)	(1.465)	-	(1.495.390)
XIII Lợi nhuận sau thuế	2.269.796	1.078.939	1.993.394	(10.062)	-	5.332.067

38. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ tài chính ngân hàng Triệu VND	Dịch vụ tài phi ngân hàng Triệu VND	Chứng khoán Triệu VND	Khác Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	69.663.061	222.127	31.363	25.438	(38.581.260)	31.360.729
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(54.358.037)	(84.100)	(46.820)	-	38.581.260	(15.907.697)
I Thu nhập lãi thuần	15.305.024	138.027	(15.457)	25.438	-	15.453.032
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.277.774	5.859	251.485	127.496	(105.310)	3.557.304
4 Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.632.364)	(382)	(76.343)	(32.091)	56.524	(1.684.656)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.645.410	5.477	175.142	95.405	(48.786)	1.872.648
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.571.400	1.173	-	1	-	1.572.574
IV Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	175.287	-	3.075	-	-	178.362
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	179.268	-	(7.801)	-	-	171.467
5 Thu nhập từ hoạt động khác	2.135.798	4.218	87	447	-	2.140.550
6 Chi phí hoạt động khác	(230.391)	(4.537)	(343)	-	-	(235.271)
VI Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	1.905.407	(319)	(256)	447	-	1.905.279
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32.065	-	16.370	-	-	48.435
VIII Tổng chi phí hoạt động	(8.161.246)	(64.432)	(83.568)	(45.789)	48.786	(8.306.249)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	12.652.615	79.926	87.505	75.502	-	12.895.548
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(6.049.730)	(18.361)	-	-	-	(6.068.091)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	6.602.885	61.565	87.505	75.502	-	6.827.457
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.445.823)	(13.348)	(15.622)	(20.307)	-	(1.495.100)
8 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	(290)	-	-	(290)
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.445.823)	(13.348)	(15.912)	(20.307)	-	(1.495.390)
XIII Lợi nhuận sau thuế	5.157.062	48.217	71.593	55.195	-	5.332.067



39. Thuyết minh công cụ tài chính

(a) Thuyết minh về tài sản đảm bảo

Vietcombank không nắm giữ tài sản thế chấp mà Vietcombank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Vietcombank sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý Triệu VND
	Kinh doanh Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VND	
Tài sản tài chính							
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.519.334	-	-	-	-	8.519.334	8.519.334
II Tiền gửi tại NHNN	19.715.035	-	-	-	-	19.715.035	19.715.035
III Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	131.527.373	-	-	131.527.373	132.032.584
IV Chứng khoán kinh doanh	9.468.255	-	-	-	-	9.468.255	9.467.306
V Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	628	-	-	-	628	628	628
VI Cho vay khách hàng	-	-	387.151.704	-	-	387.151.704	*
VIII Chứng khoán đầu tư	-	62.253.467	3.564.811	42.941.175	-	108.759.453	111.119.552
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	2.829.418	-	2.829.418	2.793.629
XII Tài sản tài chính khác	-	-	7.827.933	-	-	7.827.933	*
	37.703.252	62.253.467	530.071.821	45.770.593	-	675.799.133	*
Nợ phải trả tài chính							
I, II Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	113.614.934	113.614.934	113.891.276
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	500.528.267	500.528.267	*
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	2.479.070	2.479.070	*
VII Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	7.767.498	7.767.498	*
	-	-	-	-	624.389.769	624.389.769	*

(*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.



39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

ALCO là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập, Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

(i) Rủi ro tín dụng

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác dựa trên Thông tư 02 và Thông tư 09 (xem Thuyết minh 2(g)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng, Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và lập dự phòng đầy đủ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	131.479.873	-	47.500	131.527.373
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	92.587.537	-	-	92.587.537
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	38.892.336	-	47.500	38.939.836
Cho vay khách hàng - gộp	369.312.791	1.324.571	16.514.342	387.151.704
Chứng khoán đầu tư - gộp	107.225.463	-	1.533.990	108.759.453
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	42.941.175	-	-	42.941.175
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	64.284.288	-	1.533.990	65.818.278
Tài sản Có khác	7.827.933	-	-	7.827.933
	615.846.060	1.324.571	18.095.832	635.266.463

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo Vietcombank nắm giữ làm tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Triệu VND
Tiền gửi	44.285.572
Giấy tờ có giá	63.924.147
Bất động sản	265.451.528
Tài sản thế chấp khác	158.496.799
	532.158.046



39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý, góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác) được xếp vào nhóm các khoản mục không chịu lãi.
- Chứng khoán kinh doanh được xếp vào khoản mục đến 1 tháng.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế dựa trên kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các giấy tờ có giá đã phát hành được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá; phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Ngân hàng đối với từng đợt phát hành.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản vay khác là từ 1 đến 5 năm.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản nợ khác là từ 1 đến 3 tháng. Trên thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian điều chỉnh lãi suất khác nhau.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn Triệu VND	Không chịu lãi suất Triệu VND	Trong vòng 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ 3 đến 6 tháng Triệu VND	Từ 6 đến 12 tháng Triệu VND	Từ 1 đến năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản									
I	-	8.519.334	-	-	-	-	-	-	8.519.334
II	-	321	19.714.714	-	-	-	-	-	19.715.035
III	-	-	111.750.003	10.478.217	1.760.480	7.538.673	-	-	131.527.373
IV	-	-	9.468.255	-	-	-	-	-	9.468.255
V	-	-	-	628	-	-	-	-	628
VI	7.633.387	460	99.288.068	138.182.633	98.309.991	36.023.136	7.232.071	4.819.58	387.151.704
VIII	-	3.564.811	1.166.231	3.649.565	3.456.849	5.594.031	64.047.819	27.280.147	108.759.453
IX	-	3.592.539	-	-	-	-	-	-	3.592.539
X	-	5.039.473	-	-	-	-	-	-	5.039.473
XII	-	9.971.680	-	-	-	-	-	-	9.971.680
Tổng tài sản	7.633.387	30.688.618	241.387.271	152.311.043	103.527.320	49.155.840	71.279.890	27.762.105	683.745.474
Nợ phải trả									
I, II	-	-	104.172.319	4.748.691	857.589	3.835.358	977	-	113.614.934
III	-	7.754	279.372.224	107.069.277	60.142.634	46.643.123	7.275.973	17.282	500.528.267
VI	-	-	2.889	-	476.181	-	-	2.000.000	2.479.070
VII	-	12.600.027	-	-	-	-	-	-	12.600.027
Tổng nợ phải trả	-	12.607.781	383.547.432	111.817.968	61.476.404	50.478.481	7.276.950	2.017.282	629.222.298
Mức chênh lệch cam với lãi suất	7.633.387	18.080.837	(142.160.161)	40.493.075	42.050.916	(1.322.641)	64.002.940	25.744.823	54.523.176
Lũy kế chênh lệch cam với lãi suất	7.633.387	25.714.224	(116.445.937)	(75.952.862)	(33.901.946)	(35.224.587)	28.778.353	54.523.176	



39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VND, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

	VND Triệu VND	USD Triệu VND	EUR Triệu VND	Ngoại tệ khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản					
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	7.092.670	1.021.542	177.744	227.378	8.519.334
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3.258.590	16.456.445	-	-	19.715.035
III Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	72.016.863	43.422.678	10.657.616	5.430.216	131.527.373
IV Chứng khoán kinh doanh - gộp	9.468.255	-	-	-	9.468.255
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	4.451.303	(8.047.692)	(1.282)	3.598.299	628
VI Cho vay khách hàng - gộp	314.587.626	71.826.834	344.502	392.742	387.151.704
VIII Chứng khoán đầu tư - gộp	64.936.796	43.822.657	-	-	108.759.453
IX Góp vốn đầu tư dài hạn - gộp	3.592.539	-	-	-	3.592.539
X Tài sản cố định	5.037.709	891	-	873	5.039.473
XII Tài sản Có khác - gộp	12.527.085	1.114.437	4.762	(3.674.604)	9.971.680
Tổng tài sản	496.969.436	169.617.792	11.183.342	5.974.904	683.745.474
Nợ phải trả					
I, II Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	38.374.840	65.708.565	7.602.511	1.929.018	113.614.934
III Tiền gửi của khách hàng	386.840.367	104.484.134	3.848.468	5.355.298	500.528.267
VI Phát hành giấy tờ có giá	2.473.289	5.781	-	-	2.479.070
VII Các khoản nợ khác	17.865.275	(5.367.888)	36.640	66.000	12.600.027
Tổng nợ phải trả	445.553.771	164.830.592	11.487.619	7.350.316	629.222.298
Trạng thái tiền tệ nội bảng	51.415.665	4.787.200	(304.277)	(1.375.412)	54.523.176



39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là tình huống Vietcombank không thể thực hiện các cam kết tài chính đã thỏa thuận đối với khách hàng hoặc đối tác do không huy động đủ vốn hoặc không thanh khoản được tài sản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Vietcombank đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền gửi tại NHNN được xem như tiền gửi thanh toán, bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đến hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định; và
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản vay này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ: tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng nên được xếp loại không kỳ hạn, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay này có thể được quay vòng và duy trì trong thời gian lâu hơn.

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2015:

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Nợ trong hạn						Tổng cộng
	Nợ quá hạn trên 3 tháng	Nợ quá hạn đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản							
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	8.519.334	-	-	-	8.519.334
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	-	19.715.035	-	-	-	19.715.035
III Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - góp	-	-	11.791.275	10.576.291	9.159.807	-	131.527.373
IV Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	9.468.255	-	-	-	9.468.255
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	628	-	-	628
VI Cho vay khách hàng - góp	6.341.263	1.292.123	39.214.902	72.611.156	136.364.900	41.494.245	387.151.704
VIII Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	693.098	3.649.565	9.050.880	27.280.147	108.759.453
IX Góp vốn đầu tư dài hạn - góp	-	-	-	-	-	3.592.539	3.592.539
X Tài sản cố định	-	-	-	-	-	5.039.473	5.039.473
XII Tài sản Có khác - góp	-	-	10.994	9.960.686	-	-	9.971.680
Tổng tài sản	6.341.263	1.292.123	189.412.893	96.798.326	154.575.587	157.918.878	683.745.474
Nợ phải trả							
I, II Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	-	-	104.153.605	4.659.597	4.276.683	449.004	113.614.934
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	169.522.405	143.630.731	150.697.931	36.659.196	500.528.267
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.889	-	4,181	472.000	2.479.070
VII Các khoản nợ khác	-	-	34,427	11,065,600	15,000,000	-	12,600,027
Tổng nợ phải trả	-	-	273.713.326	159.355.928	156.478.795	37.580.200	629.222.298
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	6.341.263	1.292.123	(84.300.433)	(62.557.602)	(1.903.208)	120.338.678	54.523.176



40. Thuyết minh về biến động lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 tăng 747 tỷ đồng (tương đương 16,3%), nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng tăng so với năm 2014 khoảng 984 tỷ đồng (tương đương 16,8%) do các khoản mục chính sau:

	Ảnh hưởng	
	Tuyệt đối Tỷ VNĐ	Tương đối %
Khoản mục có biến động chủ yếu		
Tăng Thu từ hoạt động dịch vụ	645	11,04
Tăng Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro (thuộc Thu nhập từ hoạt động khác)	414	7,08
	1.059	18,12

41. Các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Vietcombank.

42. Thay đổi số liệu so sánh do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước

(a) Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước

Số liệu đầu kỳ tại Bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày lại theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước đã được công bố thông tin tại Công văn số 4084/VCB.CBTT.TH&ĐKT ngày 4 tháng 11 năm 2015 và theo đính chính của Kiểm toán Nhà nước tại Công văn số 1442/KTNN-TH ngày 15 tháng 12 năm 2015. Nội dung thuyết minh này đã được Vietcombank trình bày tại báo cáo Quý IV do Vietcombank lập. Chi tiết điều chỉnh được trình bày dưới đây:

(i) Ảnh hưởng đối với tổng tài sản:

	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số theo báo cáo KTNN)	31/12/2014 Triệu VNĐ (Số đã kiểm toán)	Chênh lệch Triệu VNĐ
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	146.076.521	146.066.919	9.602
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	88.909.474	88.909.474	-
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	57.189.924	57.189.924	-
Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	(22.877)	(32.479)	9.602
Cho vay khách hàng	316.253.747	316.289.043	(35.296)
Cho vay khách hàng	323.338.118	323.332.037	6.081
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(7.084.371)	(7.042.994)	(41.377)
Chứng khoán đầu tư	67.124.323	67.103.565	20.758
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	49.197.775	49.197.775	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	18.200.985	18.180.227	20.758
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(274.437)	(274.437)	-
Tài sản cố định	4.464.529	4.445.613	18.916
Tài sản cố định hữu hình	2.829.004	2.811.969	17.035
<i>Nguyên giá</i>	<i>6.554.667</i>	<i>6.537.338</i>	<i>17.329</i>
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>	<i>(3.725.663)</i>	<i>(3.725.369)</i>	<i>(294)</i>
Tài sản cố định vô hình	1.635.525	1.633.644	1.881
<i>Nguyên giá</i>	<i>2.138.297</i>	<i>2.136.008</i>	<i>2.289</i>
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>	<i>(502.772)</i>	<i>(502.364)</i>	<i>(408)</i>
Tài sản Có khác	7.817.731	7.824.897	(7.166)
Các khoản phải thu	2.588.216	2.588.961	(745)
Các khoản lãi, phí phải thu	3.659.679	3.647.147	12.532
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.234	2.234	-
Tài sản Có khác	1.567.602	1.586.555	(18.953)
Tổng ảnh hưởng			6.814



42. Thay đổi số liệu so sánh do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

(a) Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

(i) Ảnh hưởng đối với tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

	31/12/2014 Triệu VND (Số theo báo cáo KTNN)	31/12/2014 Triệu VND (Số đã kiểm toán)	Chênh lệch Triệu VND
Các khoản nợ khác	11.704.319	11.671.696	32.623
Các khoản lãi, phí phải trả	4.797.481	4.797.481	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	17.723	17.723	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	6.889.115	6.856.492	32.623
Lợi nhuận chưa phân phối	6.601.598	6.627.407	(25.809)
Lợi nhuận để lại năm trước	3.509.025	3.509.025	-
Lợi nhuận năm nay	3.092.573	3.118.382	(25.809)
Tổng ảnh hưởng			6.814

(iii) Ảnh hưởng đối với cam kết ngoại bảng:

	31/12/2014 Triệu VND (Số theo báo cáo KTNN)	31/12/2014 Triệu VND (Số đã kiểm toán)	Chênh lệch Triệu VND
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	32.442.694	32.621.012	(178.318)

42. Thay đổi số liệu so sánh do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

(a) Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

(iv) Ảnh hưởng đối với kết quả hoạt động kinh doanh:

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Số theo báo cáo KTNN)	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Số đã kiểm toán)	Chênh lệch Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27.967.835	27.988.051	(20.216)
Thu nhập lãi thuần	11.754.237	11.774.453	(20.216)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.166.943	3.166.304	639
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(1.395.518)	(1.395.973)	455
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.771.425	1.770.331	1.094
Chi phí hoạt động khác	(154.985)	(155.176)	191
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	1.784.643	1.784.452	191
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(6.849.726)	(6.861.927)	12.201
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10.435.512	10.442.242	(6.730)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.591.445)	(4.565.750)	(25.695)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	5.844.067	5.876.492	(32.425)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.257.692)	(1.264.308)	6.616
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.258.357)	(1.264.973)	6.616
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	4.585.710	4.611.519	(25.809)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.566.514	4.592.323	(25.809)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.533	1.543	(10)



42. Thay đổi số liệu so sánh do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

(b) Thay đổi chính sách kế toán

Thực hiện theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 2 năm 2015, để đảm bảo số liệu so sánh, Ngân hàng bổ sung và trình bày lại một số chỉ tiêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại theo Thông tư 49)	31/12/2014 Triệu VND (Số theo báo cáo KTNN)	Nguyên nhân
Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán			
Cam kết giao dịch hối đoái	11.078.553	Không trình bày	Trình bày bổ sung theo
Cam kết mua ngoại tệ	3.179.688	Không trình bày	
Cam kết bán ngoại tệ	7.898.865	Không trình bày	Thông tư 49

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại theo Thông tư 49)	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Số theo báo cáo KTNN)	Số liệu điều chỉnh Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28.222.389	27.967.835	254.554
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.912.389	3.166.943	(254.554)

42. Thay đổi số liệu so sánh do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (tiếp theo)

(b) Thay đổi chính sách kế toán (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Trình bày lại theo Thông tư 49)	Năm kết thúc 31/12/2014 Triệu VND (Số theo báo cáo KTNN)	Số liệu điều chỉnh Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	28.155.859	27.901.305	254.554
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.515.728	1.770.282	(254.554)

43. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành phê duyệt Ngày 11 tháng 3 năm 2016.

Hà Nội, Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Ông Nguyễn Danh Lương

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Kế toán Trưởng

Phó Tổng Giám đốc



**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84) 4 3934 3137 Fax: (+84) 4 3826 9067
Swift: BFTV VNVX Website: www.vietcombank.com.vn